

CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ
ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM
LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM

Trà Vinh, tháng 7/2024

CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ
ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM
LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**



CHỦ CƠ SỞ

Chang King Fu

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC



MÃ HỮU PHƯỚC

Trà Vinh, tháng 7/2024

MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	5
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	7
1. Tên chủ cơ sở	8
2. Tên cơ sở	8
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	13
3.1. Công suất hoạt động.....	13
3.2. Công nghệ sản xuất.....	13
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	14
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng	14
4.1. Nguyên liệu.....	14
4.2. Nhiên liệu, vật liệu	15
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	16
5.1. Hạng mục công trình của cơ sở	16
5.2. Thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở.....	17
5.3. Tiến độ thực hiện	18
5.4. Tổ chức vận hành của cơ sở.....	18
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	20
1. Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	20
1.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia ...	20
1.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch tỉnh.....	20
1.3. Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch phân vùng, bảo vệ môi trường	20
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	21
2.1. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt	21
2.2. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí	21
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	23
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	23
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	23

1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	25
1.3. Xử lý nước thải	26
1.3.1. Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt.....	26
1.3.2. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 5,0m ³ /ngày.đêm.....	28
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	29
2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi	29
2.2. Công trình, biện pháp xử lý khí thải	31
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	33
3.1. Báo cáo về chủng loại, khối lượng phát sinh CTR thông thường	33
3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý áp dụng.....	33
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	34
4.1. Báo cáo về chủng loại, khối lượng CTNH phát sinh.....	34
4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý áp dụng.....	35
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	36
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	37
6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro cháy, nổ.....	37
6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động	37
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có	38
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	39
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	39
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	40
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	41
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	41
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	41
CHƯƠNG VI.....	44
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	44
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	44
1.1. Danh mục các công trình phải vận hành thử nghiệm	44
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các trình, thiết bị xử lý chất thải.....	44
1.3. Thông tin về đơn vị dự kiến phối hợp	45
2. Chương trình quan trắc chất thải	45
2.1. Kế hoạch quan trắc chất thải tự động, định kỳ	45
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác	46

CHƯƠNG VII	47
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	47
CHƯƠNG VIII	48
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	48
PHẦN PHỤ LỤC	49
PHỤ LỤC 1	50
PHỤ LỤC 1.1.....	51
PHỤ LỤC 1.2.....	52
PHỤ LỤC 1.3.....	53
PHỤ LỤC 2	54
PHỤ LỤC 2.1.....	55
PHỤ LỤC 2.2.....	56
PHỤ LỤC 3	57

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT



KÝ HIỆU	Ý NGHĨA
<i>BCĐX</i>	Báo cáo đề xuất
<i>BTCT</i>	Bê tông cốt thép
<i>BVMT</i>	Bảo vệ môi trường
<i>CNCH</i>	Cứu nạn cứu hộ
<i>CNĐKĐT</i>	Chứng nhận đăng ký đầu tư
<i>CTNH</i>	Chất thải nguy hại
<i>CTRCN TT</i>	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
<i>ĐTM</i>	Đánh giá tác động môi trường
<i>GPMT</i>	Giấy phép môi trường
<i>KCN</i>	Khu công nghiệp
<i>MTV</i>	Một thành viên
<i>NTSH</i>	Nước thải sinh hoạt
<i>PCCC</i>	Phòng cháy chữa cháy
<i>TNHH</i>	Trách nhiệm hữu hạn
<i>QCVN</i>	Quy chuẩn Việt Nam
<i>UBND</i>	Ủy ban Nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU



	Trang
Bảng 1.1: Tọa độ giới hạn các điểm góc của cơ sở	8
Bảng 1.2: Chứng loại sản phẩm tại cơ sở	14
Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu phục vụ sản xuất.....	14
Bảng 1.4: Quy hoạch sử dụng đất của các nhóm hạng mục công trình.....	16
Bảng 1.5: Quy mô sử dụng đất của hạng mục công trình chính.....	16
Bảng 1.6: Quy mô sử dụng đất của hạng mục công trình phụ trợ	17
Bảng 1.7: Quy mô sử dụng đất của hạng mục công trình BVMT.....	17
Bảng 1.8: Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của cơ sở.....	17
Bảng 3.1: Vị trí điểm thoát nước mưa chảy tràn	23
Bảng 3.2: Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thu gom, thoát nước mưa	24
Bảng 3.3: Thông số của khu nhà vệ sinh	25
Bảng 3.4: Vị trí điểm thoát NTSH sau xử lý	26
Bảng 3.5: Thông tin về công trình xử lý nước thải bằng hầm tự hoại.....	26
Bảng 3.6: Thông tin về công trình xử lý nước thải bằng hầm tự hoại.....	28
Bảng 3.7: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý NTSH.....	29
Bảng 3.8: Định mức sử dụng, tiêu hao hóa chất, điện năng.....	29
Bảng 3.9: Thông tin về hệ thống xử lý bụi	29
Bảng 3.10: Thông số kỹ thuật của hạng mục xử lý bụi	31
Bảng 3.11: Định mức sử dụng, tiêu hao chế phẩm sinh học, hóa chất, điện năng.	31
Bảng 3.12: Thông tin về hệ thống xử lý bụi	31
Bảng 3.13: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải.....	32
Bảng 3.14: Định mức sử dụng, tiêu hao chế phẩm sinh học, hóa chất, điện năng.	32
Bảng 3.15: Thống kê khối lượng CTRSH phát sinh.....	33
Bảng 3.16: Thống kê khối lượng CTRCN TT phát sinh	33
Bảng 3.17. Thống kê khối lượng CTNH phát sinh.....	34
Bảng 3.18. Thống kê khối lượng CTNH phát sinh khi đạt công suất thiết kế	35
Bảng 4.1: Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép	39
Bảng 4.2: Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng bụi và khí thải đề nghị cấp phép	40

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**

Bảng 6.1: Danh mục công trình xử lý chất thải thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.....	44
Bảng 6.2: Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý bụi, khí thải.....	44
Bảng 6.3: Thông số ô nhiễm quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.....	44
Bảng 6.4: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ khác.....	46

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ



	Trang
Hình 1.1: Minh họa tổng mặt bằng của cơ sở trên ảnh vệ tinh.....	10
Hình 1.2: Sơ đồ minh họa vị trí của cơ sở trong KCN Long Đức.....	11
Hình 1.3: Quy trình công nghệ sản xuất.....	13
Hình 1.4: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý tại nhà máy.....	19
Hình 3.1: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại nhà máy.....	23
Hình 3.2: Minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa.....	24
Hình 3.3: Minh họa hệ thống thoát NTSH trên tổng mặt bằng.....	25
Hình 3.4: Sơ đồ xử lý NTSH bằng hầm tự hoại 03 ngăn.....	27
Hình 3.5: Mặt bằng, mặt cắt của hầm tự hoại 3 ngăn.....	27
Hình 3.6: Sơ đồ công nghệ xử lý NTSH.....	28
Hình 3.7: Sơ đồ quy trình xử lý bụi sản xuất.....	30
Hình 3.8: Sơ đồ xử lý khí thải từ lò sấy sản phẩm.....	32

**CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

- Địa chỉ văn phòng: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: 02943.746669.

- Mã số thuế: 2100318350.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) CHEN-CHING TUNG.

- Chức vụ: Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đầu tư và đăng ký kinh doanh của cơ sở:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2100318350, đăng ký lần đầu ngày 06/7/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26/10/2015.

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3240514053 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh chứng nhận lần đầu ngày 06/7/2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 02/8/2017.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM.**

- Địa điểm cơ sở: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi của cơ sở được thể hiện ở bảng 1.1 dưới đây:

Bảng 1.1: Tọa độ giới hạn các điểm góc của cơ sở

Ký hiệu	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, KKT 105 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
M ₁	Điểm góc số 1	1102765	0592454
M ₂	Điểm góc số 2	1102704	0592502
M ₃	Điểm góc số 3	1102799	0592638
M ₄	Điểm góc số 4	1102876	0592584

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

- Tứ cận tiếp giáp của cơ sở như sau:

+ Phía Tây Bắc giáp với Công ty TNHH MTV Giống cây trồng Miền Nam; cách Công đoàn Khu kinh tế khoảng 50,0m.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**

- + Phía Đông Nam giáp với đường số 3, kế đến giáp Công ty TNHH MTV Việt Trần.
- + Phía Đông Bắc giáp với Công ty TNHH cơ khí Đồng Tiến Thành, kế đến giáp đường số 1.
- + Phía Tây Nam giáp với Công ty Cổ phần Mỹ Lan.
- Minh họa tổng thể mặt bằng của cơ sở trên bản đồ không ảnh (ảnh vệ tinh) như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

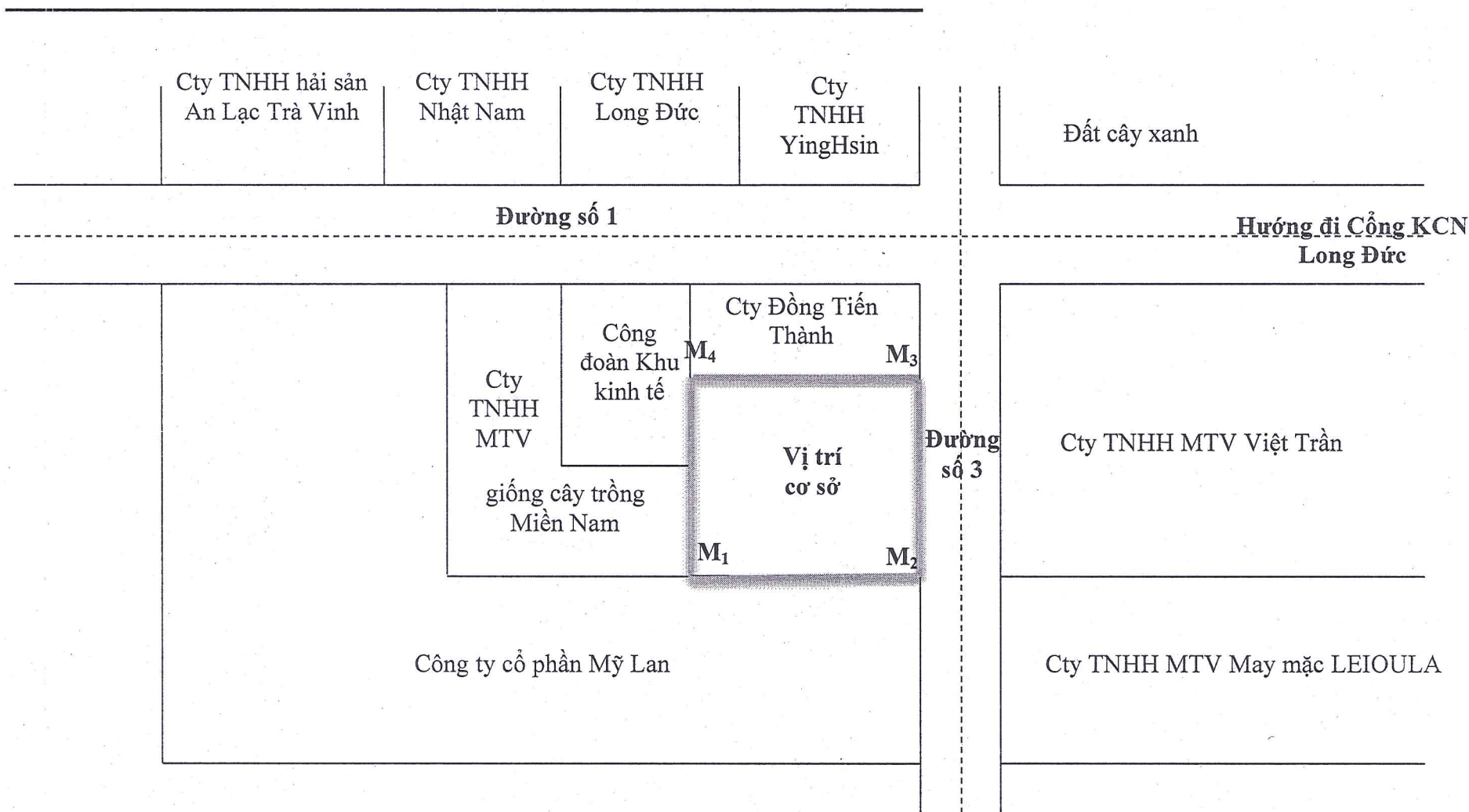
CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CÁT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM



Hình 1.1: Minh họa tổng mặt bằng của cơ sở trên ảnh vệ tinh

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM



Hình 1.2: Sơ đồ minh họa vị trí của cơ sở trong KCN Long Đức

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến phê duyệt cơ sở (nếu có):
 - + Giấy phép xây dựng số 07/GPXD ngày 05/7/2017 của Ban quản lý Khu kinh tế.
 - + Giấy phép xây dựng số 01/GPXD ngày 15/01/2018 của Ban quản lý Khu kinh tế.
 - Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các loại giấy phép môi trường thành phần (nếu có):
 - + Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất từ 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm”.
 - Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):
 - + Theo tiêu chí của Luật Đầu tư công¹: loại hình cơ sở được quy định tại Điểm d, Khoản 44, Điều 8.
 - + Theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP²: loại hình cơ sở được quy định tại Điểm 1, Khoản 4, Mục IV, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
 - + Theo Giấy CNĐKĐT³, tổng vốn đầu tư của cơ sở là 25 tỷ đồng.
- Từ những căn cứ trên, cơ sở được phân loại vào **NHÓM C**.
- Theo Luật Bảo vệ môi trường⁴, quy mô cơ sở xác định như sau:
 - + Cơ sở **không thuộc** danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm môi trường (**Phụ lục II**, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).
 - + Điểm c, Khoản 3, Điều 41 của Luật BVMT, cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương với nhóm **II**.
 - + Căn cứ Khoản 2, Điều 39 và Điểm c, Khoản 3, Điều 41, thì cơ sở đã được Chủ tịch UBND Trà Vinh phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 14/QĐ-UBND và đi vào hoạt động chính thức trước ngày Luật BVMT có hiệu lực.
- **Thẩm quyền thẩm định và cấp giấy phép môi trường cho cơ sở là Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.**

¹ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 6 năm 2019.

² Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

³ Giấy chứng nhận đầu tư và đăng ký kinh doanh của cơ sở: số 3240514053 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh cấp lần đầu ngày 06/7/2007 và thay đổi lần thứ 5 ngày 02/8/2017.

⁴ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

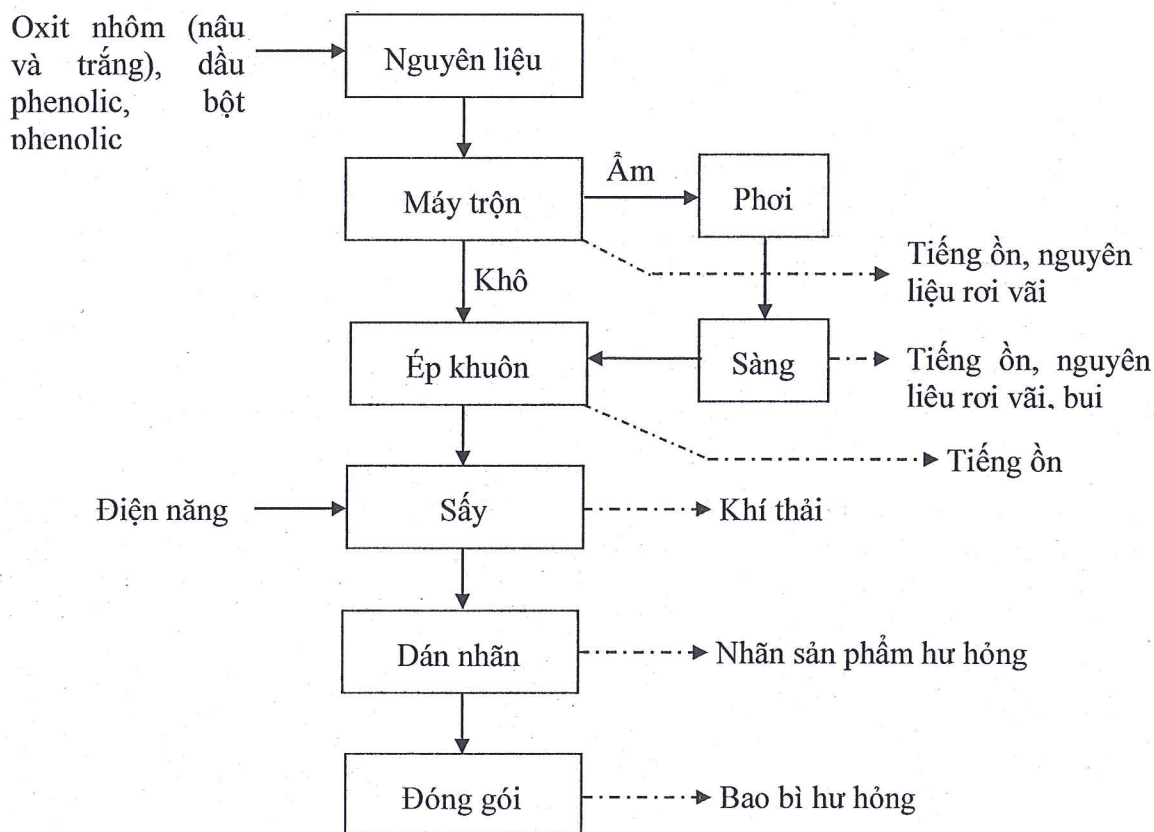
3.1. Công suất hoạt động

Cơ sở đã được Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Trà Vinh chứng nhận đầu tư với công suất thiết kế tối đa 35 triệu viên/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất

a. Sơ đồ quy trình công nghệ

Sơ đồ quy trình sản xuất của cơ sở như sau:



Hình 1.3: Quy trình công nghệ sản xuất

b. Thuyết minh quy trình

Quy trình sản xuất tại nhà máy được thực hiện theo từng mẻ. Các nguyên liệu đầu vào bao gồm: chất mài mòn oxit nhôm nâu (cát nâu), chất mài mòn oxit nhôm trắng (cát trắng), dung dịch phenolic, bột phenolic. Tất cả các loại nguyên liệu này sẽ được công nhân đưa vào máy trộn để trộn đều lại với nhau thành một hỗn hợp đồng nhất.

Hỗn hợp sau trộn được kiểm tra độ ẩm, nếu đạt yêu cầu thì hỗn hợp sẽ được đến công đoạn ép khuôn. Nếu hỗn hợp có ẩm độ cao sẽ được đem phơi trong các khay, sau đó đem ra và đưa vào máy sàng cho hỗn hợp cát tách ra từng hạt. Tiếp tục sàng lại thêm lần nữa trước khi đưa vào máy ép khuôn. Sản phẩm sau ép khuôn được đưa vào lò sấy dưới sự hỗ trợ của xe nâng và sấy ở nhiệt độ 180°C. Tiếp theo tiến hành dán nhãn sản phẩm bằng phương pháp thủ công hoặc bằng máy. Cuối cùng, sản phẩm được đóng gói vào thùng carton và lưu kho.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Một số loại sản phẩm điển hình của cơ sở được liệt kê như sau:

Bảng 1.2: Chứng loại sản phẩm tại cơ sở

Stt	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Đá cắt lớn	405 x 3,2 x 25,4mm; 355 x 3,0 x 25,4mm; 305 x 3,0 x 25,4mm	Phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường mà thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi
2	Đá cắt nhỏ	180 x 2,0 x 22mm; 125 x 2,0 x 22mm; 105 x 2,0 x 16mm; 106 x 1,35 x 16mm	
3	Đá mài	100 x 3,0 x 16mm; 100 x 6,0 x 16mm; 125 x 6,0 x 22mm; 180 x 6,0 x 22mm	

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng

4.1. Nguyên liệu

Nguyên, vật liệu dùng để sản xuất tại cơ sở gồm nhiều chủng loại khác nhau như: oxit nhôm nâu (cát nâu), oxit nhôm trắng (cát trắng), bột phenolic, chất lỏng phenolic,.... Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu phục vụ sản xuất

Stt	Tên nguyên, vật liệu	ĐVT	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Chất mài mòn oxit nhôm nâu	Tấn/năm	1.492,103	Nhập khẩu từ Trung Quốc và mua tại thị trường trong nước
2	Chất mài mòn oxit nhôm trắng	Tấn/năm	234,502	
3	Bột phenolic	Tấn/năm	89,537	
4	Chất lỏng phenolic	Tấn/năm	51,323	
5	Nẹp thiếc	Tấn/năm	51,439	
6	Lưới sợi các loại	Tấn/năm	160,994	
Tổng cộng		Tấn/năm	2.079,898	

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

Trong nhóm nguyên vật liệu dùng để sản xuất thì có 02 nhóm chất rất quan trọng đó là oxit nhôm và phenolic:

- Oxit nhôm: đóng vai trò là chất mài mòn, chiếm tỷ lệ rất lớn trong sản phẩm. Trong Oxit nhôm có 02 loại:

+ Oxit nhôm nâu: công thức hóa học là Al_2O_3 , trong đó Al_2O_3 chiếm từ 92,5 – 97%, còn lại TiO_2 chiếm từ 1,5 – 2,8%, độ cứng 1.800 – 2.200kg/mm².

+ Oxit nhôm trắng: công thức hóa học là Al_2O_3 , trong đó Al_2O_3 chiếm từ 97–98%, còn lại Na_2O chiếm từ 0,5-0,8%, độ cứng thấp hơn Al_2O_3 .

- + Các Oxit nhôm đều có đầy đủ 4 tính chất cơ bản để trở thành nguyên liệu sản xuất đá cắt, đá mài là: độ cứng, độ chắc, độ bền cơ học, ổn định nhiệt độ và hóa học.
- Phenolic: đóng vai trò là chất kết dính, chiếm tỷ lệ nhỏ trong sản phẩm. Phenolic sử dụng tại nhà máy gồm 2 dạng:
 - + Phenolic dạng lỏng: là dung dịch có màu nâu đỏ, thành phần cơ bản gồm có: phenol chiếm 13,3 – 14,32%, làm lượng nước 10,47 - 11,21%, hàm lượng chất rắn 71,59 – 76,8%, độ pH từ 6,99 – 8,06.
 - + Bột phenolic: tồn tại dạng rắn, hạt màu vàng nhạt, hàm lượng phenol <1%, hợp chất phenol (phenol resin) >90%;
 - + Tính chất: đây là chất kết dính, có nhiệt độ phân hủy >300⁰C, tỷ trọng trung bình 1,1g/ml, không tan trong nước.

4.2. Nhiên liệu, vật liệu

4.2.1. Nhu cầu về nhiên liệu, vật liệu

a. Nhu cầu về sử dụng nước sạch

Tại cơ sở, nước sạch được sử dụng cho các mục đích sinh hoạt, PCCC, tưới cây xanh. Theo thống kê thực tế từ quá trình hoạt động của cơ sở năm 2022, 2023 (hóa đơn sử dụng nước, báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023), khối lượng nước sử dụng khoảng 872 - 920 m³/năm, tương đương 72,6 – 76,7m³/tháng. Nguồn cung cấp từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh. Dự kiến khi đạt công suất thiết kế thì nhu cầu sử dụng nước sạch khoảng 6,0m³/ngày. Nguồn cung cấp từ Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh.

b. Nhu cầu về điện

Tại cơ sở, sử dụng điện cho việc vận hành thiết bị máy móc trong quá trình sản xuất, chiếu sáng, v.v. Theo thống kê thực tế từ quá trình hoạt động của cơ sở năm 2022, 2023 (hóa đơn sử dụng điện, báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023), khối lượng điện sử dụng khoảng 274.200 - 328.600 kWh/năm, tương đương 22.850 – 27.383 kWh/tháng.

Cơ sở đã xây dựng trạm hạ áp công suất 320 KVA để bảo đảm nguồn điện ổn định cho hoạt động sản xuất tại cơ sở. Nguồn cung cấp từ Công ty Điện lực Trà Vinh – Điện lực Thành phố Trà Vinh. Bên cạnh đó, cơ sở còn trang bị máy phát điện công suất 250KVA để dự phòng và sử dụng khi cần thiết.

c. Nhu cầu về tem nhãn sản phẩm

Mỗi sản phẩm của cơ sở đều dán tem ghi tên sản phẩm kèm theo những thông tin cơ bản của sản phẩm đó. Nhu cầu sử dụng tem nhãn khi sản xuất với công suất thiết kế là 35,35 triệu chiếc tem. Nguồn cung cấp tem nhãn sản phẩm cho cơ sở từ thị trường thành phố Hồ Chí Minh.

d. Nhu cầu sử dụng bao bì

Các sản phẩm của cơ sở sẽ được đóng gói vào thùng carton trước khi xuất bán ra thị trường. Khối lượng thùng carton là 50g/thùng, khi đó nhu cầu khi sản xuất với công suất tối đa 35 triệu viên/năm là 8,031 tấn/năm. Nguồn cung cấp bao bì cho cơ sở từ thị trường thành phố Hồ Chí Minh.

4.2.2. Nhu cầu về hóa chất sử dụng cho công trình BVMT

Trong quá trình vận hành, nhu cầu sử dụng hóa chất, vật tư cho công trình BVMT gồm có:

- Chlorine được sử dụng để xử lý vi sinh vật có trong nước thải trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Khối lượng Chlorine sử dụng khoảng 12kg/năm.
- Than hoạt tính: sử dụng để hấp phụ mùi trong công đoạn sấy sản phẩm. Khối lượng sử dụng hàng năm khoảng 25kg/năm.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Một số thông tin khác liên quan đến cơ sở, gồm có:

5.1. Hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích của cơ sở là 10.237,8m², được quy hoạch gồm 03 nhóm hạng mục sau:

- Hạng mục công trình chính.
- Hạng mục công trình phụ trợ.
- Hạng mục công trình BVMT.

Quy hoạch sử dụng đất của các nhóm hạng mục công trình phục vụ quá trình vận hành cơ sở tính đến thời điểm lập BCDX cấp GPMT như sau:

Bảng 1.4: Quy hoạch sử dụng đất của các nhóm hạng mục công trình

Stt	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Hạng mục công trình chính	5.540,0	54,10
2	Hạng mục công trình phụ	4.612,4	45,07
3	Hạng mục công trình BVMT	85,4	0,83
4	Tổng cộng	10.237,8	100,00

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

Quy hoạch chi tiết sử dụng đất của các nhóm hạng mục công trình tại cơ sở tính đến thời điểm lập BCDX cấp GPMT như sau:

a. Hạng mục công trình chính

Quy hoạch sử dụng đất của nhóm hạng mục công trình chính như sau:

Bảng 1.5: Quy mô sử dụng đất của hạng mục công trình chính

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Văn phòng và nhà ở chuyên gia	260,0	2,54
2	Nhà xưởng 1	1.360,0	13,28
3	Nhà xưởng 2	1.360,0	13,28
4	Nhà xưởng 3	1.360,0	13,28
5	Nhà kho	1.200,0	11,72

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
Tổng cộng		5.540,0	54,10

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

b. Hạng mục công trình phụ trợ

Quy hoạch sử dụng đất của nhóm hạng mục công trình phụ trợ như sau:

Bảng 1.6: Quy mô sử dụng đất của hạng mục công trình phụ trợ

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Nhà bảo vệ	36,8	0,36
2	Nhà máy phát điện	11,2	0,11
3	Nhà xe	240,0	2,34
4	Cây xanh	2.047,6	20,00
5	Sân đường nội bộ	2.276,8	22,26
Tổng cộng		4.612,4	45,07

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

c. Hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Quy hoạch sử dụng đất của nhóm hạng mục công trình BVMT như sau:

Bảng 1.7: Quy mô sử dụng đất của hạng mục công trình BVMT

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Kho chứa chất thải thông thường	24,7	0,24
2	Kho chứa chất thải nguy hại	19,5	0,19
3	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (bao gồm cả hầm tự hoại khu sản xuất)	28,5	0,28
4	Hệ thống xử lý bụi công đoạn sàng	8,7	0,08
5	Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy	4,0	0,04
Tổng cộng		85,4	0,83

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2014)

5.2. Thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở

Danh mục thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở như sau:

Bảng 1.8: Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của cơ sở

Stt	Tên thiết bị	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
1	Máy sản xuất đá cắt các loại	Đài Loan	Cái	12

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHEP MÔI TRƯỜNG

**CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**

Stt	Tên thiết bị	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
2	Máy sản xuất đá cắt các loại	Trung Quốc	Cái	19
3	Máy sản xuất đá cắt các loại	Việt Nam	Cái	2
4	Máy sản xuất đá cắt (405 x 3,2 x 24,5mm; 355 x 3,0 x 24,5mm)	Trung Quốc	Cái	2
5	Lò sấy đá cắt (106 x 1,0 x 16mm; 105 x 2,0 x 16mm)	Trung Quốc	Cái	4
6	Máy sản xuất đá mài (180 x 6,0 x 22mm; 125 x 6,0 x 22mm; 100 x 3,0 x 16mm; 100x6,0x16mm; 180x2,0x16mm; 125x2,0x16mm)	Việt Nam	Cái	1
7	Máy sản xuất đá cắt (305 x 3,0 x 24,5mm)	Việt Nam	Cái	1
8	Lò sấy đá (405 x 3,2 x 45,5mm; 355 x 3,0 x 24,5mm và các loại đá mài)	Trung Quốc	Cái	5
9	Máy trộn nguyên vật liệu	Trung Quốc	Cái	1
10	Xe nâng 2,5 tấn	Nhật Bản	Chiếc	2
11	Máy phát điện	Nhật Bản	Máy	1
12	Máy mài mặt phẳng	Trung Quốc	Cái	1
13	Máy kiểm tra tốc độ quay	Trung Quốc	Cái	1
14	Dây chuyền đóng gói tự động	Việt Nam	HT	1
15	Máy hút bụi	Việt Nam	Cái	3

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

5.3. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện của cơ sở đến thời điểm lập BCĐX cấp GPMT: đang hoạt động sản xuất theo Giấy chứng nhận công suất thiết kế 35 triệu viên/năm từ năm 2017.

5.4. Tổ chức vận hành của cơ sở

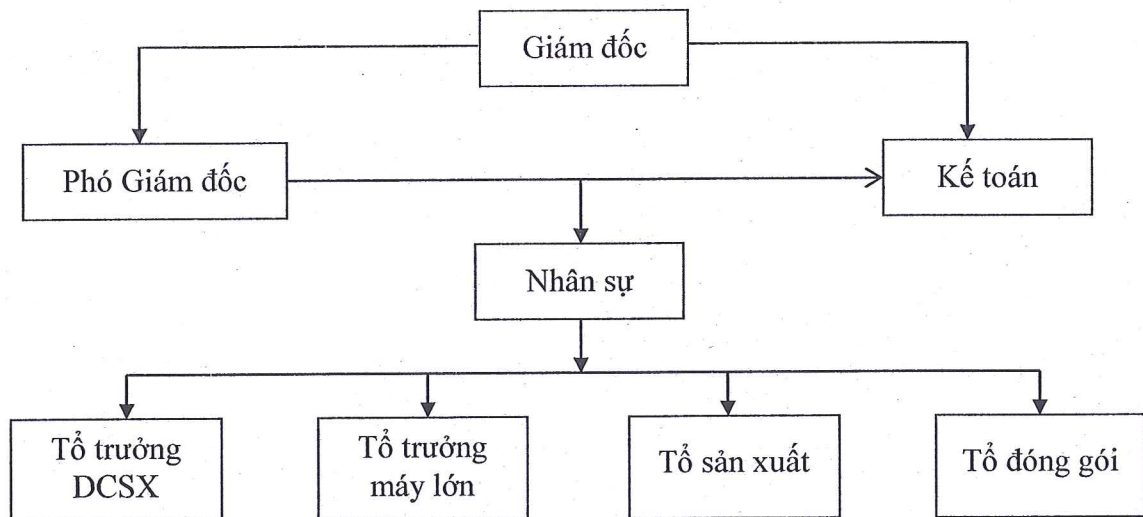
a. Tổng vốn đầu tư

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư, vốn đầu tư 25 tỷ đồng, gồm có:

- Vốn góp: 25 tỷ đồng, chiếm 100% tổng mức đầu tư.
- Vốn vay: không.

b. Tổ chức quản lý, vận hành

Cơ cấu tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở như sau:



Hình 1.4: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý tại nhà máy

Cơ sở được điều hành trực tiếp bởi giám đốc, phó giám đốc, bộ phận kế toán, bộ phận sản xuất.

Thời gian làm việc: Chế độ làm việc của nhà máy là 6 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 7), mỗi ngày làm 8h (từ 7h30 đến 17h00), công nhân được nghỉ giữa trưa 1,5h (từ 11h30 đến 13h00). Toàn bộ cán bộ, công nhân được nghỉ vào các dịp lễ, tết truyền thống và các ngày nghỉ theo đúng quy định của nhà nước và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18/02/2020. Thời điểm hiện tại quy hoạch chưa hoàn thành.

1.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch tỉnh

Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023. Theo quy hoạch đã xác định, KCN Long Đức là khu công nghiệp hiện có của tỉnh (tỷ lệ lấp đầy cơ bản đạt 100%) và là 01 trong các KCN được định hướng quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đến năm 2030.

Cơ sở đã hoạt động sản xuất trong KCN Long Đức từ năm 2007 đến nay và đã được Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh (đơn vị quản lý KCN Long Đức) cấp:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2100318350, đăng ký lần đầu ngày 06/7/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26/10/2015.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3240514053 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh chứng nhận lần đầu ngày 06/7/2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 02/8/2017.

Vị trí cơ sở đặt tại lô N, đường số 3 nằm trong KCN Long Đức và đã hợp đồng với Trung tâm quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp để thuê 10.327,8m² để thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong đó:

- Hợp đồng số 27/HĐ-CTHT ngày 10/8/2007 và Phụ lục hợp đồng số 08/PLHĐ-CtyQLPHT ngày 18/11/2017 được thuê với diện tích 9.357,0m².

- Hợp đồng số 13/HĐ-CTHT ngày 07/8/2017 được thuê với diện tích 880,8m².

Như vậy, việc hình thành và duy trì hoạt động của cơ sở là hoàn toàn phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội hiện hữu và định hướng quy hoạch phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Trà Vinh.

1.3. Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch phân vùng, bảo vệ môi trường

Tính đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh Trà Vinh đã ban hành Quyết định số 2367/QĐ-UBND⁵, Quyết định số 196/QĐ-UBND⁶ về các lĩnh vực khai thác, sử

⁵ Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất và danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

⁶ Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 16/02/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp 1 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

dụng nước dưới đất và khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước. KCN Long Đức là khu vực sản xuất công nghiệp tập trung đã được UBND tỉnh phê duyệt thành lập sớm nhất của tỉnh. Do đó, hoạt động sản xuất của cơ sở trong KCN luôn phù hợp về quy hoạch phân vùng, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động cơ sở đã tuân thủ đầy đủ các quy định về lĩnh vực môi trường, gồm có:

- Năm 2018, UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/01/2018.
- Thực hiện đầy đủ Báo cáo Công tác BVMT hàng năm theo đúng quy định.

Vì vậy có thể khẳng định, việc hình thành, duy trì hoạt động của cơ sở thời gian qua và trong thời gian tới đảm bảo sự phù hợp định hướng phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt

Năm 2023, KCN Long Đức đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 284/GPMT-BTNMT ngày 11/8/2023. Theo đó thì KCN được phép xả nước thải sau xử lý ra sông Cổ Chiên với lưu lượng tối đa là 2.000m³/ngày.đêm.

Căn cứ Luật BVMT⁷, cơ sở đã ký Hợp đồng số 17/HĐ-TTHT⁸ để thực hiện đấu nối nước thải sinh hoạt sau xử lý vào hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước nước thải sau xử lý của KCN theo đúng quy định của pháp luật.

Theo Báo cáo số 118/BC-TTHT⁹, hoạt động xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tại KCN Long Đức hiệu quả, an toàn, ổn định, chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, đủ điều kiện xả thải theo Giấy phép môi trường số 284/GPMT-BTNMT.

→ Hoạt động của cơ sở phù hợp với khả năng thu gom, tiếp nhận, xử lý của KCN. Hoạt động xử lý nước thải của KCN đảm bảo hiệu quả, đủ điều kiện để xả thải và không làm suy giảm khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận (sông Cổ Chiên).

2.2. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Theo Báo cáo số 118/BC-TTHT, hoạt động quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường không khí trong KCN Long Đức và khu vực xung quanh được thực hiện đầy đủ với các thông số quan trắc như Tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO, Hydrocacbon và tiếng ồn. Kết quả quan trắc cho thấy các thông số trên đều

⁷ Điểm a, Khoản 1, Điều 53 “Bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ”

⁸ Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 17/HĐ-TTHT ngày 01/02/2021 giữa Trung tâm quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Công ty TNHH Khánh Phong.

⁹ Báo cáo số 118/BC-TTHT ngày 27/12/2023 của Trung tâm quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp báo cáo kết quả quan trắc môi trường tại Khu công nghiệp Long Đức năm 2023.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**

nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Bên cạnh đó, theo chương trình quan trắc môi trường định kỳ đã được phê duyệt tại Quyết định số 14/QĐ-UBND¹⁰ thì cơ sở đã thực hiện thường xuyên, đầy đủ chế độ quan trắc chất lượng khí thải. Kết quả quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số $K_p = K_v = 1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT (*chi tiết kết quả quan trắc được thể hiện tại Chương V*).

→ Hoạt động sản xuất của cơ sở có làm phát sinh bụi và khí thải và đã được xử lý hiệu quả, đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số $K_p = K_v = 1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT và đủ điều kiện phát thải ra môi trường không khí và không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí xung quanh tại KCN Long Đức cũng như khu vực lân cận.

¹⁰ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất từ 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm”.

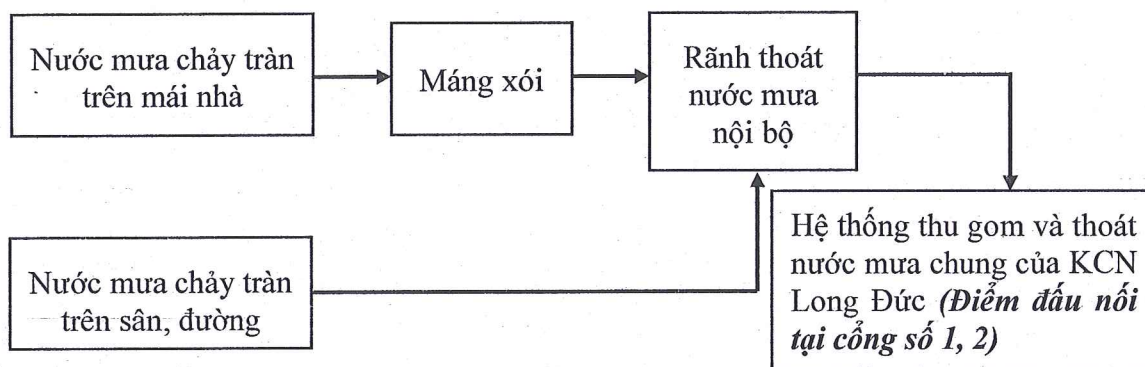
CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Giải pháp thu gom, thoát nước mưa chảy tràn tại cơ sở thực hiện như sau:



Hình 3.1: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại nhà máy

Mô tả hệ thống thu gom, thoát nước mưa như sau:

- Sân đường nội bộ được bê tông hóa tạo độ dốc thoát nước về cống thu gom nước mưa bên trong khuôn viên cơ sở.

- Nước mưa từ trên mái nhà xưởng được thu gom bằng máng xối dẫn vào ống nhựa $\Phi 90\text{mm}$ và thoát xuống rãnh thoát nước mưa nội bộ.

- Rãnh thu gom nước mưa nội bộ được đầu tư hoàn chỉnh, kích thước:

- + Rãnh thoát nước khu văn phòng: $B=0,3\text{m}$; $H=0,5\text{m}$, bê tông cốt thép.

- + Rãnh thoát nước khu nhà xưởng: $B=0,3\text{m}$; $H=0,5\text{m}$, bê tông cốt thép.

- Nước mưa chảy tràn thu gom về mương thoát nội bộ và thoát ra cống thu gom nước mưa của KCN Long Đức tại hai vị trí: cổng số 1 và cổng số 2.

Ngoài giải pháp về hạ tầng kỹ thuật nêu trên, cơ sở còn áp dụng thêm một số giải pháp khác như sau:

- Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy để không ảnh hưởng bởi nước mưa.

- Thường xuyên vệ sinh sân đường, rãnh thoát nước để đảm bảo hiệu quả thoát nước của hệ thống.

Mô tả các điểm thoát nước mưa:

Bảng 3.1: Vị trí điểm thoát nước mưa chảy tràn

Stt	Tên vị trí	Ký hiệu	Địa chỉ nguồn tiếp nhận	Hệ tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)	
				X (m)	Y (m)
1	Điểm thoát nước mưa tại cổng số 1	NM ₁	Tuyến cống thu gom nước mưa	1102701	592515

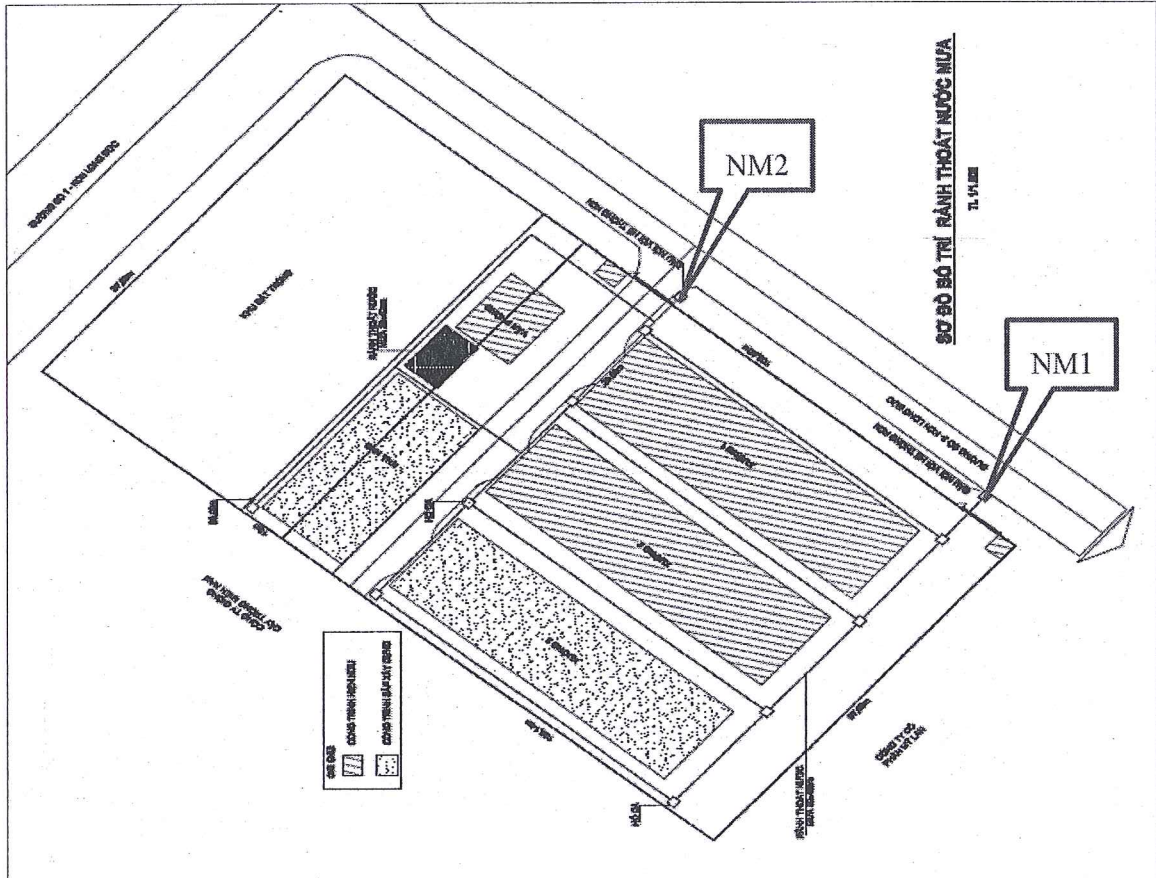
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CÁT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM

Stt	Tên vị trí	Ký hiệu	Địa chỉ nguồn tiếp nhận	Hệ tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trục 105 ⁰ 30, múi chiều 3 ⁰)	
				X (m)	Y (m)
2	Điểm thoát nước mưa tại cổng số 2	NM ₂	của KCN Long Đức	1102762	592591

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

Sơ đồ minh họa điểm thoát nước mưa của cơ sở:



Hình 3.2: Minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Mô tả thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thoát nước mưa như sau:

Bảng 3.2: Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước (m)			Kết cấu/vật liệu
			Dài	Rộng/đường kính	Sâu	
1	Thu gom nước mưa mái nhà	01	480	Φ90	-	Nhựa PVC
2	Rãnh thoát nước mưa	01	340	0,3	0,5	BTCT

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

Bảng 3.4: Vị trí điểm thoát NTSH sau xử lý

Tên vị trí	Ký hiệu	Địa chỉ nguồn tiếp nhận	Hệ tọa độ VN-2000 (KTT 105 ⁰ 30, múi chiều 3 ⁰)	
			X (m)	Y (m)
Điểm thoát NTSH sau xử lý tại đường số 1	NT	Hệ thống thu gom nước thải KCN Long Đức	1102816	592630

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

1.3. Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được xử lý qua 02 cấp gồm có:

- Cấp 1: xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn.
- Cấp 2: xử lý bằng công nghệ hóa lý kết hợp.

1.3.1. Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt tại dự án sau khi thu gom sẽ được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn. Thông tin về công trình xử lý sơ bộ (hầm tự hoại) như sau:

Bảng 3.5: Thông tin về công trình xử lý nước thải bằng hầm tự hoại

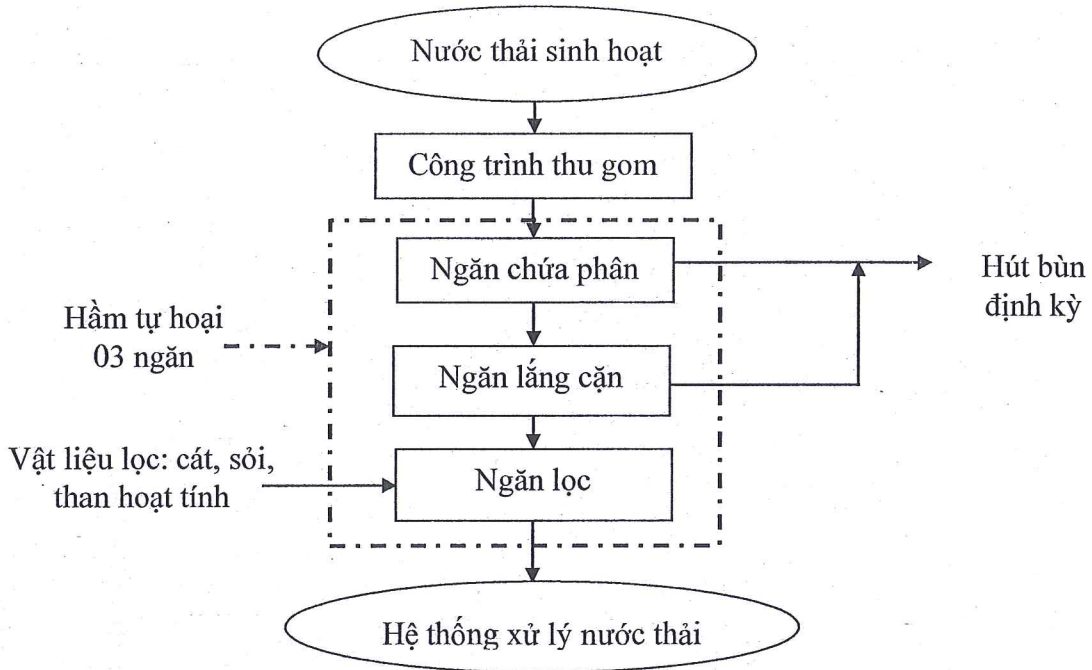
Stt	Nội dung	Thông số
1	Quy mô xây dựng	- Khu vực sản xuất: 25,3m ² . - Khu vực văn phòng: 4,6m ² .
2	Bước xử lý	Xử lý sơ bộ
3	Công nghệ	Xử lý bằng vi sinh yếm khí
4	Quy trình vận hành	Tự động
5	Chế độ vận hành	Liên tục
6	Hóa chất sử dụng	Không sử dụng
7	Tiêu hao điện năng	Không sử dụng
8	Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	Không áp dụng

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

Sơ đồ quy trình công nghệ và nguyên lý hoạt động của hầm tự hoại như sau:

Nguyên lý hoạt động:

Nước thải vào bể tự hoại và đi qua lần lượt các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Hầm tự hoại được xây dựng với đáy bằng bê tông, vách tường, đáy nắp đai kiên cố. Vai trò của bể tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ trong các ngăn lắng và chứa cặn, sau đó nước thải đi qua ngăn lắng và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải để được tiếp tục xử lý. Trong bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.



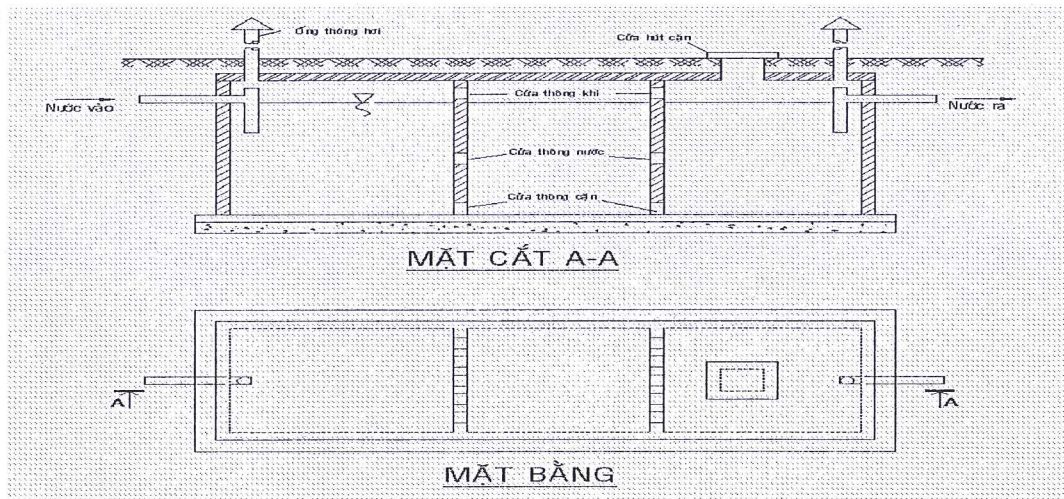
Hình 3.4: Sơ đồ xử lý NTSH bằng hầm tự hoại 03 ngăn

Cấu tạo và chức năng của hầm tự hoại 03 ngăn:

Hầm tự hoại 03 ngăn là công trình xử lý thực hiện ba chức năng là: lắng cặn – phân hủy cặn – lọc nước và khử mùi.

- Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 dung tích bể. Nơi đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân;
- Ngăn lắng: dùng để tiếp tục lắng cặn có kích thước lớn trôi từ ngăn đầu tiên qua. Tại ngăn lắng cũng xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí để tiếp tục xử lý chất ô nhiễm có trong nước thải;
- Ngăn lọc: chứa một số vật liệu lọc thông dụng như đá, cát, sỏi nhằm loại bỏ cặn lơ lửng khó lắng và khử mùi. Nguyên lý lọc tại ngăn này là lọc ngược, nước thải đi từ dưới lên qua lớp vật liệu lọc rồi thoát ra ngoài.

Minh họa về cấu tạo cơ bản của hầm tự hoại được áp dụng:



Hình 3.5: Mặt bằng, mặt cắt của hầm tự hoại 3 ngăn

1.3.2. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 5,0m³/ngày.đêm

a. Thông tin về công trình xử lý nước thải

Thông tin về công trình xử lý nước thải như sau:

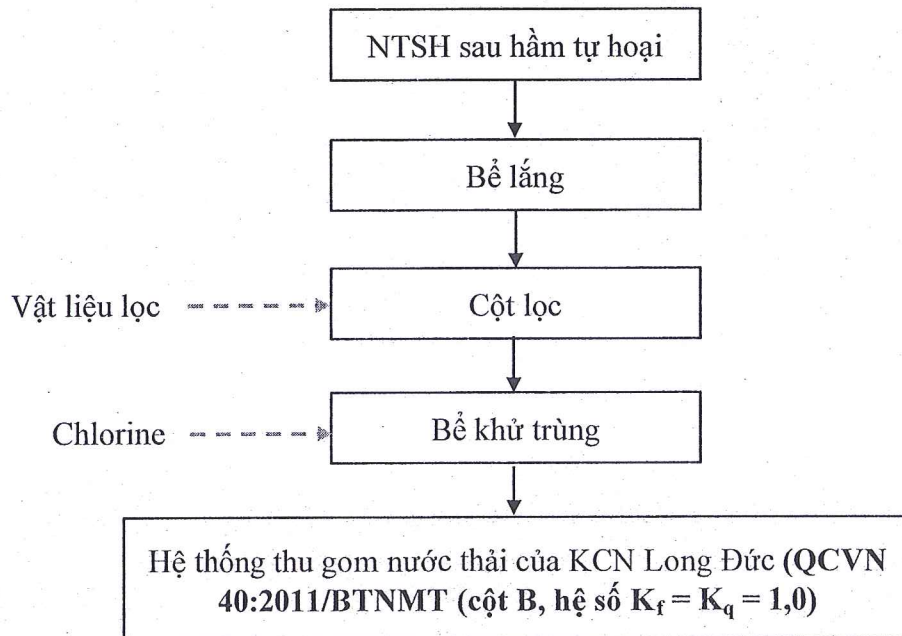
Bảng 3.6: Thông tin về công trình xử lý nước thải bằng hầm tự hoại

Stt	Nội dung	Thông số
1	Quy mô xây dựng	Cụm bể lắng, cột lọc, khử trùng: diện tích 2,0m x 1,6m = 3,2 m ²
2	Công nghệ	Xử lý bằng cơ học (lắng, lọc) + hóa học (khử trùng).
3	Công suất thiết kế	5,0 m ³ /ngày.đêm
4	Quy trình vận hành	Tự động
5	Chế độ vận hành	Liên tục
6	Hóa chất sử dụng	Clorine khử trùng
7	Tiêu hao điện năng	Sử dụng để vận hành máy móc, thiết bị
8	Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Đức.

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

b. Sơ đồ công trình xử lý nước thải

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 3.6: Sơ đồ công nghệ xử lý NTSH

c. Thuyết minh nguyên lý hoạt động

Sau hầm tự hoại, nước thải được dẫn qua bể lắng để tiếp tục lắng cặn theo phương pháp lắng trọng lực.

Sau lắng, nước thải được bơm qua cột lọc để loại bỏ cặn lơ lửng. Khi nước thải vào cột lọc, chất rắn lơ lửng trong nước thải sẽ được lọc qua sỏi, cát trong cột lọc; mùi hôi của nước thải sẽ được hấp phụ qua than hoạt tính trong cột lọc. Cột lọc bằng vật liệu composite, đường kính $D=200\text{mm}$, cao 1,2m.

Nước thải sau qua cột lọc sẽ được khử trùng trực tiếp trên đường ống thoát nước để tiêu diệt vi sinh vật trong nước bằng dung dịch chlorine; liều lượng chlorine sử dụng để khử trùng vào khoảng 2 – 8ppm.

Nước thải sau khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số $K_f = K_q = 1,0$ và thoát vào cống thu gom nước thải của KCN Long Đức tại điểm đầu nối trên Đường số 01.

d. Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNT sinh hoạt

Bảng 3.7: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý NTSH

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Thông số (m)		Vật liệu
			Đường kính	Cao	
1	Bể lắng	01	1,0	1,2	BTCT
2	Cột lọc	01	0,2	1,2	Composite
3	Máy bơm	01	0,75kW		

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

đ. Định mức sử dụng/tiêu hao hóa chất, điện năng

Định mức, nhu cầu sử dụng chế phẩm sinh học, hóa chất, điện năng trong quá trình vận hành hệ thống XLNT sinh hoạt như sau:

Bảng 3.8: Định mức sử dụng, tiêu hao hóa chất, điện năng

Stt	Tên hóa chất/điện năng	ĐVT	Định mức	Mục đích	Tần suất
1	Chlorine	Kg/tháng	1,0	Khử trùng nước	Hàng ngày
2	Điện năng	Kwh/ngày	0,75	Vận hành thiết bị	Hàng ngày

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi

a. Thông tin về công trình xử lý bụi

Thông tin công trình xử lý bụi tại cơ sở như sau:

Bảng 3.9: Thông tin về hệ thống xử lý bụi

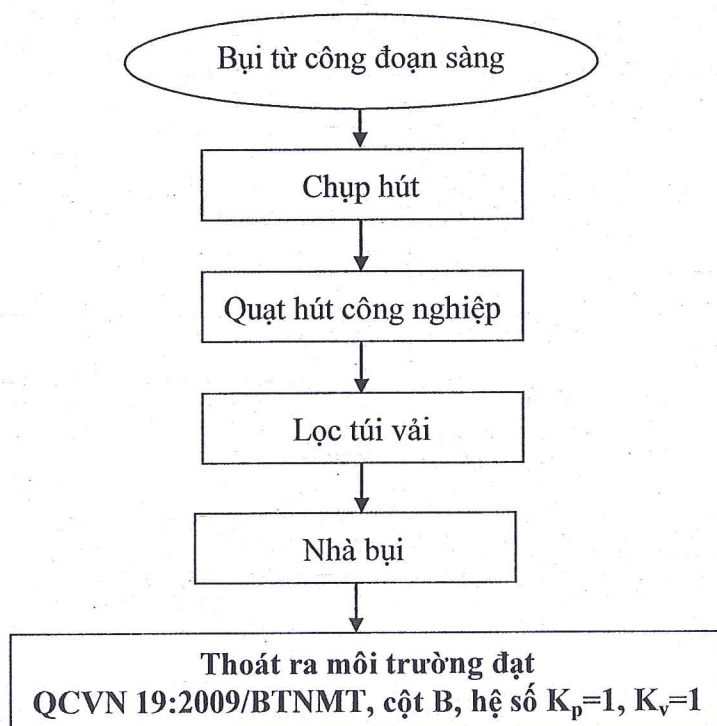
Stt	Nội dung	Thông số
1	Quy mô xây dựng	8,7m ²
2	Công suất thiết kế	4.000m ³ /giờ

Stt	Nội dung	Thông số
3	Công nghệ	Lọc hạt bụi mịn bằng túi vải
4	Quy trình vận hành	Thủ công
5	Chế độ vận hành	Thủ công
6	Hóa chất sử dụng	Không
7	Tiêu hao điện năng	Có
8	Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số $K_p=K_v=1,0$.

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

b. Sơ đồ công nghệ

Tại cơ sở, bụi phát sinh trong quá trình sàng hỗn hợp nguyên liệu. Theo đó, cơ sở đã lắp đặt hệ thống xử lý bụi với công nghệ như sau:



Hình 3.7: Sơ đồ quy trình xử lý bụi sản xuất

c. Thuyết minh quy trình

Quá trình sàng hỗn hợp nguyên liệu tạo ra nhiều hạt bụi có các kích cỡ khác nhau. Tại cơ sở có lắp đặt quạt hút công nghiệp, các hạt bụi sẽ được hút vào trong các túi lọc bằng vải. Hỗn hợp nguyên liệu dưới dạng bụi thu được từ túi lọc sẽ được thu gom và tái sử dụng lại trong quy trình sản xuất. Hiệu quả xử lý của túi vải đối với bụi mịn (có kích thước $d \leq 10\mu\text{m}$) đạt từ 85 – 99,5%.

d. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi đã được xây dựng:

Bảng 3.10: Thông số kỹ thuật của hạng mục xử lý bụi

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật (m)				Vật liệu
			Đường kính	Dài	Rộng	Cao	
1	Chụp hút	01	-	1,2	1,0	0,6	Tole kẽm
2	Ống hút	01	0,3	5,0	-	-	HDPE
3	Túi vải	01	0,6	1,8	-	-	Vải không dệt
4	Nhà bao che	01	-	4,6	1,9	1,2	Tole kẽm
5	Quạt hút	01	Công suất 3HP; lưu lượng: 3.600m ³ /giờ.				

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

đ. Định mức sử dụng/tiêu hao hóa chất, điện

Định mức, nhu cầu sử dụng hóa chất, điện năng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý bụi như sau:

Bảng 3.11: Định mức sử dụng, tiêu hao chế phẩm sinh học, hóa chất, điện năng

Tên hóa chất/điện năng	ĐVT	Định mức	Mục đích	Tần suất
Điện	Kwh/giờ	2,25	Vận hành quạt hút 1HP	Hàng ngày

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

2.2. Công trình, biện pháp xử lý khí thải

a. Thông tin về công trình xử lý khí thải

Thông tin công trình xử lý khí thải tại cơ sở như sau:

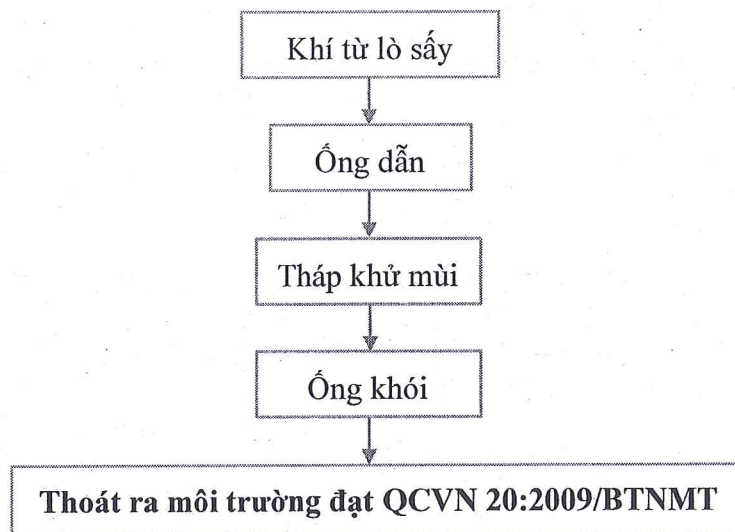
Bảng 3.12: Thông tin về hệ thống xử lý bụi

Stt	Nội dung	Thông số
1	Quy mô xây dựng	4,0m ²
2	Công suất thiết kế	2.500m ³ /giờ
3	Công nghệ	Hấp phụ bằng than hoạt tính
4	Quy trình vận hành	Thủ công
5	Chế độ vận hành	Thủ công
6	Hóa chất sử dụng	Không
7	Tiêu hao điện năng	Có
8	Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	QCVN 20:2009/BTNMT.

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

b. Sơ đồ công nghệ

Tại cơ sở, khí thải phát sinh từ lò sấy sản phẩm. Theo đó, cơ sở đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với công nghệ như sau:



Hình 3.8: Sơ đồ xử lý khí thải từ lò sấy sản phẩm

c. Thuyết minh quy trình

Mỗi lò sấy đều có thiết bị hút để hút khí thải trong khi sấy. Khí thải được hút sẽ đi qua tháp khử mùi để loại bỏ bớt mùi và hấp thụ một số chất khí khác trước khi thoát ra môi trường bên ngoài. Vật liệu được sử dụng để hấp thụ là than hoạt tính, vì than hoạt tính có cấu trúc xơ rỗng kết hợp với diện tích tiếp xúc lớn (500 – 1.500m²/g) là vật liệu rất thích hợp trong các công trình xử lý khí thải. Sau khi qua tháp khử mùi, khí thải được thoát ra bằng ống khói cao 4,0m (tính từ đỉnh ống khói đến mặt đất hoàn thiện). Khí thải sau xử lý sẽ đạt yêu cầu tại QCVN 20:2009/BTNMT

d. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải

Bảng 3.13: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật (m)		Vật liệu
			Đường kính	Cao	
1	Tháp hấp phụ	01	0,70	1,5	Thép dày 2mm
2	Ống khói	01	0,06	4,0	STK dày 2mm

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

đ. Định mức sử dụng/tiêu hao hóa chất, điện

Định mức, nhu cầu sử dụng hóa chất, điện năng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải như sau:

Bảng 3.14: Định mức sử dụng, tiêu hao chế phẩm sinh học, hóa chất, điện năng

Tên vật liệu	ĐVT	Định mức	Mục đích	Tần suất
Than hoạt tính	Kg	25,0	Hấp phụ khí thải	Định kỳ 1 lần/năm

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Báo cáo về chủng loại, khối lượng phát sinh CTR thông thường

a. Khối lượng CTRSH

Theo thống kê CTRSH phát sinh tại cơ sở như sau:

Bảng 3.15: Thống kê khối lượng CTRSH phát sinh

Stt	Tên chất thải	ĐVT	Khối lượng	
			Năm 2022	Năm 2023
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Kg/năm	1.700	1.600

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

Thống kê cho thấy khối lượng CTRSH phát sinh trung bình hàng năm tại cơ sở khoảng 1.650 kg/năm. Tuy nhiên, hiện tại cơ sở hoạt động chưa đến công suất thiết kế. Dự kiến, nếu đạt công suất 35 triệu viên/năm thì khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 3.300 kg/năm.

b. Khối lượng CTRCN TT

Theo thống kê CTRCN TT phát sinh tại cơ sở phải xử lý như sau:

Bảng 3.16: Thống kê khối lượng CTRCN TT phát sinh

Stt	Tên chất thải	ĐVT	Khối lượng	
			Năm 2022	Năm 2023
1	Chất thải phải xử lý (thùng carton, nẹp thiếc)	Kg/năm	350	270

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

Thống kê cho thấy khối lượng CTRCN TT phát sinh trung bình hàng năm tại cơ sở khoảng 310 kg/năm. Tuy nhiên, hiện tại cơ sở hoạt động chưa đến công suất thiết kế. Dự kiến, nếu đạt công suất 35 triệu viên/năm thì khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.100 kg/năm.

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý áp dụng

Các biện pháp giảm thiểu tác động từ chất thải rắn thông thường tại cơ sở được thực hiện như sau:

a. Đối với CTRSH

- Giải pháp về quản lý:
 - + Tuyên truyền, tập huấn phân loại CTR cho công nhân, hướng dẫn công nhân vớt CTRSH đúng nơi quy định.
 - + Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân giữ gìn vệ sinh môi trường.
 - + Hằng ngày thu gom CTRSH về nơi tập kết để đơn vị thu gom thuận tiện thu gom, xử lý.

- Giải pháp về cơ sở hạ tầng lưu chứa:
 - + Dụng cụ lưu chứa: trang bị 02 thùng màu xanh, mỗi thùng 120 lít để lưu chứa CTRSH.
 - + Vị trí đặt dụng cụ lưu chứa: thùng chứa được đặt trước cổng cơ sở, cấp đường số 3 để đơn vị thu gom thuận tiện thu gom, xử lý.
- Giải pháp xử lý:
 - + Tần suất thu gom: hàng ngày.
 - + Phương án xử lý: thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý (trong năm 2024, cơ sở ký hợp đồng với Công ty Cổ phần công trình đô thị Trà Vinh thực hiện thu gom theo Hợp đồng số 347/2024/CTĐT/HĐ-VCR ngày 02/01/2024).

b. Đối với CTRCN TT

- Giải pháp về quản lý:
 - + Tuyên truyền, tập huấn phân loại CTR cho công nhân.
 - + Thu gom ngay sau khi kết thúc ca làm việc và vận chuyển về kho chứa.
 - + Phân công nhân viên định kỳ kiểm tra hoạt động lưu chứa, bảo đảm CTRCN TT được phân loại, lưu chứa theo đúng quy định.
- Giải pháp về cơ sở hạ tầng lưu chứa:
 - + Kho chứa: diện tích 24,7 m² (2,9m x 8,5m), nền xi măng, tường gạch, mái tole.
 - + Dụng cụ lưu chứa: CTRCN TT được để trực tiếp trên nền xi măng.
- Giải pháp xử lý:
 - + Tần suất xử lý: định kỳ 1 năm/lần hoặc theo khối lượng CTRCN TT phát sinh.
 - + Phương án xử lý: định kỳ bán cho đơn vị thu mua phế liệu (trong năm 2024, cơ sở dự kiến ký hợp đồng với Cơ sở thu mua phế liệu Phạm Ngọc Hoàn).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Báo cáo về chủng loại, khối lượng CTNH phát sinh

Theo thống kê chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở như sau:

Bảng 3.17. Thống kê khối lượng CTNH phát sinh

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng	
				Năm 2022	Năm 2023
1	Đá mài/Vật thể dùng để mài có các thành phần nguy hại	07 03 10	Kg/năm	1.200	3.021

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng	
				Năm 2022	Năm 2023
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg/năm	30	120
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng thiếc dính keo)	18 01 02	Kg/năm	60	170
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Kg/năm	1,0	3,0
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	Kg/năm	25	150
Tổng cộng			Kg/năm	1.316	3.464

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

Thống kê cho thấy khối lượng CTNH phát sinh trung bình hàng năm tại cơ sở khoảng 2.390 kg/năm. Tuy nhiên, hiện tại cơ sở hoạt động chưa đến công suất thiết kế. Dự kiến, nếu đạt công suất 35 triệu viên/năm thì khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 5.218 kg/năm.

Khối lượng CTNH phát sinh khi đạt công suất thiết kế như sau:

Bảng 3.18. Thống kê khối lượng CTNH phát sinh khi đạt công suất thiết kế

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng
1	Đá mài/Vật thể dùng để mài có các thành phần nguy hại	07 03 10	Kg/năm	4.608
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg/năm	164
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng thiếc dính keo)	18 01 02	Kg/năm	251
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Kg/năm	4
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	Kg/năm	191
Tổng cộng			Kg/năm	5.218

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý áp dụng

Khối lượng CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được thu gom, xử lý như sau:

- Giải pháp về quản lý:
- + Công ty thực hiện tuyên truyền, nhận dạng CTNH phát sinh từ hoạt động sản xuất đến công nhân.

- + Thu gom ngay sau khi kết thúc công việc hoặc hết ca làm việc, vận chuyển về kho chứa theo quy định.
- + Phân công nhân viên định kỳ kiểm tra hoạt động lưu chứa, bảo đảm CTNH được phân loại, lưu chứa theo đúng quy định.
- Giải pháp về cơ sở hạ tầng lưu chứa:
 - + Kho chứa: có diện tích 19,5 m² ((6,5m x 3,0m) nằm bên trong xưởng sản xuất). Nền kho chứa được trải bê tông, tường gạch bao quanh, cửa ngăn cách bằng lưới B40.
 - + Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đầy đủ, đảm bảo kho đủ ánh sáng, thông thoáng. Bên ngoài kho đặt biển cảnh báo, ghi rõ chất thải chứa bên trong và hạn chế người ra vào.
 - + Bên trong kho chứa được phân khu chức năng cho từng nhóm chất thải; dán mã số phân loại cho từng loại chất thải nguy hại.
 - + Dụng cụ lưu chứa: bao Jumbo, số lượng 5 cái; thùng phuy sắt, số lượng 4 cái.
- Giải pháp xử lý:
 - + Tần suất xử lý: 01 năm/lần.
 - + Phương án xử lý: hợp đồng đơn vị đủ chức năng để tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Năm 2024, cơ sở đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Xanh Huế Phương VN (Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.050.VX) thực hiện thu gom, vận chuyển theo Hợp đồng số HP96/24/HDXL-KP ngày 01/3/2024 (đính kèm phụ lục).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Quá trình hoạt động, cơ sở thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung như sau:

- Máy móc sản xuất được sắp xếp hợp lý, đảm bảo không gian làm việc và hạn chế được sự cộng hưởng của tiếng ồn trong quá trình vận hành.
- Định kỳ bảo dưỡng bôi trơn các máy móc, thiết bị để hạn chế rung động làm ảnh hưởng đến các công nhân làm việc trong nhà máy.
- Máy phát điện được bố trí ở vị trí riêng biệt, cách xa xưởng sản xuất để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn trong quá trình vận hành.
- Đảm bảo tỉ lệ phần trăm diện tích cây xanh trong khuôn viên theo đúng quy định. Vị trí tường rào giáp với đường số 3 được trồng cây xanh có tán lớn vừa tạo cảnh quan vừa tạo bóng mát.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân viên, tối thiểu 01 lần/năm. Xe tải, xe máy, xe ô tô của nhà máy phải được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng.
- Phương tiện ra vào cơ sở phải tuân thủ nội quy.
- Sắp xếp lịch xuất nhập hợp lý, tránh tình trạng tập trung nhiều phương tiện cùng lúc làm gia tăng tiếng ồn, độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro cháy, nổ

Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố cháy nổ được cơ sở thực hiện như sau:

- Sắp xếp, bố trí máy móc gọn gàng, trật tự và đảm bảo khoảng cách an toàn trong quá trình làm việc.
- Trang bị hệ thống, thiết bị, dụng cụ PCCC theo đúng quy định.
- Bố trí tiêu lệnh, nội quy PCCC tại những vị trí dễ quan sát và thực hiện.
- Thành lập và duy trì lực lượng PCCC cơ sở.
- Trong hoạt động thường niên, cơ sở thường xuyên thực hiện các công tác sau đây:

- + Cơ sở đã xây dựng hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC theo quy định.
- + Tổ chức hoạt động đội PCCC cơ sở, thực tập phương án chữa cháy và CNCH, báo cáo kết quả định kỳ theo cơ quan quản lý theo quy định.
- + Cơ sở thực hiện công tác tự kiểm tra an toàn PCCC, kiểm tra bảo quản phương tiện, thiết bị PCCC và CNCH.

Trong quá trình hoạt động, cơ sở chưa xảy ra sự cố cháy nổ gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và các đối tượng xung quanh.

6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động

Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố lao động trong hoạt động sản xuất của nhà máy như sau:

- Tuyên truyền, giáo dục ý thức an toàn lao động và vệ sinh môi trường cho toàn thể cán bộ, công nhân của nhà máy.
- Công ty đã phân công cán bộ phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động; đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh lao động; thành lập bộ phận y tế và lực lượng sơ cấp cứu tại chỗ.
- Sắp xếp máy móc hợp lý, thông thoáng giúp thao tác làm việc của công nhân được an toàn.
- Máy móc được kiểm tra định kỳ, đảm bảo an toàn trong lúc vận hành. Kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn theo đúng quy định.
- Thực hiện khai báo các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, có tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động định kỳ hàng năm.
- Trong hoạt động thường niên, cơ sở thường xuyên thực hiện các công tác sau đây:

- + Xây dựng kế hoạch công tác an toàn vệ sinh lao động định kỳ hàng năm.
- + Lập hồ sơ quản lý về môi trường lao động, quan trắc môi trường vệ sinh lao động định kỳ.
- + Lập hồ sơ quản lý sức khỏe và bệnh tật cho người lao động, lập kế hoạch ứng cứu y tế khẩn cấp.
- + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm các nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- + Cơ sở tự tổ chức kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động định kỳ. Tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: nước thải sinh hoạt nhân viên.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 5,0 m³/ngày.đêm.
- Dòng nước thải đề nghị cấp phép:
 - + Số dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng.
 - + Tính chất dòng nước thải đề nghị cấp phép: NTSH đã qua xử lý.
- Cơ sở nằm trong KCN Long Đức, do đó giá trị giới hạn các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép theo dòng thải được đề xuất theo quy định của KCN Long Đức, bao gồm các thông số sau:

Bảng 4.1: Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, giá trị C, cột B, hệ số K _q =K _r =1
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	100
5	Tổng nito	mg/l	40
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
8	Clo dư	mg/l	2
9	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

- Vị trí xả thải vào nguồn nước tiếp nhận:
 - + Tọa độ vị trí xả thải: X(m): 1102816; Y(m): 592630 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰).
 - + Vị trí: điểm đầu nổi thoát nước thải trên đường số 01, KCN Long Đức - ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống thoát nước thải ra điểm đầu nổi.
- Chế độ xả thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.
- Tên nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Đức.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:
 - + Từ quá trình sàng hỗn hợp nguyên liệu.
 - + Từ lò sấy sản phẩm.
- Lưu lượng xả thải tối đa: tổng lưu lượng phát thải tối đa là 6.500m³/giờ.
 - + Từ quá trình sàng nguyên liệu: 4.000 m³/giờ
 - + Từ lò sấy sản phẩm: 2.500 m³/giờ
- Dòng khí thải đề nghị cấp phép: 02 dòng thải độc lập như sau:
 - + Dòng thải thứ nhất: Bụi sau xử lý từ công đoạn sàng, trộn nguyên liệu.
 - + Dòng thải thứ hai: Khí thải sau xử lý từ công đoạn sấy sản phẩm.
- Tính chất dòng khí thải đề nghị cấp phép: khí thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp đã qua xử lý.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Bảng 4.2: Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng bụi và khí thải đề nghị cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số K _p =1, K _v =1	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Bụi tổng	mgN/m ³	200	-
2	Phenol	mgN/m ³	-	19
3	Formaldehyt	mgN/m ³	-	20

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

- Vị trí xả thải vào nguồn tiếp nhận:
 - + Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰):
 - Đối với dòng thải thứ nhất: Đầu ra của hệ thống lọc bụi túi vải (xử lý bụi, khí thải khu vực sàng, trộn nguyên liệu): X(m): 1102727; Y(m): 592526.
 - Đối với dòng thải thứ hai: Đầu ra hệ thống xử lý khí thải lò sấy: X(m): 1102760; Y(m): 592517.
 - + Vị trí: Công ty TNHH Khánh Phong – Đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Phương thức xả thải: gián đoạn, theo hoạt động của thiết bị sản xuất.
- Tên nguồn tiếp nhận bụi, khí thải: môi trường không khí xung quanh.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Năm 2018, cơ sở được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/01/2018. Theo báo cáo ĐTM được phê duyệt, cơ sở thuộc đối tượng đầu nổi nước thải sau xử lý (xử lý đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT) vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải KCN Long Đức và không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ đối với nước thải.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Quá trình hoạt động, cơ sở đã thực hiện quan trắc và báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi về cơ quan quản lý theo đúng quy định. Thông tin về chương trình quan trắc định kỳ đang áp dụng tại cơ sở đến thời điểm lập BCDX cấp GPMT như sau:

- Thời điểm, vị trí, thực hiện quan trắc:

Bảng 5.1: Thống kê thời điểm, vị trí quan trắc môi trường định kỳ năm 2022, 2023

Stt	Năm quan trắc	Thời điểm quan trắc				Vị trí quan trắc	Tọa độ quan trắc	
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		Kinh độ	Vĩ độ
1	2022	28/3/2022	09/6/2022	16/9/2022	08/12/2022	Khí thải tại khu vực sàng, trộn nguyên liệu	106°20'44.96"E	9°58'14.73"N
2						Khí thải đầu ra của hệ thống xử lý khí thải lò sấy	106°20'44.72"E	9°58'15.52"N
3	2023	25/3/2023	08/6/2023	09/9/2023	02/12/2023	Khí thải tại khu vực sàng, trộn nguyên liệu	106°20'44.96"E	9°58'14.73"N
4						Khí thải đầu ra của hệ thống xử lý khí thải lò sấy	106°20'44.72"E	9°58'15.52"N

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 16 mẫu/2 năm.
- Ký hiệu mẫu:
 - + KT₁: Khí thải tại khu vực sàng, trộn nguyên liệu.
 - + KT₂: Khí thải đầu ra của hệ thống xử lý khí thải lò sấy.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:
 - + QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các hợp chất vô cơ, cột B, hệ số K_p=1,0, K_v=1,0.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CÁT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM

- + QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.
- Đơn vị thực hiện quan trắc:
 - + Năm 2022, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ – Vimcerts 019 được ban hành kèm theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26/10/2020.
 - + Năm 2023, Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng - Vimcerts 064 được ban hành kèm theo Quyết định số 1061/QĐ-BTNMT ngày 28/5/2021.
- Kết quả quan trắc được trình bày theo các bảng sau:

Bảng 5.2: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2022

Stt	Thời gian	Ký hiệu	Kết quả năm 2022			
			Lưu lượng (m ³ /giờ)	Bụi tổng (mg/Nm ³)	Phenol (mg/Nm ³)	Formaldehyt (mg/Nm ³)
1	Quý I	KT ₁	112,0	1,33	KPH	--
2		KT ₂	2.196	1,73	KPH	KPH
3	Quý II	KT ₁	2.122	61,80	KPH	--
4		KT ₂	50	23,60	KPH	KPH
5	Quý III	KT ₁	2.978	3,20	KPH	--
6		KT ₂	153	5,47	KPH	KPH
7	Quý IV	KT ₁	3.816	4,44	KPH	--
8		KT ₂	1.407	3,33	KPH	KPH

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

Bảng 5.3: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2023

Stt	Thời gian	Ký hiệu	Kết quả năm 2023			
			Lưu lượng (m ³ /giờ)	Bụi tổng (mg/Nm ³)	Phenol (mg/Nm ³)	Formaldehyt (mg/Nm ³)
1	Quý I	KT ₁	2.027	97,8	KPH	-
2		KT ₂	1.812	26,3	KPH	KPH
3	Quý II	KT ₁	1.812	76,3	KPH	-
4		KT ₂	1.341	25,6	KPH	KPH
5	Quý III	KT ₁	1.117	84,4	KPH	-
6		KT ₂	968	22,8	KPH	KPH
7	Quý IV	KT ₁	2.520	49,5	KPH	-

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**

Stt	Thời gian	Ký hiệu	Kết quả năm 2023			
			Lưu lượng (m ³ /giờ)	Bụi tổng (mg/Nm ³)	Phenol (mg/Nm ³)	Formaldehyt (mg/Nm ³)
8		KT ₂	2.479	37,6	KPH	KPH

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện.

* **Nhận xét:**

Qua kết quả từ bảng trên nhận thấy, các thông số đo đạc tại 02 vị trí quan trắc trong năm 2022 và 2023 đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số $K_p=1,0$, $K_v=1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Danh mục các công trình phải vận hành thử nghiệm

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thời gian vận hành thử nghiệm các công trình BVMT của cơ sở không quá 06 tháng. Dự kiến, thời gian vận hành bắt đầu từ tháng 9/2024 và kết thúc vào tháng 02/2025.

Theo quy mô cơ sở, danh sách các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm gồm có:

Bảng 6.1: Danh mục công trình xử lý chất thải thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm

Tên công trình	Thời gian		Đơn vị	Công suất dự kiến đạt được
	Bắt đầu	Kết thúc		
HTXL khí thải khu vực sàng, trộn	9/2024	02/2025	m ³ /giờ	4.000
HTXL khí thải lò sấy	9/2024	02/2025	m ³ /giờ	2.500

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các trình, thiết bị xử lý chất thải

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, kết quả phân loại cơ sở không thuộc Phụ lục II. Theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan, cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương với nhóm II.

Căn cứ Khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, kế hoạch quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm như sau:

Bảng 6.2: Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý bụi, khí thải

Tên công trình	Tần suất	Số lượng mẫu	Loại mẫu	Thời gian dự kiến
HTXL bụi khu vực sàng, trộn	03 lần	01 mẫu/lần	Mẫu đơn	03 ngày liên tiếp trong khoảng từ tháng 9/2024 – 02/2025
HTXL khí thải lò sấy	03 lần	01 mẫu/lần	Mẫu đơn	

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

Thông số quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm đối với các công trình xử lý bụi, khí thải như sau:

Bảng 6.3: Thông số ô nhiễm quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Stt	Tên công trình	Thông số quan trắc
1	HTXL khí thải khu vực sàng, trộn	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, Bụi tổng.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CÁT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**

Stt	Tên công trình	Thông số quan trắc
2	HTXL khí thải lò sấy	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, hơi Phenol, hơi Formaldehyt

(Nguồn: Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

1.3. Thông tin về đơn vị dự kiến phối hợp

Hoạt động lấy mẫu, phân tích mẫu được công ty phối hợp với đơn vị có chức năng được Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận. Phương pháp thu mẫu, phân tích được tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Thông tin về đơn vị dự kiến phối hợp thực hiện như sau:

- Tên đơn vị: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
- Địa chỉ: Số 45, đường 3/2, phường Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
- Điện thoại: 02923 830 353.
- Văn bản chứng minh năng lực thí nghiệm: Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT¹¹ (VIMCERTS 019).

2. Chương trình quan trắc chất thải

2.1. Kế hoạch quan trắc chất thải tự động, định kỳ

a. Về quan trắc nước thải

Theo quy định tại Điều 111, Luật BVMT; Điều 97, Phụ lục XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì cơ sở **không thuộc Phụ lục II** và có lưu lượng xả thải từ 1.000m³/ngày (cột 4, Phụ lục XXVIII) hoặc từ 500m³/ngày đến dưới 1.000m³/ngày (cột 5, Phụ lục XXVIII) là đối tượng bắt buộc phải quan trắc nước thải tự động, định kỳ.

Căn cứ vào nội dung đề nghị cấp phép, cơ sở có mức lưu lượng xả thải là 5,0m³/ngày, không thuộc vào quy định nêu trên → **cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, định kỳ (được miễn quan trắc nước thải theo quy định).**

b. Về quan trắc bụi, khí thải

Theo quy định tại Điều 112, Luật BVMT; Điều 98, Phụ lục XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì cơ sở **không thuộc Phụ lục II** và có lưu lượng xả thải từ 50.000m³/giờ (cột 6, mục 9, Phụ lục XXIX) là đối tượng bắt buộc phải quan trắc bụi, khí thải tự động, định kỳ.

Căn cứ vào nội dung đề nghị cấp phép, cơ sở có tổng mức lưu lượng xả thải (ở mức công suất sản xuất tối đa 35 triệu viên/năm) là 6.500 m³/giờ (trong đó: từ quá trình sàng hỗn hợp nguyên liệu: 4.000m³/giờ và từ lò sấy sản phẩm: 2.500

¹¹ Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26/10/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CÁT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**

m³/giờ) không thuộc vào quy định nêu trên → cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, định kỳ (được miễn quan trắc bụi, khí thải theo quy định).

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác

Theo loại hình hoạt động của cơ sở, Công ty đề xuất chương trình quan trắc môi trường định kỳ khác như sau:

Bảng 6.4: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ khác

Stt	Loại chất thải	Vị trí	Thông số quan trắc	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
1	CTR thông thường	Kho chứa	Thành phần, khối lượng	01 lần /năm	Thông tư 02/2022/TT-BTNMT
2	CTNH	Kho chứa CTNH	Thành phần, khối lượng	01 lần /năm	

(Nguồn: Công ty TNHH Khánh Phong, 2024)

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong giai đoạn từ năm 2022 – 2024, cơ sở đã tiếp đón 02 đợt kiểm tra của Đoàn kiểm tra liên ngành do BQL Khu kinh tế làm Trưởng đoàn. Kết quả kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về mặt môi trường như sau:

a. Năm 2022

Các mặt hạn chế:

- Nêu cụ thể vào báo cáo chất thải rắn sản xuất gì? Vì công ty hợp đồng mua bán phế liệu với cơ sở thu mua phế liệu Thạch Ngọc Hoàn.
- Cập nhật hợp đồng xử lý CTRSH, chất thải rắn sản xuất vào báo cáo.
- Bổ sung vào báo cáo biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong sản xuất.
- Kiến nghị Công ty đến 31/12/2022 xử lý triệt để (100%) lượng CTNH còn tồn tại trong kho chứa CTNH và phát sinh mới trong năm 2022.

Các biện pháp khắc phục: ngày 18/5/2022 công ty đã có báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khắc phục một số hạn chế còn tồn tại ở cơ sở. Qua đó, công ty cũng đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần công trình đô thị Trà Vinh (Hợp đồng số 72/2022/HĐ-VCR ngày 07/02/2022); Hợp đồng xử lý CTNH với Công ty TNHH MTV Môi trường Xanh Huê Phương VN (Hợp đồng dịch vụ số HP25/22/HĐXL-KP ngày 21/02/2022, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 27/9/2022). Bên cạnh đó, công ty cũng đã cập nhật quy trình xử lý bụi, khí thải vào báo cáo công tác BVMT năm 2022 và năm 2023 theo đúng quy định. Công ty đã tiến hành xử lý khối lượng CTNH còn tồn đọng vào ngày 06/12/2022 (Đính kèm Biên bản giao nhận CTNH).

b. Năm 2024

Các mặt hạn chế:

- Công ty báo cáo chưa đầy đủ nội dung theo Phụ lục 2 của Đoàn kiểm tra như: lượng nước sử dụng, nguồn cung cấp, giấy phép môi trường thành phần, tình hình thực hiện giấy phép môi trường, kết quả giám sát môi trường quý I/2024, quy trình xử lý bụi, khí thải,...
- Kho chứa CTNH công ty chưa bố trí cửa kho (chỉ ngăn cách bằng lưới B40).
- Hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng cột lọc và không có hóa chất tiết trùng, vị trí đầu nổi nước thải với hệ thống xử lý chung của KCN Long Đức đã bị bịt kín.

Các biện pháp khắc phục: ngày 30/5/2024, công ty đã có báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khắc phục hạn chế tại cơ sở. Qua đó, công ty đã giải trình về kết cấu cửa của kho CTNH bằng lưới B40 để thuận tiện cho xe nâng ra vào, nâng hạ khối lượng CTNH khi lưu chứa cũng như xử lý; công ty đã tiến hành thay thế cột lọc hư hỏng và mua hóa chất khử trùng theo đúng quy định; công ty đã liên hệ với Trung tâm quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp để xử lý vị trí hồ ga đầu nổi bị bịt kín, bảo đảm việc lấy mẫu theo quy định.

CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Thông qua nội dung báo cáo đề xuất cấp GPMT đã trình bày, Công ty TNHH Khánh Phong cam kết các nội dung sau:

- Chúng tôi cam kết rằng tất cả nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu đính kèm báo cáo này đều chính xác, trung thực. Nếu có điểm sai trái, chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

- Cam kết đã xây dựng, vận hành công trình xử lý chất thải phù hợp với loại chất thải phát sinh.

- Cam kết vận hành thử nghiệm và báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình BVMT đã nêu trong BCDX cấp GPMT.

- Chúng tôi cam kết việc xử lý chất thải của công trình, biện pháp bảo vệ môi trường luôn luôn đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan. Các nội dung cam kết gồm có:

- + Cam kết vận hành công trình thu gom, XLNT đảm bảo chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số $K_q=K_f=1$.
- + Cam kết vận hành công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sàng hỗn hợp nguyên liệu và từ lò sấy đảm bảo chất lượng sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số $K_p=K_v=1$; QCVN 20:2009/BTNMT.
- + Cam kết việc thu gom, xử lý CTRSH, CTRCN TT theo đúng quy định, đảm bảo vệ sinh, an toàn, đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- + Cam kết hiệu quả trong công tác phân loại, thu gom, lưu trữ và xử lý CTNH phát sinh theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- + Cam kết thực hiện đầy đủ, liên tục, báo cáo trung thực, kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- + Cam kết công khai GPMT đến UBND xã Long Đức hoặc đăng tải trên website của Công ty theo đúng quy định.
- + Cam kết vận hành dự án hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

PHỤ LỤC 3: BẢN VẼ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CÁT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**

PHỤ LỤC 1

VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

PHỤ LỤC 1.1

VĂN BẢN PHÁP LÝ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2100318350

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 07 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 26 tháng 10 năm 2015

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHÁNH PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH PHONG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KHANH PHONG CO.LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu Công nghiệp Long Đức, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0743.746669

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 8.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Tám tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ; và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	CHEN, CHING - TUNG	Số 210-2, Đường Vĩnh An, Phường Tam Minh Thát, Thị trấn Cao Hùng, ĐAI LOAN	4.800.000.000	60,00	303883496	
2	CHANG, MING - FU	Khu Công nghiệp Long Đức, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam	3.200.000.000	40,00	311222908	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHEN, CHING - TUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/02/1964 Dân tộc: Quốc tịch: Taiwanese

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: 303883496

Ngày cấp: 25/11/2011 Nơi cấp: Bộ ngoại giao Đài Loan

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 210-2, Đường Vĩnh An, Phường Tam Minh
Thất, Thị trấn Cao Hùng, ĐÀI LOAN

Chỗ ở hiện tại: Công ty TNHH Khánh Phong, Khu Công nghiệp Long Đức, Xã Long
Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Hoàng Dạ

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3240514053

Chứng nhận lần đầu: ngày 06 tháng 7 năm 2007

Chứng nhận thay đổi lần thứ 5: ngày 02 tháng 8 năm 2017

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 582023000003 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp lần đầu ngày 06 tháng 7 năm 2007; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3240514053 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 16 tháng 5 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh;

Căn cứ văn bản điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Khánh Phong nộp ngày 28/7/2017.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TRÀ VINH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CÁT VÀ ĐÁ MÀI; Giấy chứng nhận đầu tư số 582023000003 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp lần đầu ngày 06/7/2007; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3240514053 do Ban Quản lý Khu kinh tế chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 16 tháng 5 năm 2016;

Được đăng ký điều chỉnh: Tăng vốn đầu tư, quy mô và diện tích đất của dự án.

Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp



2100318350 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 06/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 26/10/2015.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chen, Ching –Tung, sinh ngày 10/02/1964, quốc tịch Đài Loan, hộ chiếu số 303883496 do Bộ Ngoại giao Đài Loan cấp ngày 25/11/2011; Đăng ký thường trú: Số 210-2, đường Vĩnh An, phường Tam Minh Thất, thị trấn Cao Hùng, Đài Loan; Chỗ ở hiện nay: Công ty TNHH Khánh Phong, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Chức vụ: Giám đốc; Điện thoại: 0294.3746669; Email: khanhphong160324@gmail.com

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2100318350 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 06/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 26/10/2015.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất đá cắt và đá mài, sản phẩm xuất khẩu 80% và 20% tiêu thụ trong nước.

3. Quy mô dự án:

- Sản xuất với công suất 35 triệu viên/năm;

- Sản phẩm dịch vụ cung cấp: Đá cắt và đá mài;

- Quy mô kiến trúc xây dựng, bao gồm các hạng mục chính:

+ Xưởng 1: Đã hoàn thành từ năm 2009, hiện nay đang hoạt động sản xuất kinh doanh;

+ Xưởng 2 và Văn phòng làm việc: Quý III năm 2017 sẽ tiến hành xây dựng, dự kiến quý I năm 2018 hoàn thành đưa vào sử dụng;

+ Xưởng 3: Quý II năm 2018 tiến hành xây dựng, quý IV năm 2018 hoàn thành đưa vào sử dụng.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

5. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 10.234 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 25 tỷ đồng (100% vốn đầu tư nước ngoài). Trong đó:

- Vốn góp thực hiện dự án: 25 tỷ đồng, chiếm 100%;

- Vốn vay: không;

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 30 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Hiện nay dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

- Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với dự án theo nguyên tắc kế thừa. Các ưu đãi được quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 582023000003 ngày 06/7/2007 trước đây phù hợp với các quy định về thuế Thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Ưu đãi về tiền thuê đất: Doanh nghiệp vẫn được hưởng các ưu đãi về tiền thuê đất đối với dự án theo nguyên tắc kế thừa.

Điều 3: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3240514053 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 16 tháng 5 năm 2016.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH Khánh Phong giữ 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh. *mnh*



TRƯỞNG BAN

Phạm Văn Tâm



BQL KHU KINH TẾ TRÀ VINH
CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 01/PLHD-CTYQLPHTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 18 tháng 11 năm 2014

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH ĐẤT

Căn cứ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 27/HĐ-CTHT ngày 10 tháng 8 năm 2007 được ký kết giữa Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Long Đức và Công ty TNHH Khánh Phong;

Căn cứ phụ lục hợp đồng số 05/PLHD-CTYQLPHTT ngày 26/02/2014 về việc điều chỉnh tăng đơn giá cho thuê đất;

Giấy chứng nhận đầu tư số 582023000003 chứng nhận thay đổi lần thứ II ngày 07 tháng 11 năm 2014 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp;

Hôm nay, ngày 18 tháng 11 năm 2014 tại Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. BÊN CHO THUÊ (sau đây gọi là bên A)

- Tên đơn vị: Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp

- Đại diện: Ngô Trung Tín, Chức vụ: Phó Giám đốc

- Địa chỉ: ấp Vinh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- Điện thoại: (074)3746178-3846699, Fax: (074)3746180

- Tài khoản số: 3751.0.1031156.00000 tại Kho bạc nhà nước Trà Vinh

- Mã số thuế: 2100312937

2. BÊN THUÊ (sau đây gọi là bên B)

- Tên đơn vị: Công ty TNHH Khánh Phong

- Đại diện: Chen Sung Mao, Ngày sinh: 23/11/1956, Quốc tịch: Đài Loan

- Hộ chiếu số: 130013144

- Điện thoại: (074)3746669.

- Tài khoản số: tại

- Mã số thuế: 2100318350

Các bên thống nhất ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh diện tích đất của Công ty TNHH Khánh Phong theo các điều khoản sau:

Điều 1: Thay đổi khoản 4 Điều 1 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 27/HĐ-CTHT ngày 10 tháng 8 năm 2007 như sau:

- Diện tích cho thuê: 9.357 m² (Bằng chữ: Chín nghìn ba trăm năm mươi bảy mét vuông) tại lô C, đường số 3 Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điều 2: Thay đổi khoản 1.1 Điều 5 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 27/HĐ-CTHT ngày 10 tháng 8 năm 2007 như sau:

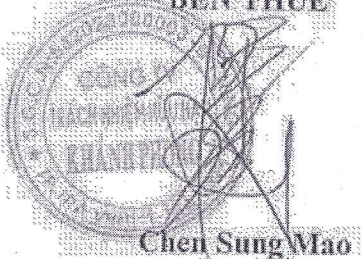
- Giao thửa đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này cho bên B vào ngày 18 tháng 11 năm 2014; diện tích 9.357 m² tại lô C, đường số 3 Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điều 3: Nội dung các điều khoản khác của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 27/HĐ-CTHT ngày 10 tháng 8 năm 2007 và phụ lục hợp đồng số 05/PLHĐ-CTyQLPTHT ngày 26/02/2014 vẫn giữ nguyên không thay đổi.

- Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 27/HĐ-CTHT ngày 10 tháng 8 năm 2007 và phụ lục hợp đồng số 05/PLHĐ-CTyQLPTHT ngày 26/02/2014.

- Phụ lục hợp đồng này được lập thành 08 bản chính, bên A giữ 06 bản, bên B giữ 02 bản, đều có giá trị như nhau./.

BÊN THUÊ



Chen Sung Mao

BÊN CHO THUÊ



Ngô Trung Tín

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN
TỈNH TRÀ VINH
CTY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP LONG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 10 tháng 8 năm 2007

Số: 27 /HĐ-CTHT

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Căn cứ Luật đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 về việc thi hành luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2007 của UBND Tỉnh Trà Vinh. Về việc cho Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức thuê 1.012.338,1 m² đất tọa lạc tại ấp Vinh Hưng, Vinh Yên, Sa Bình, xã Long Đức, thị xã Trà Vinh để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê lại phục vụ sản xuất, kinh doanh;

Căn cứ hợp đồng thuê đất số: 18/HĐTD ngày 08 tháng 05 năm 2007 được ký kết giữa Sở Tài nguyên và môi trường với Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức;

Căn cứ vào công văn số 31/CV-KCN ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty TNHH Khánh Phong thuê lại đất;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đầu tư số: 582023000003 ngày 06 tháng 7 năm 2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Trà Vinh cấp;

Căn cứ vào đơn xin thuê lại đất ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Công ty TNHH Khánh Phong.

Hôm nay, ngày 10 tháng 8 năm 2007 tại Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. BÊN CHO THUÊ (sau đây gọi là bên A)

- Tên đơn vị: Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức.
- Đại diện: Nguyễn Văn Thu, Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: ấp Vinh Hưng, xã Long Đức, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: (074)746179, Fax: (074)746180.
- Tài khoản số: 311.03.00.17101. Tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Trà Vinh.
- Mã số thuế: 2100312937.

2. BÊN THUÊ (sau đây gọi là bên B)



- Tên đơn vị: Công ty TNHH Khánh Phong.
- Đại diện: Chen Sung Mao, Ngày sinh: 23/11/1956.
- Quốc tịch: Đài Loan.
- Hộ chiếu số: I30013144 cấp ngày 24/5/2000.
- Chỗ ở hiện nay: Số 277, đường Đại Đồng, thị trấn Đào Viên, Đài Loan.
- Điện thoại: (074)817801, Fax: (074)817802.
- Mã số thuế: 2100318350

**Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê quyền sử dụng đất
theo các thoả thuận sau đây:**

Điều 1. Quyền sử dụng đất thuê:

Quyền sử dụng đất của bên A là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 71 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 228374, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T00588, vị trí khu đất cho thuê cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 286
 - Tờ bản đồ số: 71
 - Địa chỉ thửa đất: Khu công nghiệp Long Đức tỉnh Trà Vinh.
 - Diện tích: 14.655 m² (Bằng chữ: *Mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi năm mét vuông*). Tại lô C5 Khu công nghiệp Long Đức, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
 - Mục đích sử dụng: Xây dựng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài.
 - Thời hạn sử dụng: Đến ngày 10 Tháng 8 năm 2037
 - Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):.....

Điều 2. Thời hạn thuê:

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất của Hợp đồng này là: 30 năm (*Ba mươi năm*), kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2007 đến ngày 10 tháng 8 năm 2037.

Điều 3. Mục đích thuê:

* Mục đích thuê quyền sử dụng đất của Hợp đồng này là: Xây dựng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài.

Điều 4. Giá thuê và phương thức thanh toán:

1. Giá thuê trong Hợp đồng này là: 0,18 đô la Mỹ/m²/năm (Bằng chữ: *Không phải mười tám đô la Mỹ một mét vuông một năm*). Trong đó giá thuê quyền sử

dùng đất là 0,09 đô la Mỹ/m²/năm, tiền sử dụng hạ tầng là 0,09 đô la Mỹ/m²/năm, chưa có phí xử lý nước thải, chưa tính thuế VAT 5%.

- Đơn giá cho thuê được ổn định tối thiểu là 05 năm. Qua 05 năm nếu có điều chỉnh, mức điều chỉnh mỗi lần không quá 15% giá thuê ghi trong Hợp đồng và chỉ điều chỉnh cho thời gian thuê còn lại mà nhà đầu tư chưa trả tiền thuê.

2. Phương thức thanh toán như sau:

- Doanh nghiệp được miễn tiền thuê quyền sử dụng đất là 0,09 đô la Mỹ/m²/năm trong thời gian 07 năm kể từ ngày 08 tháng 3 năm 2007 (Ngày Sở Tài nguyên và Môi trường bắt đầu tính tiền thuê đất đối với Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức).

- Thời điểm bên B nộp tiền thuê quyền sử dụng đất là: ngày 08 tháng 3 năm 2014.

- Thời điểm bên B nộp tiền sử dụng phí hạ tầng là: 10 ngày sau khi ký Hợp đồng.

- Tiền thuê đất được trả vào tháng 8 hàng năm bằng tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá quy đổi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Cứ 05 năm tiếp theo hai bên sẽ cùng ký một phụ kiện hợp đồng bổ sung cho tiền thuê và phương thức thanh toán theo qui định.

3. Việc giao và nhận số tiền của Hợp đồng này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ và quyền của bên A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B vào ngày 10 tháng 8 năm 2007; diện tích 14.655 m² tại lô C5 Khu công nghiệp Long Đức.

- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích.

- Nộp thuế sử dụng đất.

- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất nếu có.

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê.

- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ Hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại.

- Yêu cầu bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.



Điều 6. Nghĩa vụ và quyền của bên B:**1. Bên B có nghĩa vụ sau đây:**

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê.
- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất.
- Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thỏa thuận.
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.
- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.
- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê.
- Vì lý do an toàn về địa chất Khu công nghiệp và nền móng công trình bên thuê không được tự ý khoan giếng để khai thác nước ngầm sử dụng trong nhà máy.
- Trong thời hạn 03 (ba) tháng nếu bên B chưa khởi công xây dựng, phải thông báo cho bên A, nếu lý do không chính đáng bên A sẽ thu hồi lại đất.

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thỏa thuận.
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thỏa thuận.
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

Điều 7. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất và nộp lệ phí:

1. Việc đăng ký cho thuê cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên A chịu trách nhiệm nộp.

Điều 8. Phương thức giải quyết tranh chấp:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau, trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Điều 9. Cam đoan của các bên:

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước Pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật.

- Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp luật.

- Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

+ Thửa đất không có tranh chấp

+ Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án.

- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc.

- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan:

- Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật.

- Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất.

- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc.

- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

Điều 10. Điều khoản cuối cùng:

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Hợp đồng này được làm thành 06 bản, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ



BÊN CHO THUÊ


Nguyễn Văn Thu

BQL KHU KINH TẾ TRÀ VINH
CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 13/HD-CTHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 07 tháng 8 năm 2017

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (Mở rộng hoạt động của dự án)

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2007 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh, bổ sung một số điểm trong áp dụng một số chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc đổi tên Công ty Phát triển hạ tầng KCN Long Đức thành Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 08/3/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 18/HĐTD ngày 08 tháng 5 năm 2007 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 03/PKHĐTD ngày 25/01/2017 được ký kết giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Trà Vinh và Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp;

Căn cứ Thông báo số 2139/TB-CT ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Cục Thuế tỉnh Trà Vinh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3240514053, chứng nhận lần đầu ngày 06 tháng 7 năm 2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 8 năm 2017 do Ban quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp;

Căn cứ Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 27/HĐ-CTHT ngày 10 tháng 8 năm 2007 được ký kết giữa Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Long Đức và Công ty TNHH Khánh Phong;



Căn cứ Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp và Công ty TNHH Khánh Phong,

Hôm nay, ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. BÊN CHO THUÊ (sau đây gọi là Bên A)

- Tên đơn vị: **Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp**

- Đại diện: **Trình An Khê**, Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: **ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh**
- Điện thoại: **(074)3 846180**, Fax:
- Tài khoản số: **3751.0.1031156.00000** tại Kho bạc nhà nước Trà Vinh
- Mã số thuế: **2100312937**

II. BÊN THUÊ (sau đây gọi là Bên B)

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH Khánh Phong**

- Địa chỉ: **Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.**

- Đại diện (Ông): **Chen Ching Tung**, Chức vụ: Giám đốc
- Sinh ngày **10/02/1964**, Quốc tịch: **Đài Loan**.
- Hộ chiếu số: **303883496** do Bộ Ngoại giao Đài Loan cấp ngày **25/11/2011**.
- Nơi đăng ký thường trú: **số 210-2, đường Vĩnh An, phường Tam Minh Thát, thị trấn Cao Hùng, Đài Loan.**

- Chỗ ở hiện nay: **Công ty TNHH Khánh Phong, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.**

- Mã số thuế: **2100318350.**

III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:

Điều 1. Quyền sử dụng đất thuê:

- Địa chỉ thửa đất: **Lô C, đường số 3, Khu công nghiệp Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.**

- Thửa đất số **.....**, tờ bản đồ **71.**

- Diện tích cho thuê là: **880,8m²** (Bằng chữ: **Tám trăm tám mươi phẩy tám mét vuông**) tại **lô C, đường số 3, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.**

- Nguồn gốc sử dụng: **Nhà nước cho thuê đất.**

Điều 2. Thời hạn thuê:

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất của hợp đồng này là: **từ ngày 07/8/2017 đến ngày 10 tháng 8 năm 2037.**

Điều 3. Mục đích thuê:

Mục đích thuê quyền sử dụng đất: **Mở rộng hoạt động dự án đầu tư Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài tại KCN Long Đức.**

Điều 4. Giá thuê và phương thức thanh toán:

1. Giá thuê:

1.1. Đơn giá thuê đất:

Đơn giá thuê quyền sử dụng đất là 2.550 đồng/m²/năm (Bằng chữ: Hai nghìn năm trăm năm mươi đồng một mét vuông một năm).

1.2. Đơn giá sử dụng hạ tầng:

Giá thuê tiền sử dụng hạ tầng là: 1.564 đồng/m²/năm (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng một mét vuông một năm).

Đơn giá thuê quyền sử dụng đất và sử dụng hạ tầng nêu trên chưa có phí xử lý nước thải và chưa tính thuế GTGT.

1.3. Phương thức điều chỉnh đơn giá:

Đơn giá cho thuê quyền sử dụng đất và sử dụng hạ tầng nêu trên sẽ được thay đổi khi có văn bản của cấp có thẩm quyền áp dụng đơn giá thuê đất cho Bên A. Khi đó, Bên A sẽ ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá cho thuê đất và tiền sử dụng hạ tầng mới với Bên B.

2. Phương thức thanh toán như sau:

- Bên B thanh toán thuê quyền sử dụng đất và sử dụng hạ tầng mỗi năm một lần cho bên A.

- Thời hạn nộp tiền: Trong khoảng thời gian sau 10 ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực thi hành, thanh toán cho thời gian thuê quyền sử dụng đất và sử dụng hạ tầng từ ngày 07/8/2017 đến ngày 31/12/2017. Thời gian thuê đất từ ngày 01/01/2018 đến hết thời hạn thuê: nộp vào ngày 01 đến ngày 10 tháng 01 hàng năm.

- Trường hợp bên B nhận được thông báo nộp tiền thuê đất của bên A mà bên B chậm nộp quá 01 năm thì bên A có quyền chấm dứt hợp đồng thuê đất và thu hồi lại đất.

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam.

- Việc giao dịch của hợp đồng này do hai bên tự nguyện thực hiện theo quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ và quyền của bên A:

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao thửa đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này cho bên B vào ngày 07 tháng 8 năm 2017; diện tích 880,8 m² tại Lô C, đường số 3, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích.

- Nộp thuế sử dụng đất.

- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất (nếu có).

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích tại Điều 3, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B tự tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất và hoàn trả đất.

- Yêu cầu bên B giao trả lại Quyền sử dụng đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.

Điều 6. Nghĩa vụ và quyền lợi của bên B:

1. Bên B có nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê.



- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất.
 - Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thỏa thuận.
 - Thực hiện đúng các qui định hiện hành về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự tại KCN Long Đức, không làm tổn hại đến quyền và lợi ích của các tổ chức sử dụng đất xung quanh.
 - Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất khi chưa được bên A đồng ý bằng văn bản.
 - Trả lại Quyền sử dụng đất sau khi hết thời hạn thuê và tự tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất.
 - Không được tự ý khoan giếng với bất kỳ hình thức nào.
 - Trong thời hạn 03 (ba) tháng nếu bên B chưa khởi công xây dựng công trình, phải thông báo cho bên A biết, nếu lý do không chính đáng bên A sẽ kết thúc hợp đồng này và thu hồi lại đất.
2. Bên B có các quyền sau đây:
- Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thỏa thuận.
 - Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thỏa thuận.

Điều 7. Việc đăng ký và nộp lệ phí:

Việc đăng ký và nộp lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo hợp đồng này do bên B chịu trách nhiệm thực hiện.

Điều 8. Phương thức giải quyết tranh chấp:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu có phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau, trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo đúng qui định của Pháp luật.

Điều 9. Cam đoan của các bên:

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước Pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:
 - Những thông tin về thửa đất và đại diện pháp nhân đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật.
 - Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo qui định của Pháp luật.
 - Tại thời điểm giao kết hợp đồng này:
 - + Thửa đất không có tranh chấp.
 - + Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án.
 - Việc giao kết trong hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc.
 - Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.
2. Bên B cam đoan:
 - Những thông tin về đại diện pháp nhân đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật.
 - Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất.

- Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc.

- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.

Điều 10. Điều khoản cuối cùng:

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 08 bản chính, bên A giữ 06 bản, bên B giữ 02 bản đều có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

BÊN CHO THUÊ
CÔNG TY
QUẢN LÝ VÀ
PHÁT TRIỂN NHÀ TẮNG
KHU KIM TÊ VÀ CÁC KHU
CÔNG NGHIỆP
Trịnh An Khê

BÊN THUÊ
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KẾ ANH PHỐ
Chen Ching Tung



Trà Vinh, ngày 15 tháng 01 năm 2018

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 01/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Khánh Phong

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3240514053 ngày 02/8/2017 do Trường Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp (chứng nhận thay đổi lần thứ 5).
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Chen, Ching - Tung, Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 02943.746669.

2. Được phép xây dựng công trình: Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài.

Hạng mục: Văn phòng và nhà nghỉ chuyên gia.

- Do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Long lập.
- Đơn vị thẩm tra: Trung tâm tư vấn Kiểm định xây dựng – Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh.
- Đơn vị thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Thửa đất số 426 và thửa đất số 534 thuộc tờ bản đồ số 71 với diện tích 10.237,8 m². Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

+ Cốt nền xây dựng công trình: +3.400 (theo cao độ Quốc gia VN-2000).

+ Chi giới đường đỏ, chi giới xây dựng: Lộ giới đường số 3 là 19,5 m.

+ Màu sắc công trình: Không được sử dụng màu tối sẫm hoặc sắc sỡ.

+ Diện tích xây dựng tầng 01: 218,16 m² (Diện tích tầng 1 là 200,66 m² và diện tích sân là 17,5 m²).

+ Tổng diện tích sàn: 429,55 m² (Trong đó: Tổng diện tích sàn tầng trệt là 218,16 m², tổng diện tích sàn tầng lầu là 211,39 m² (Diện tích tầng lầu là 200,66 m² và ban công là 10,73 m²)).

+ Chiều cao công trình: 10,5 m.

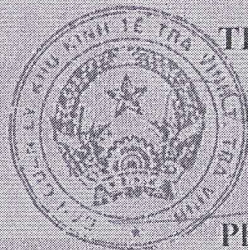
+ Số tầng: 02 tầng (01 tầng trệt + 01 tầng lầu).

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CT02164 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 22/10/2015 và số CT02732 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 08/12/2017.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./Huy

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu: VT, QLQHXD.



TRƯỞNG BAN *lun*

lun

Phạm Văn Tám

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/ gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

..... ngày tháng năm

TRƯỞNG BAN

Trà Vinh, ngày 05 tháng 7 năm 2017

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 07/GPXD

- Cấp cho: Công ty TNHH Khánh Phong
 - Giấy chứng nhận đầu tư số 3240514053 ngày 16/5/2016 do Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp (chứng nhận thay đổi lần thứ 4).
 - Người đại diện theo pháp luật: Ông Chen, Ching - Tung, Chức vụ: Giám đốc
 - Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- Được phép xây dựng công trình: Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài
 - Do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Hoàn Anh lập.
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Dương Minh.
 - Đơn vị thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh
 - Gồm các nội dung sau:
 - Vị trí xây dựng: Thửa đất số 426, tờ bản đồ số 71 với diện tích 9357,0 m². Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
 - Cốt nền xây dựng công trình: +3.400 (theo cao độ Quốc gia VN-2000).
 - Chi giới đường đỏ, chi giới xây dựng: Lộ giới đường số 1 là 42 m và đường số 3 là 19,5 m.
 - Màu sắc công trình: Không được sử dụng màu tối sẫm hoặc sặc sỡ.
 - Diện tích xây dựng tầng 01: 1.360 m².
 - Tổng diện tích sàn: 1.507,6 m² (Trong đó: Tổng diện tích sàn tầng 01 là 1.360 m², tổng diện tích sàn tầng lửng là 147,6 m²).
 - Chiều cao công trình: 10 m.
 - Số tầng: 02 tầng (01 tầng trệt + 01 tầng lửng).
- Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CT02164 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 22/10/2015.
- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu: VT, QLQHXD.



TRƯỞNG BAN

Phạm Văn Tâm

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/ gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm

TRƯỞNG BAN



Số: 14 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 04 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
“Mở rộng nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất
từ 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất từ 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm” họp ngày 02/11/2017;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất từ 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm” đã được bổ sung, chỉnh sửa gửi kèm Văn bản số 17/KP-MT.17 ngày 25/12/2017 của Công ty TNHH Khánh Phong;

Xét Tờ trình số 670/TTr-STNMT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất từ 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất từ 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm” (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty TNHH Khánh Phong (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô và công suất của dự án:

1.1. Vị trí thực hiện: Lô N, đường số 3, Khu Công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

1.2. Diện tích: 10.237,8 m² (đất thuê của Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu Kinh tế và các Khu công nghiệp).

1.3. Quy mô và công suất: Sản xuất sản phẩm đá cắt và đá mài với công suất 35 triệu viên/năm (tương đương 2.058,105 tấn sản phẩm/năm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Thiết kế, xây dựng, vận hành liên tục và giám sát chặt chẽ các công trình xử lý nước thải, bụi, khí thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Phân loại, thu gom và có biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phù hợp và đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ; đồng thời, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng hướng dẫn Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường; ứng phó rủi ro, sự cố phát sinh; chương trình giám sát môi trường; lập phương án bảo vệ môi trường theo quy định và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra.

2.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, sức khỏe của công nhân và đối tượng xung quanh (đặc biệt là bụi, khí thải, tiếng ồn) thì phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo, phối hợp xử lý; thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định. Đồng thời, chủ dự án phải thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Xây dựng; Trưởng

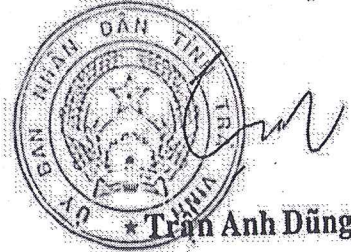
Ban quản lý Khu kinh tế Trà Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Khánh Phong căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNN.12/

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



PHỤ LỤC 1.2

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Số: 17/HĐ-TTHT

Hệ thoát nước: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khánh Phong

**Địa chỉ: Đường số 3, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức,
thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh..**

Mã số khách hàng

X	L	N	T	0	0	6
---	---	---	---	---	---	---

Giữa

Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp

Và

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khánh Phong

Trà Vinh, ngày 01 tháng 02 năm 2021



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 18/6/2014;
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, thông qua ngày 29/06/2006;
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 23/06/2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 21/06/2012;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 12, thông qua ngày 17/06/2009;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Thông tư 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Căn cứ Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc đổi tên Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp thành Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp;

11/11/2020
10:00
11/11/2020
10:00
11/11/2020
10:00
11/11/2020
10:00

- Căn cứ Công văn số 522/UBND-KT ngày 9/02/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đơn giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Đức giai đoạn 2021-2023,

Hôm nay, ngày 01 tháng 02 năm 2021, chúng tôi gồm các thành phần dưới đây thống nhất ký hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải với nội dung như sau:

PHẦN II. CÁC CHỦ THỂ HỢP ĐỒNG

Bên A: Đơn vị thoát nước: Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp

- Tên người đại diện: **Trịnh An Khê** Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ: **Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.**

- Điện thoại: **02943.746338**

- Số tài khoản: **73410000228883** Tại: **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh**

- Mã số thuế: **2100312937**

Bên B: Hộ thoát nước: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khánh Phong

- Tên người đại diện: **Chang Ming Fu** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

- Địa chỉ: **Đường số 3, Khu công nghiệp Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.**

- Điện thoại: **02943 746669**

- Số tài khoản: Tại:

- Mã số thuế: **2100318350**

PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A và bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) với các nội dung như sau:

Điều 1. Điểm đấu nối:

Thực hiện theo Biên bản thỏa thuận đấu nối được ký giữa Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp (hiện là Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khánh Phong.

Điều 2. Khối lượng nước thải:

Khối lượng nước thải được xác định để tính tiền xử lý nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước của đơn vị cấp nước mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khánh Phong tiêu thụ. (Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 39 Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ).

Điều 3. Chất lượng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải:

- Nước thải của bên B sau khi xử lý cục bộ xả vào hệ thống công thu gom của Khu công nghiệp tối thiểu phải đạt chuẩn cột B QCVN 40:2011/BTNMT. Tiêu chuẩn, chất lượng nước thải bên B đăng ký xả thải với bên A dựa vào các chỉ tiêu cơ bản như Phụ lục kèm theo hợp đồng này.

- Bên A thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của bên B và xả nước thải sau xử lý ra môi trường đạt quy chuẩn môi trường cho phép theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

4.1. Bên A có các quyền sau:

- Tổ chức lấy mẫu nước thải đột xuất hàng tháng tại hố ga đầu nổi xả thải của bên B để kiểm nghiệm với sự tham gia của các bên liên quan.

- Sau 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo kết quả kiểm nghiệm mẫu nước thải mà bên B không có phản hồi, bên A có quyền áp dụng kết quả kiểm nghiệm mẫu nước thải (*thông số COD*) này để tính đơn giá xử lý nước thải của tháng đó.

- Thu tiền dịch vụ thoát nước và các khoản phải trả khác (*nếu có*) theo quy định của hợp đồng.

- Tạm ngừng dịch vụ thoát nước: Khi bên B không thực hiện đúng những nội dung được quy định trong hợp đồng này.

- Trường hợp không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường: Bên A thông báo về việc vi phạm và yêu cầu bên B phải khắc phục. Sau 10 ngày mà bên B không chấp hành thì bên A sẽ ngưng tiếp nhận nước thải của bên B và đồng thời bên A báo cáo cơ quan có thẩm quyền và đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch đối với bên B.

- Trường hợp gây ảnh hưởng xấu đến môi trường: Bên A phối hợp cơ quan chức năng tiến hành lập biên bản và yêu cầu bên B khắc phục ngay. Nếu bên B không chấp hành sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành và phải thanh toán các khoản chi phí liên quan do những vi phạm đó gây ra.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Bên A có các nghĩa vụ sau:

- Thực hiện về xử lý nước thải như quy định tại Điều 3 của hợp đồng.

- Thông báo cho bên B biết kết quả kiểm nghiệm mẫu nước thải và tổng số tiền dịch vụ thoát nước mà bên B phải thanh toán cho bên A hàng tháng hoặc theo từng quý.

- Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường về dịch vụ thoát nước tại Khu công nghiệp Long Đức.

- Thông báo cho Bên B được biết thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước trong trường hợp để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước của bên A.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

5.1. Bên B có các quyền sau:

- Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo đúng quy định của pháp luật.
- Trường hợp bên B không chấp nhận kết quả kiểm nghiệm của bên A. Bên B có quyền yêu cầu đơn vị đủ chức năng khác kiểm nghiệm mẫu đối chứng. Chi phí kiểm nghiệm mẫu đối chứng do bên yêu cầu thanh toán.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Cung cấp hóa đơn tiền nước cấp hoặc mã số khách hàng tương ứng từng đồng hồ đo lưu lượng nước cấp bên B sử dụng cho bên A hàng tháng để làm cơ sở thanh toán. Thanh toán tiền dịch vụ thoát nước đủ và đúng thời hạn.
- Tạo điều kiện cho bên A kiểm tra chất lượng nước thải của bên B trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp. Cử cán bộ cùng tham gia và ký tên vào biên bản lấy mẫu nước thải khi bên A kiểm tra, tiến hành lấy mẫu.
- Phải thu gom toàn bộ nước thải, vận hành liên tục hệ thống xử lý nước thải cục bộ và xả nước thải vào hệ thống thu gom của bên A không vượt chuẩn cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (theo phụ lục đính kèm hợp đồng).
- Tách riêng biệt hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa nội bộ, đồng thời đấu nối tương ứng vào hệ thoát nước thải, nước mưa của Khu công nghiệp và đấu nối thực hiện theo đúng Điều 1 hợp đồng này.
- Không xả thải các loại chất thải rắn (*rác thải sinh hoạt, sản xuất*) vào hệ thống thoát nước ảnh hưởng đến hệ thống của bên A.
- Không pha loãng nước thải để đạt các quy chuẩn chất lượng nước thải hoặc chuyển tải lượng nước thải sang môi trường khác như không khí và đất.
- Thông báo kịp thời cho bên A các sự cố, hiện tượng bất thường do bên B phát sinh, đồng thời bên B phải có kế hoạch khắc phục báo cáo bên A. Trường hợp bên B không thông báo, hoặc không quản lý chặt chẽ hệ thống xử lý nước thải của bên B làm ảnh hưởng đến việc thoát nước và xử lý nước thải của bên A thì bên B phải bồi thường hoàn toàn thiệt hại cho bên A.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giá dịch vụ thoát nước và phương thức thanh toán:

6.1. Giá dịch vụ thoát nước:

- Mức thu tiền dịch vụ thoát nước = $Q (m^3) \times \text{đơn giá (đồng/m}^3)$

* Trong đó:

+ Q: Khối lượng nước thải (m^3).

+ Đơn giá (chưa bao gồm thuế GTGT) = 6.000 đồng/m³: Đơn giá này áp dụng đối với nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hàm lượng COD ≤ 150 mg/l) được phê duyệt.

- Giá dịch vụ này sẽ được thay đổi khi có phê duyệt điều chỉnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6.2. Thời gian tính giá dịch vụ thoát nước:

- Bên A thông báo kết quả kiểm nghiệm mẫu nước thải (thông số COD) cho bên B. Đồng thời Bên B cung cấp hóa đơn tiền nước cấp hoặc mã số khách hàng cho bên A.

- Bên A thông báo số tiền bên B phải thanh toán từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng hoặc theo thỏa thuận hai bên khi bên B nhận được các chứng từ thanh toán của bên A.

6.3. Phương thức thanh toán:

- Bên B thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên A theo từng tháng hoặc theo từng quý, phí chuyển tiền do bên B thanh toán.

- Đồng tiền thanh toán: Đồng tiền Việt Nam.

6.4. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 03 ngày kể từ ngày bên A thông báo số tiền phải thanh toán, bên A sẽ xuất hóa đơn thu tiền dịch vụ thoát nước cho bên B. Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn kèm đề nghị thanh toán của bên A.

6.5. Trường hợp khác: Nếu nước thải của bên B vượt chuẩn cột B (QCVN 40:2011/BTNMT) thì mức thu tiền dịch vụ thoát nước được áp dụng như sau:

- Mức thu tiền dịch vụ thoát nước = Q (m³) x đơn giá (đồng/m³) x K

*Trong đó:

- Q: Khối lượng nước thải (m³).

- Đơn giá (chưa bao gồm thuế GTGT) = 6.000 đồng/m³.

- K: Hệ số điều chỉnh phụ thuộc vào hàm lượng chất gây ô nhiễm và được xác định theo chỉ tiêu COD (mg/L). Hệ số K được xác định theo giá trị như sau:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K
1	151 - 200	1,5
2	201 - 300	2,0
3	301 - 400	2,5
4	401 - 600	3,5
5	> 600	4,5

(Theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng).

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng:

Hợp đồng sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Khi hết thời hạn của hợp đồng này.
- Bên B không thực hiện đúng nội dung quy định trong hợp đồng này.
- Hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Sau khi chấm dứt hợp đồng: bên B phải thanh toán đủ cho bên A các khoản tiền dịch vụ thoát nước chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh đang hoạt động của bên B tại Khu công nghiệp Long Đức.

Điều 8. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng:

8.1. Giải quyết tranh chấp:

Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên cơ sở hợp tác. Nếu có vướng mắc hai bên không giải quyết được thì sẽ đưa ra giải quyết tại Tòa án tỉnh Trà Vinh, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Trong quá trình tranh chấp bên A tạm ngưng dịch vụ thoát nước.

8.2. Xử lý vi phạm hợp đồng:

- Nếu bên B chậm thanh toán theo quy định hợp đồng thoát nước, bên A có quyền ngưng tiếp nhận nước thải của bên B.
- Nếu một trong hai bên vi phạm các quy định về thoát nước sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản quy định trong hợp đồng này trên tinh thần hiểu biết và hợp tác. Nếu có sự thay đổi hoặc bổ sung phải được hai bên chấp thuận bằng văn bản.

- Trong quá trình thực hiện gặp vướng mắc hai bên sẽ thương thảo và ký phụ lục hợp đồng.

- Các hợp đồng dịch vụ thoát nước khác trái với hợp đồng này đều không có giá trị pháp lý.

- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bộ bằng tiếng Việt Nam có giá trị như nhau. Bên A giữ 02 (hai) bộ, bên B giữ 02 (hai) bộ.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2021/.

ĐẠI DIỆN BÊN A 


Linh An Khô

ĐẠI DIỆN BÊN B


CHANG MING FU

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH

Số: M/2024/CTĐT/HĐ-VCR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN RÁC SINH HOẠT

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015;
- Chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu và sự thống nhất các bên.

PHẦN II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Công Trình Đô thị Trà Vinh, đại diện hai bên gồm:

* Bên A/Bên sử dụng dịch vụ: **CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện: Ông **CHANG MING FU**

Chức vụ: Phó Giám đốc

Điện thoại: 0294 3746669

Mã số thuế: 2100318350

Số tài khoản: tại

* Bên B/Bên cung cấp dịch vụ: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH.**

Địa chỉ: 48A, Sơn Thông, Khóm 1, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Đại diện: Ông **PHẠM TẤN LỘC**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0294 3853596

Mã số thuế: 2100234397

Tài khoản số: 7356666666 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh.

PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

- Chất thải rắn bị từ chối là chất thải rắn chỉ bao gồm hoặc chủ yếu bao gồm bất kỳ loại chất thải rắn nào trong các loại chất thải rắn sau đây: Chất thải rắn y tế nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn xây dựng và các loại chất thải nguy hại khác.

Điều 2. Công việc của hợp đồng

1/Nội dung công việc: vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt từ địa điểm lấy rác bằng



phương tiện xe ô tô chuyên dụng đến địa điểm xử lý rác.

Địa điểm lấy rác: CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG: Khu công nghiệp Long Đức, thành phố Trà Vinh.

2/ Yêu cầu công việc:

- Tần suất thu gom: Công ty ấp Vĩnh Yên : Tuần 02 lần
- Phương tiện vận chuyển: xe ô tô chuyên dụng của bên B.
- Phương tiện lưu chứa rác: do bên A tự trang bị (thùng chứa rác bằng nhựa loại 240 lít).

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 01/01/2024 đến 31/12/2024

Điều 4. Giá trị hợp đồng

NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN GIÁ (đồng/tháng)	THỜI GIAN (tháng)	THÀNH TIỀN (đồng)	GHI CHÚ
Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	613.636,36	12	7.363.636	
Tổng giá trị (giá chưa bao gồm VAT)			7.363.636	
<i>(Bảy triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm ba mươi sáu đồng)</i>				

Hình thức giá hợp đồng: giá trên là cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp có điều chỉnh tăng/giảm giá thì Bên B sẽ gửi thông báo kèm theo căn cứ điều chỉnh giá đến Bên A trước ít nhất 5 (năm) ngày làm việc. Giá mới chỉ được áp dụng khi có sự thống nhất của hai bên; **Giá trên áp dụng mức thuế giá trị gia tăng (VAT) theo quy định tại thời điểm xuất hóa đơn tài chính.**

Điều 5. Thanh toán

5.1 Thời gian và hình thức thanh toán:

Sau khi hợp đồng được ký kết, Bên B xuất hóa đơn bao gồm thuế Giá trị gia tăng theo kỳ thanh toán do hai bên thỏa thuận. Bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền trên hóa đơn bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào một trong các tài khoản sau:

- 116000015918 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh;
- 7356666664 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh.

Tên tài khoản: Công ty cổ phần công trình đô thị Trà Vinh.

Hóa đơn hoặc các chứng từ khác do bên B xuất là cơ sở thanh toán và xuất trình khi ngành chức năng kiểm tra.

5.2 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

5.3 Chứng từ thanh toán: Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

6.1 Trách nhiệm của bên A:

Chứa rác vào thùng chứa rác hoặc túi rác chuyên dụng. Không được đưa các loại chất thải rắn bị từ chối, xác động vật vào chung với rác thải sinh hoạt. Rác thải trong sinh hoạt có gốc động thực vật bỏ vào túi nylon cột kín rồi cho vào thùng hoặc túi rác chung. Không vứt rác xung quanh nơi đặt thùng hoặc túi rác. Nếu thùng chứa rác do bên B cung cấp, bên A có trách nhiệm bảo quản không để cháy, hư hỏng, mất. Nếu để cháy, hư hỏng, mất v.v... thì Bên A có trách nhiệm bồi hoàn theo giá hiện hành.

Kéo thùng rác hoặc mang túi rác ra phía ngoài đến đúng thời gian tại vị trí thuận tiện để phương tiện Bên B vào lấy rác. Thùng rác hoặc túi rác không đặt ở lề đường làm cản trở lối đi. Thanh toán chi phí vận chuyển rác sinh hoạt theo giá trị đã ký kết trong hợp đồng này.

6.2 Trách nhiệm của bên B:

Bố trí phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt trong thùng hoặc túi rác cho Bên A theo đúng địa điểm và thời gian thỏa thuận. Từ chối vận chuyển rác sinh hoạt ngày hôm đó hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu có các loại chất thải rắn bị từ chối và những chất liệu không hợp pháp gây cháy, nổ hoặc chứa hóa chất độc hại trộn lẫn trong thành phần rác thải sinh hoạt Bên A giao cho Bên B.

Trường hợp khi cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện bên A bỏ lẫn các loại rác không phải rác sinh hoạt (như đã nêu ở Điều 1) vào thùng rác, túi rác hoặc rác thải sinh hoạt lấy từ địa điểm của bên A có các loại chất thải rắn bị từ chối và các chất liệu khác không hợp pháp có trên xe thì bên A sẽ chịu mọi trách nhiệm và hình thức xử phạt theo qui định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu Bên A hoặc Bên B có khó khăn trở ngại phát sinh thì phải thông báo cho bên kia biết trước 05 ngày bằng văn bản, hoặc liên hệ Phòng Kế Toán; số điện thoại: 02943 853596 để được hướng dẫn thực hiện và giải đáp các trở ngại phát sinh.

Điều 7. Điều khoản bổ sung

Sau khi hợp đồng được hai bên ký kết, nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo điều 5 khoản 1 thì hợp đồng xem như không có giá trị và bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm gì. Nếu cơ quan chức năng kiểm tra thì Bên A sẽ chịu mọi hình thức xử phạt theo qui định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu khối lượng vận chuyển rác tăng hoặc giảm thì hai bên tiến hành thỏa thuận lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh theo phát sinh.

Hết thời gian hợp đồng, nếu có nhu cầu Bên A sẽ liên hệ với bên B cùng thỏa thuận ký hợp đồng mới.

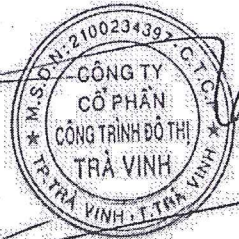
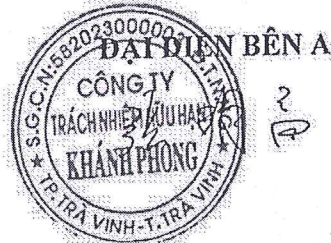
Sau khi hai bên đã hoàn thành xong trách nhiệm của mình bao gồm trách nhiệm về tài chính thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

Điều 8. Điều khoản chung

Hai bên đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được thì thông nhất nộp đơn đến tòa án có thẩm quyền để được giải quyết. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Hợp đồng này được thành lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B



Phạm Tấn Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 02 tháng 07 năm 2018

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHÉ LIỆU

Hợp đồng số : 01 /HĐMBPL

Hôm nay, ngày 02 tháng 07 năm 2018, chúng tôi đại diện cho các bên ký kết hợp đồng, gồm có :

Bên A (Bên bán) : CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

Đại diện Ông : Chang Ming Fu

Chức vụ : Phó giám đốc

Địa chỉ : KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, TP Trà Vinh, Trà Vinh

Mã số thuế : 2100318350

Điện thoại : 0294.3746669

Bên B (Bên mua) : Cơ sở Thu Mua Phế Liệu

Đại diện Ông : Thạch Ngọc Hoành

Chức vụ : Chủ cơ sở thu mua phế liệu

CMND số : 334084828 Cấp ngày: 17/12/2003 Tại : Công An Trà Vinh

Địa chỉ : Khóm 4, Thị Trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại : 0913.742700

Hai bên sau khi bàn bạc đã thống nhất nội dung hợp đồng mua bán phế liệu như sau :

Điều 1 : Đối tượng mặt hàng, số lượng:

Bên A đồng ý bán phế liệu thùng carton, thiếc lá vụn cho bên B là do bên A không còn khả năng tái sử dụng lại được trong quá trình sản xuất

Số lượng phế liệu theo thực tế tại kho chứa của Công ty TNHH Khánh Phong.

Điều 2 : Giá cả, phương thức thanh toán:

Giá cả: Theo thỏa thuận trước khi nhận hàng, giá các loại phế liệu không trừ tỷ lệ % nước.

Phương thức thanh toán: Dựa trên biên bản giao nhận và trả tiền mặt ngay sau khi nhận hàng.

Điều 3 : Địa điểm, phương thức giao nhận và bốc xếp:

Địa điểm giao nhận hàng hóa: Tại Công ty TNHH Khánh Phong, địa chỉ : KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, TP Trà Vinh, Trà Vinh

Bên B tự tổ chức vận chuyển, bốc xếp phế liệu và xuất trình giấy tờ có liên quan cho bảo vệ trước khi vận chuyển phế liệu ra khỏi Công ty.

Điều 4 : Quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên.

4.1/ Đối với bên A :

Thông báo cho bên B có thông tin đầy đủ để bên B điều động phương tiện đến nhận hàng.

Tạo điều kiện thuận lợi để bên B nhận hàng.

Từ chối cho bên B đến nhận hàng mà chưa có thông báo của bên A.

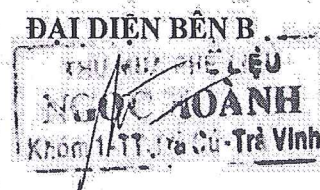
4.2/ Đối với bên B :

Tổ chức nhận phế liệu hàng tháng theo đúng yêu cầu thông báo của bên A không làm mất trật tự, vệ sinh trong Công ty trong quá trình nhận hàng.

Điều 5 : Hiệu lực của hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký .

Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bến Rộng, Thanh Đức, Gò Dầu, Tây Ninh

Số: HP96/24/HĐXL-KP

Tây Ninh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

HỢP ĐỒNG

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022;

- Căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động và khả năng của Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huế Phương VN;

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH Khánh Phong.

Tại địa điểm: Công ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huế Phương VN, Ấp Bến Rộng, xã Thanh Đức, huyện Gò Dầu, Tây Ninh

Đại diện hai bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN

- Địa chỉ : Tổ 5, ấp Bến Rộng, xã Thanh Đức, huyện Gò Dầu, Tây Ninh.

- Điện thoại: 0276-3855345

- Tài khoản số: 050023401158 tại ngân hàng Sacombank - PGD Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

- Mã số thuế: 3900995360

- Đại diện: Ông **LÊ THIÊN PHƯƠNG** Chức vụ: Phó giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

- Địa chỉ: Đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: 0294 3 746669

Fax: 0294 3 746 679

- Mã số thuế: 2100318350

- Đại diện: **CHANG MING FU** Chức vụ: Phó Giám đốc

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung công việc.

- Bên B đồng ý để Bên A thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại (viết tắt là CTNH) với chủng loại và đơn giá theo danh mục sau:

❖ **Danh mục chất thải xử lý và đơn giá.**

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ/Kg)
1	Đá mài thải/ Vật thể dùng để mài có các thành phần nguy hại	Rắn	07 03 10	4.000
2	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	8.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (Thùng thiếc dính keo)	Rắn	18 01 02	5.000
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	8.000
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	8.000

- Phí thu gom, vận chuyển chất thải là 8.000.000 VNĐ/Chuyến.

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo qui định.

- Trong trường hợp Bên B có phát sinh các loại chất thải khác ngoài danh mục trên, hai bên sẽ thương lượng và ký các phụ lục hợp đồng bổ sung.

Điều 2. Phương thức giao nhận

- Thời gian giao nhận: Do hai bên thỏa thuận hoặc Bên B báo trước cho Bên A 04 ngày bằng fax, mail hoặc điện thoại để Bên A sắp xếp.

- Địa điểm giao nhận: Đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vinh Yên, xã Long Đức, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Khi giao nhận CTNH hai bên phải đối chiếu số lượng chất thải và ký xác nhận vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và xuất chứng từ CTNH. Bên A chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại điều 1.

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng.

Từ 01/03/2024 đến 28/02/2025.

Điều 4. Phương thức thanh toán.

- Bên B thanh toán cho Bên A 100% chi phí xử lý chất thải trong vòng 07 ngày sau khi Bên A hoàn trả chứng từ và cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên B.
- Bên B thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản của Bên A: Công ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huế Phương VN – 050023401158 – Mở tại ngân hàng Sacombank PGD Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh. Ngoài hình thức chuyển khoản vào số tài khoản trên, Bên A không chấp nhận hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc hình thức thanh toán nào khác. Nếu vi phạm điều này Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về chi phí chưa được chuyển khoản vào số tài khoản của Bên A.
- Trong trường hợp quá thời hạn nêu trên nếu Bên B vẫn chưa thanh toán cho Bên A thì Bên B phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất tiết kiệm hiện tại của ngân hàng Sacombank PGD Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Điều 5. Trách nhiệm của hai bên trong việc thực hiện hợp đồng.

5.1 Trách nhiệm bên A

- Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển chất thải ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của Bên A.
- Khi thu gom vận chuyển chất thải nguy hại Bên A chỉ sử dụng các xe vận chuyển trong giấy phép hành nghề của Bên A đã được Bộ Tài nguyên và Môi Trường cấp phép.
- Xác nhận và hoàn trả lại các liên chứng từ của Bên B sau khi hoàn thành xử lý chất thải.

5.2 Trách nhiệm bên B

- Bên B chịu trách nhiệm phân loại, lưu trữ và quản lý chất thải tại kho của Bên B theo đúng quy định pháp luật.
- Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận CTNH tại kho Bên B.
- Trong thời hạn hợp đồng Bên B không được giao CTNH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu Bên B vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm theo đúng quy định pháp luật.
- Phối hợp với Bên A xuất chứng từ CTNH theo mẫu hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

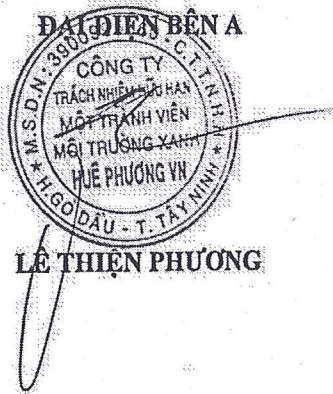
Điều 6. Điều khoản bất khả kháng


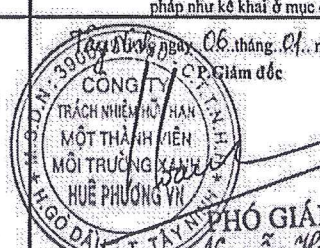
- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ về xuất khẩu hay nhập khẩu và các sự kiện bất khả kháng khác, là những sự kiện xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên

không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể bóc xếp toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc bóc xếp hàng thì Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 7. Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai bên.
- Trường hợp hai bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản và có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 02 bản.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký./.



TÊN/THÀNH PHỐ		CHỨNG TỪ CHẤT THÁI NGUY HẠI					
Tây Ninh		Số: 3163 /2023/3-4-5-6.050.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huế Phương VN		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.050.VX					
Địa chỉ văn phòng: Tổ 5, Ấp Bến Rồng, Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam		ĐT: 02763.855.345					
Địa chỉ cơ sở: Tổ 5, Ấp Bến Rồng, Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam		ĐT: 02763.855.345					
2. CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ người thất: CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG		Mã số QLCTNH: 0313911610					
Địa chỉ văn phòng: đường số 3 KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, TP Trà Vinh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.		ĐT: 02943746669					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc đầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	150	TD
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thái	x			16 01 06	3	Nghiên -HR
3	Bao bì mềm thái	x			18 01 01	120.0	TD
4	Bao bì cứng thái bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	x			18 01 02	170.0	Súc rửa
5	Dã mài/ Vật thể dùng để mài có các thành phần nguy hại.	x			07 03 10	3.021.0	HR
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tàn thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Dòng xử lý); TD (Thiếu đói); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng:					
Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện:			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt Chủ CS DV XL CTNH 1/đơn vị vận chuyển:		Ký:		Ngày: 20/12/2023			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:		Ký:		Ngày:			
6. Chủ nguồn thái xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 <p>06 tháng 12 năm 2023</p> <p>Chang Ming Fu</p>				 <p>06 tháng 01 năm 2024</p> <p>PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Thụy Hoàng</p>			
* Liên số: 1□ - 2□ 3□ - 4□							

TỈNH/THÀNH PHỐ

Tây Ninh

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2772 /2022/3-4-5-6.050.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTY MÔI TRƯỜNG XANH HUỆ PHƯƠNG VN Mã số QLCTNH:3-4-5-6.050VX

Địa chỉ văn phòng: Tô 5, ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dã, tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763855345

Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng: Đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
ĐT: 0294 3 746669

Địa chỉ cơ sở:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	1	Nghiên - HR
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01	70	TĐ
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (Thùng thiếc dính keo)	x			18 01 02	150	Súc rửa
4	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	90	TĐ
5	Vật thể dùng để mài có các thành phần nguy hại	x			07 03 10	3000	HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập (không)

Số hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn P. T. n. Ký: *[Signature]* Ngày: 06/12/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:..... Ngày:

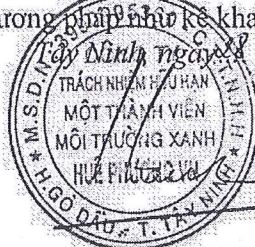
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin (mục 4 (hoặc 5)

Trà Vinh, ngày 06 tháng 12 năm 2022



Chang Ming Fu
(Chữ ký, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp nêu kê khai ở mục 4



(Chữ ký, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú:.....

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Cường

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**

PHỤ LỤC 1.3

KẾT QUẢ THANH TRA – KIỂM TRA

Trà Vinh, ngày 05 tháng 4 năm 2022

BIÊN BẢN

**Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật của
Công ty TNHH Khánh Phong trong KCN Long Đức năm 2022**

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-BQLKKT ngày 16/02/2022 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2022,

Căn cứ Kế hoạch số 12/KH-ĐKT ngày 23/02/2021 của Đoàn kiểm tra về việc kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2022,

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 05/4/2022 tại Công ty TNHH Khánh Phong, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật của Công ty.

I. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA:

1. Đại diện Đoàn kiểm tra:

1.1. Ban Quản lý Khu kinh tế:

- Ông Lưu Văn Nhanh, Phó Trưởng Ban, Trưởng đoàn.

- Bà Lê Thúy Thùy Liên, Chuyên viên phòng Quản lý Đầu tư và doanh nghiệp, Thư ký.

1.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

- Bà Lê Minh Thương, Trưởng phòng thanh tra-kiểm tra, thành viên.

1.3. Sở Y tế:

- Ông Trâm Minh Quang, Phó Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y, thành viên.

1.4. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

- Ông Nguyễn Văn Trện, Chuyên viên Phòng LĐVL-GDNN, thành viên.

1.5. Công đoàn Khu kinh tế:

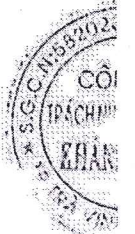
- Ông Trần Nhật Linh, Chủ tịch Công đoàn Khu kinh tế, thành viên.

1.6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Chuyên viên phòng Quản lý môi trường, thành viên.

1.7. Cục Thuế tỉnh:

- Ông Lê Thanh Dũng, Phòng Thanh tra – kiểm tra 1, thành viên.



1.8. Phòng An ninh kinh tế – Công an tỉnh: Vắng

1.9. Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường - Công an tỉnh:

- Ông Nguyễn Duy Phương, Cán bộ, thành viên;

1.10. Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh:

- Ông Nguyễn Vũ Cường, Cán bộ, thành viên;

1.11. Sở Công thương: Vắng do Công ty không có sử dụng hóa chất.

2. Đại diện Công ty TNHH Khánh Phong:

- Ông Chang Ming Fu – Phó Giám đốc.

- Bà Đặng Thị Thu Thủy – Nhân viên văn phòng.

- Bà Lê Thị Kiều Hoa – Nhân viên Văn phòng.

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC:

1. Ông Lưu Văn Nhạnh, Trưởng đoàn nêu mục đích, yêu cầu và cách thức thực hiện của Đoàn kiểm tra. Đề nghị Công ty và các thành viên Đoàn kiểm tra phối hợp thực hiện;

2. Bà Lê Thúy Thùy Liên, Thư ký giới thiệu thành phần Đoàn kiểm tra và thông qua Quyết định số 12/QĐ-BQLKKT ngày 16/02/2022 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2022;

3. Bà Đặng Thị Thu Thủy báo cáo tóm tắt các nội dung kiểm tra với Đoàn kiểm tra.

Báo cáo kết quả việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp (kỳ báo cáo năm 2021), trong đó tập trung vào một số nội dung theo 07 phụ lục quy định tại Kế hoạch số 12/KH-ĐKT ngày 23/02/2022 của Đoàn Kiểm tra.

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA:

1. Về các quy định về pháp luật lao động:

- Đơn vị cơ bản có thực hiện các quy định về pháp luật lao động, tuy nhiên chưa ban hành Nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể và quy chế dân chủ cơ sở theo quy định của Bộ Luật lao động năm 2019.

- Đối với nội dung kiểm tra lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN:

+ Công ty thực hiện tốt việc trích đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN hàng tháng đúng theo tại Khoản 2, Điều 21 của Luật BHXH.

+ Công ty có thực hiện xây dựng thang lương, bảng lương.

+ Công ty thực hiện trích đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho người lao động theo thang bảng lương do Công ty xây dựng. Đối với người lao động thuộc nhóm 1, 2, 3 Công ty có cộng 7% tay nghề vào mức lương tính đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN. Riêng lao động thuộc nhóm 4, nhóm 5 Công ty đóng bằng mức lương tối thiểu vùng II theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính Phủ.

- Đối với Công tác an toàn, vệ sinh lao động:

+ Hằng năm Công ty đều có xây dựng Kế hoạch An toàn, vệ sinh lao động tại Công ty.

+ Công ty tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho lao động từ nhóm 1 đến nhóm 6, theo đúng quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

+ Công ty đã thực hiện việc kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, lao động gồm 04 thiết bị như: 01 nâng hàng; 01 bình chịu áp lực và 02 bình khí nén. Việc kiểm định đúng theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

+ Công ty chưa thực hiện việc báo cáo định kỳ về công tác ATVSLĐ với Sở Lao động -TBXH, theo quy định tại TT số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ Lao động - TBXH (Công ty có làm báo cáo nhưng không có gửi về Sở).

+ Công ty chưa thực hiện việc khai báo với Sở Lao động - TBXH về các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ, trước khi đưa vào sử dụng, theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

+ Thẻ an toàn, người sử dụng lao động chưa ký tên và đóng dấu vào thẻ an toàn.

Theo báo cáo, Công ty không có lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - TBXH. Nhưng Công ty có thực hiện việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho lao động nhóm 4 (01 tuần nhận 01/lần).

* Đề nghị:

- Sớm ban hành Nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể và quy chế dân chủ cơ sở theo quy định của Bộ Luật lao động năm 2019.

- Đối với nội dung kiểm tra lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN:

+ Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện tốt việc trích đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN hàng tháng theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Luật BHXH. Đề nghị Công ty chuyên nộp phát sinh BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tháng 03/2022 về cơ quan BHXH tính trước ngày 15/4/2022.



+ Đề nghị Công ty bổ sung 7% tay nghề vào mức lương đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 22 lao động thuộc nhóm 4, nhóm 5 của Công ty để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Đối với Công tác an toàn, vệ sinh lao động đề nghị Công ty thực hiện các nội dung sau:

+ Tiến hành khai báo với Sở Lao động - TBXH về các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, trước khi đưa vào sử dụng (*mẫu khai báo theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ*). Thực hiện ngay.

+ Trình người sử dụng lao động ký và đóng dấu vào thẻ an toàn.

+ Tiến hành rà soát lại số lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề công việc đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội. Đối với số lao động sử dụng xe nâng hàng, lao động điều khiển máy sản xuất (lao động có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động "*lao động nguy hiểm*"); thực hiện trong tháng 5/2022.

+ Trên cơ sở Kế hoạch số 16/KH-HĐATVSLĐ ngày 23/3/2022 của Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động tỉnh về việc tổ chức triển khai Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2022, trên địa bàn tỉnh. Công ty xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện tại Công ty và báo cáo kết quả về Sở Lao động - TBXH theo quy định.

2. Việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường:

- Công ty cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/01/2018.

- Tuy nhiên, đề nghị Công ty thực hiện một số nội dung như sau:

+ Nêu cụ thể vào báo cáo chất thải rắn sản xuất gì? Vì Công ty hợp đồng mua bán phế liệu với cơ sở thu mua phế liệu Thạch Ngọc Hoàn.

+ Cập nhật hợp đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất vào báo cáo.

+ Bổ sung vào báo cáo biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình sản xuất.

+ Kiến nghị Công ty đến 31/12/2022 xử lý triệt để (100%) lượng chất thải nguy hại còn tồn tại kho chứa chất thải nguy hại và phát sinh mới trong năm 2022.

3. Về công tác phòng cháy chữa cháy:

Qua kiểm tra thực tế, Công ty cơ bản có thực hiện các điều kiện an toàn PCCC và CNCH. Tuy nhiên, còn một số nội dung thiếu sót hạn chế, cụ thể như sau:

- Đội PCCC cơ sở 10 thành viên trong đó giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC 05 thành viên đã hết hạn.

- Chưa xây dựng phương án cứu nạn, cứu hộ;

- Chưa thực hiện việc báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy định kỳ 06 tháng quy định tại Điều 16 của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

* Đề đảm bảo điều kiện an toàn PCCC và CNCH trong thời gian tới đề nghị Công ty thực hiện tốt một số nội dung như sau:

- Thành viên Đội PCCC cơ sở phải được huấn luyện lại để cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH theo quy định Điều 33 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ (thực hiện đến 20/5/2022);

- Xây dựng phương án cứu nạn, cứu hộ quy định tại Điều 9 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính Phủ (thực hiện ngay sau lần kiểm tra);

- Định kỳ 06 tháng gửi báo cáo kết quả kiểm tra về cơ quan Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ (Thực hiện định kỳ 02 lần/năm);

- Định kỳ tổ chức thực tập phương án chữa cháy ít nhất một lần một năm và thực tập phương án chữa cháy khi có yêu cầu bằng văn bản của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Bộ Công an (thực hiện trong năm 2022).

4. Về tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Qua tra cứu trên hệ thống quản lý thuế TMS, số liệu khớp đúng với số báo cáo trên phụ lục 5 của Công ty. Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước theo kê khai.

5. Về công tác phòng, chống dịch Covid-19:

Công ty cơ bản có thực hiện đầy đủ các nội dung có liên quan đến công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định.

* Đề nghị:

- Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản triển khai của Ban Quản lý Khu kinh tế để kịp thời thông tin tuyên truyền đến người lao động biết và thực hiện đúng các quy định về công tác phòng, chống dịch Covid-19.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Trung ương, các hướng dẫn của Bộ Y tế về chủ động phòng, chống dịch Covid-19. Chủ động có biện pháp phù hợp phòng, chống dịch đảm bảo "thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh Covid-19 theo đúng tinh thần Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ.

- Tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức người lao động tự theo dõi sức khỏe và thực hiện nghiêm 5K của Bộ Y tế. Khi có dấu hiệu bất thường về sức khỏe (ho, sốt, khó thở, đau rát họng, mất vị giác,...) thì báo ngay cơ quan y tế để được hỗ trợ, tư vấn, theo dõi và xử trí kịp thời.

6. Về công tác công đoàn tại Công ty:

Đề xuất Công ty phối hợp với CĐCS ký kết thỏa ước lao động tập thể, hoàn chỉnh sửa đổi, bổ sung nội quy lao động theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019. Sửa đổi bổ sung Quy chế dân chủ theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ. Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo Luật an toàn vệ sinh lao động năm 2015.

IV. Ý KIẾN CỦA DOANH NGHIỆP:

Qua kết luận của Đoàn, Công ty thống nhất cao các kiến nghị, góp ý của Đoàn kiểm tra và cam kết thực hiện đúng theo tinh thần biên bản.

V. KẾT LUẬN:

Sau khi nghe ý kiến của các thành viên trong Đoàn Kiểm tra và ý kiến của Công ty, Đoàn Kiểm tra thống nhất các nội dung như sau:

- Công ty cơ bản thực hiện tốt các nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra (trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, an ninh trật tự, ...), đề nghị Công ty tiếp tục duy trì và phát huy những mặt đã làm tốt.

- Đề nghị Công ty nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của Đoàn kiểm tra, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện về Ban Quản lý Khu kinh tế (trong 30 ngày kể từ ngày kiểm tra).

Biên bản kết thúc vào lúc 17 giờ cùng ngày và có đọc cho các thành viên tham dự cùng nghe, biên bản được lập thành 02 bản mỗi bên liên quan giữ 01 bản có nội dung như nhau./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Chang Ming Fu

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

Lưu Văn Nhạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
“V/v chấp hành các quy định Pháp luật năm 2022”

Kính gửi: Ban quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh

- Căn cứ vào biên bản kiểm tra ngày 05/4/2022 của Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước năm 2022 của Công ty TNHH Khánh Phong.

- Căn cứ thông báo kết luận của Đoàn kiểm tra về việc chấp hành các quy định của pháp luật tại Công ty TNHH Khánh Phong.

1. Thực hiện các nội dung có liên quan đến việc chấp hành các quy định về pháp luật lao động.

- Công ty điều chỉnh lại nội quy lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động năm 2019 và đã nộp tại quầy Ban Quản lý khu kinh tế của Trung tâm hành chính công. Thỏa ước lao động tập thể đã nộp về Ban quản lý khu kinh tế chờ xét duyệt.

- Đối với công tác vệ sinh an toàn lao động: Công ty đã khai báo với Sở Lao động – Thương binh và xã hội 03 thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và có giấy xác nhận ngày 13/4/2022 (giấy xác nhận copy đính kèm). Người vận hành xe nâng được cấp chứng chỉ ngày 21/12/2016 (chứng chỉ copy đính kèm).

2. Đối với công tác bảo vệ môi trường: Các báo cáo sau Công ty sẽ cập nhật hợp đồng xử lý chất thải rắn sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt và các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình sản xuất gửi Sở tài nguyên - Môi trường theo dõi. Công ty đã ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH MTV Môi Trường xanh Huế Phương VN số: HP25/22/HĐXL-KP ngày 21/02/2022. Trong tháng 12/2022 Công ty sẽ xử lý triệt để số lượng chất thải nguy hại phát sinh.

3. Đối với Công tác PCCC: Công ty đăng ký huấn luyện cho các hành viên đội PCCC sẽ huấn luyện khi Phòng Cảnh sát PCCC và CHCN mở lớp tập huấn mới. Trong tháng 08/2022 Công ty liên hệ với Phòng Cảnh sát PCCC và CHCN thực tập phương án chữa cháy theo định kỳ một lần một năm. Công ty đã xây dựng phương án

Công ty TNHH Khánh Phong

ĐT: 0294.3746669

cứ hộ, cứu nạn và kết quả tự kiểm tra 06 tháng gửi về cơ quan Phòng Cảnh sát PCCC và CHCN.

Trên đây là báo cáo những mất tổn tại Công ty đã khắc phục theo thông báo kết luận ngày 07/5/2022 của đoàn kiểm tra.

Chân thành cảm ơn.!

Trà Vinh, ngày 18 tháng 5 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC

P. GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi tên, đóng dấu)



Chang Ming Fu

Trà Vinh, ngày 15 tháng 5 năm 2024

BIÊN BẢN

Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật của Công ty TNHH Khánh Phong trong KCN Long Đức năm 2024

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-BQLKKT ngày 31/01/2024 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2024; Quyết định số 80/QĐ-BQLKKT ngày 07/5/2024 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh về việc thay đổi thành viên Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-ĐKT ngày 19/3/2024 của Đoàn kiểm tra về việc kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2024, Thông báo số 76/TB-BQLKKT ngày 06/5/2024 của Đoàn kiểm tra về lịch kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2024;

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 15/5/2024 tại Công ty TNHH Khánh Phong (tại KCN Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh), Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật của Công ty.

I. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA:

1. Đại diện Đoàn kiểm tra:

1.1. Ban Quản lý Khu kinh tế:

- Ông Lưu Văn Nhanh, Phó Trưởng Ban, Trưởng đoàn.
- Bà Lâm Thị Mười, Trưởng phòng Quản lý Đầu tư và Doanh nghiệp, Phó Trưởng Đoàn.
- Bà Nguyễn Thị Diễm Chi, Chuyên viên phòng Quản lý Đầu tư và Doanh nghiệp, Thư ký.

1.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

Bà Lê Minh Thương, Trưởng phòng thanh tra-kiểm tra, thành viên.

1.3. Sở Y tế:

Ông Thạch Tuấn Anh, Viên chức Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành viên.

1.4. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

Ông Đoàn Hoàng Phụng, Chuyên viên Phòng LĐVL-GDNN, thành viên.



1.5. Công đoàn Khu kinh tế:

Ông Trần Nhật Linh, Chủ tịch Công đoàn Khu kinh tế, thành viên.

1.6. Cục Thuế tỉnh:

Ông Lê Thanh Dũng, công chức, thành viên.

1.7. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Ông Mạc Minh Ngữ, Chuyên viên phòng Quản lý Môi trường, thành viên.

1.8. Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh:

Ông Nguyễn Vũ Cường, Cán bộ, thành viên.

2. Đại diện Công ty TNHH Khánh Phong:

- Ông Chang Ming-Fu, Phó Giám đốc (*tham dự theo Giấy ủy quyền số 02/UQ-KP ngày 26/7/2017 của ông Chen Chinh Tung, người đại diện theo pháp luật của Công ty*).

- Bà Đặng Thị Thu Thủy, Nhân viên Văn phòng kiêm phiên dịch.

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC:

1. Ông Lưu Văn Nhanh, Trưởng đoàn nêu mục đích, yêu cầu và cách thức thực hiện của Đoàn kiểm tra. Đề nghị Công ty và các thành viên Đoàn kiểm tra phối hợp thực hiện.

2. Bà Lâm Thị Mươi, Phó Trưởng Đoàn giới thiệu thành phần Đoàn kiểm tra và thông qua Quyết định số 18/QĐ-BQLKKT ngày 31/01/2024 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2024; Quyết định số 80/QĐ-BQLKKT ngày 07/5/2024 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh về việc thay đổi thành viên Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2024.

3. Ông Chang Ming Fu, thông qua phiên dịch, báo cáo tóm tắt kết quả việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp năm 2024 (*kỳ báo cáo từ đầu năm 2023 đến thời điểm kiểm tra*), trong đó tập trung vào một số nội dung theo 04 phụ lục quy định tại Kế hoạch số 13/KH-ĐKT ngày 19/3/2024 của Đoàn Kiểm tra (phụ lục 1, 2, 3, 5).

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA:

1. Về các quy định về pháp luật lao động:

1.1 Về công tác lao động, tiền lương:

Qua kiểm tra, Công ty cơ bản có thực hiện các quy định pháp luật về lao động; có đăng ký Nội quy lao động về Ban Quản lý Khu kinh tế, có ký kết hợp đồng lao động với người lao động, có xây dựng thang bảng lương cho người lao động làm việc tại Công ty.

230C
ÔNG
THIỆ
LÀNH
VINH

1.2 Về công tác an toàn vệ sinh lao động:

*** Những quy định Công ty đã có thực hiện:**

- Có phân công cán bộ phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động có quyết định bằng văn bản; có thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh lao động; có thành lập bộ phận y tế; có tổ chức lực lượng sơ cấp cứu.

- Có khai báo các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Có huấn luyện an toàn vệ sinh lao động các nhóm 1, 3, 4.

- Có xây dựng kế hoạch công tác an toàn vệ sinh lao động năm 2024; có lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động và có tổ chức quan trắc môi trường lao động định kỳ hằng năm; có lập kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, có lập hồ sơ quản lý sức khỏe và bệnh tật người lao động.

- Có tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm.

- Có tổ chức tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động.

- Có tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động.

*** Những công việc chưa thực hiện:**

- Chưa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động các nhóm 2, 5, 6.

- Có trang bị tủ, túi sơ cấp cứu nhưng chưa đầy đủ theo quy định.

*** Kiến nghị:**

- Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh, lao động cho các nhóm 2, 5, 6 theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

- Trang bị tủ, túi sơ cấp cứu theo quy định tại Điều 6 và Phụ lục 4, Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế.

1.3 Về công tác bảo hiểm xã hội:

Tổng số lao động đơn vị đang sử dụng đến thời điểm kiểm tra: 33 lao động. Trong đó: Số lao động đã ký HĐLĐ không xác định thời hạn: 11 lao động; Số lao động đã ký HĐLĐ có thời hạn từ 12 đến 36 tháng: 17 lao động; Số lao động chưa ký HĐLĐ : 05 lao động học việc (đang học việc từ ngày 06/5/2024).

- Tổng số lao động thuộc diện phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 28 lao động. Công ty đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 28 lao động.

- Tổng số lao động không thuộc diện phải tham gia: 05 lao động (đang học việc từ ngày 06/5/2024).

*** Kết quả kiểm tra:**

1000
STY
KHU
PHON
1.12

- Công ty thực hiện tốt việc trích đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật BHXH, khoản 1 Điều 15 của Luật BHYT và khoản 2 Điều 44 Luật Việc làm.

- Công ty phối hợp tốt với cơ quan BHXH trong việc đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho người lao động, báo tăng, giảm lao động, kịp thời điều chỉnh mức đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đúng theo quy định.

- Mức lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN của người lao động tại Công ty theo mức lương tối thiểu vùng II quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ.

*** Đề xuất, kiến nghị:**

- Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện tốt việc trích đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật BHXH, khoản 1 Điều 15 của Luật BHYT và khoản 2 Điều 44 Luật Việc làm.

- Công ty tiếp tục phối hợp tốt với cơ quan BHXH trong việc đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho người lao động, báo tăng, giảm lao động kịp thời, điều chỉnh mức đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho người lao động đúng theo quy định.

- Đề nghị Công ty ký HĐLĐ và đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 05 lao động sau khi hết thời gian học việc.

2. Việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường:

*** Những nội dung chưa thực hiện:**

- Công ty báo cáo chưa đầy đủ nội dung theo Phụ lục 2 của Đoàn kiểm tra như: lượng nước sử dụng, nguồn cung cấp, giấy phép môi trường thành phần, tình hình thực hiện giấy phép môi trường, kết quả giám sát môi trường Quý I/2024, Quy trình xử lý bụi, khí thải,...

- *Kết quả kiểm tra thực tế:* kho chứa chất thải nguy hại Công ty chưa bố trí cửa kho (chỉ ngăn cách bằng lưới B40), hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng cột lọc và không có hóa chất tiệt trùng, vị trí đầu nối nước thải với hệ thống xử lý chung của KCN Long Đức đã bị bịt kín.

*** Kiến nghị:**

- Công ty báo cáo đầy đủ nội dung theo Phụ lục 2 của Đoàn kiểm tra gửi lại Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Cải tạo, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải tại cột lọc và bổ sung hóa chất khử trùng; lắp đặt kho chứa chất thải nguy hại.



- Công ty phối hợp với Trung tâm Quản lý Hạ tầng KKT, KCN xử lý vị trí đầu nổi nước thải với hệ thống xử lý chung của KCN Long Đức để đảm bảo việc lấy mẫu.

- Đề nghị Công ty thực hiện thủ tục Giấy phép môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo thời hạn quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (phải có Giấy phép môi trường chậm nhất ngày 01/01/2025).

3. Về công tác phòng cháy chữa cháy:

Qua kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) tại Công ty, Đoàn kiểm tra ghi nhận như sau:

* **Ưu điểm:** Công ty đã xây dựng hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC theo quy định tại Điều 4 thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an; thực hiện công tác tự kiểm tra an toàn PCCC định kỳ, tổ chức hoạt động đội PCCC cơ sở, thực tập phương án chữa cháy và phương án CNCH, báo cáo kết quả tự kiểm tra định kỳ 06 tháng về Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH. Công ty thực hiện tốt việc kiểm tra bảo quản phương tiện, thiết bị PCCC và CNCH theo quy định Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ Công an.

* **Tồn tại:** Không

* **Kiến nghị:** Để đảm bảo điều kiện an toàn PCCC và CNCH trong thời gian tới Đoàn kiểm tra yêu cầu Công ty tiếp tục duy trì các điều kiện an toàn PCCC và CNCH theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020, Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 và Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ.

4. Về tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Qua tra cứu trên hệ thống quản lý thuế tập trung TMS, số liệu khớp đúng với số báo cáo trên Phụ lục 5 của Công ty. Tính đến thời điểm kiểm tra, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước theo kê khai.

5. Về công tác công đoàn tại Công ty:

* **Ưu điểm:** Công ty có tạo điều kiện cho Công đoàn cơ sở thực hiện các quy định theo Luật Công đoàn 2012, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

* **Đề xuất:** Công ty tiếp tục phối hợp với Công đoàn cơ sở quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động do Công đoàn tổ chức.

IV. Ý KIẾN CỦA DOANH NGHIỆP:

Qua kết luận của Đoàn, Công ty thống nhất cao các kiến nghị, góp ý của Đoàn kiểm tra và cam kết thực hiện đúng theo tinh thần biên bản.

V. KẾT LUẬN:

- Công ty có quan tâm thực hiện các báo cáo và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra, có cử người tiếp và làm việc với Đoàn kiểm

tra theo từng lĩnh vực chuyên ngành. Kết quả kiểm tra: Công ty thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về các lĩnh vực: *thuế, bảo hiểm xã hội, công tác phòng cháy và chữa cháy.*

- Đối với các kiến nghị của Đoàn kiểm tra (*về công tác môi trường, an toàn vệ sinh lao động*), đề nghị Công ty nghiêm túc thực hiện theo thời gian kiến nghị của Đoàn kiểm tra trong từng lĩnh vực.

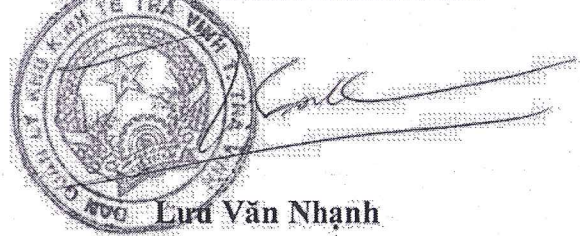
- Đồng thời, đề nghị Công ty Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Đoàn kiểm tra trong từng lĩnh vực về Ban Quản lý Khu kinh tế, các Sở, ngành quản lý (*kèm theo hồ sơ chứng minh theo kiến nghị của Đoàn kiểm tra trong từng lĩnh vực*). Thời gian thực hiện *trong vòng 30 ngày kể từ ngày kiểm tra.*

Biên bản kết thúc vào lúc 11 giờ cùng ngày và thông qua cho các thành viên tham dự cùng nghe, biên bản được lập thành 02 bản mỗi bên liên quan giữ 01 bản có nội dung như nhau./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA



**NGƯỜI PHIÊN DỊCH
NỘI DUNG BIÊN BẢN**

**Đặng Thị Thu Thủy
(Nhân viên tại Công ty)**

BÁO CÁO
“V/v chấp hành các quy định Pháp luật năm 2024”

Kính gửi: Ban quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh.

- Căn cứ vào biên bản kiểm tra ngày 15/05/2024 của Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước năm 2024 của Công ty TNHH Khánh Phong.
- Căn cứ kết luận kiểm tra về việc chấp hành các quy định của pháp luật tại Công ty TNHH Khánh Phong.
- Công ty TNHH Khánh Phong báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Đoàn kiểm tra như sau:

1. Về công tác an toàn vệ sinh lao động:

Căn cứ Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Tổng số lao động hiện tại của Công ty là: 32 lao động. Trong năm Công ty đã huấn luyện các nhóm 1,3,4. Công ty cũng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng lao động. Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách. Trong các đối tượng được phân công thì không có đối tượng thuộc nhóm 2. Đối với nhóm 5 Công ty phân công cán bộ phụ trách công tác y tế, hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Lập kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, lập hồ sơ quản lý sức khỏe và bệnh tật cho người lao động. Lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động gửi Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Trà Vinh theo dõi, quản lý. Đối với nhóm 6 huấn luyện an toàn vệ sinh viên do số lượng lao động tương đối ít, công ty bố trí huấn luyện cho toàn bộ cán bộ công nhân lao động theo nhóm 1,3,4 nên không bố trí huấn luyện riêng thuộc đối tượng nhóm 6. Công ty sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng để huấn luyện các nhóm còn lại.



PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ NĂM 2022 VÀ 2023

PHỤ LỤC 2.1

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ NĂM 2022

BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số : 0395.....

Trang : 1/1.....

1. Nơi lấy mẫu thử nghiệm: CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT..... 2. Địa chỉ: 363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP.TV, tỉnh Trà Vinh
3. Mục đích lấy mẫu: YC khách hàng; Chương trình GS
4. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản: Hướng dẫn quan trắc 5.7
5. Chỉ tiêu, phương pháp thử nghiệm: Xem phiếu YCTN số: 0395.....
6. Thời gian và địa điểm lấy mẫu: Từ 9h... đến 11h... ngày 28/03/2022 tại Cty TNHH Khánh Phong - Mở rộng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm - Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, xã Long Đức, tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
7. Thiết bị quan trắc: Máy ồn Rion NL21, 42, Máy thu bụi HI-Q, Máy thu mẫu khí SKC, Máy Extech SD700, Testo 340, 350, Tecora G4, GPS, Garmin, Máy đo HandyLap 100 200, Máy đo DO-HQ40D, Máy đo độ đục, Máy đo độ rung, Thiết bị đo lưu tốc, Dụng cụ thu mẫu nước, Dụng cụ thu mẫu đất, TB khác
8. Điều kiện lấy mẫu. + Đặc điểm thời tiết: Trời nắng ; Trời mưa ; Nước lớn ; Nước ròng ; Đặc điểm khác:
- + Điều kiện sản xuất: Hoạt động bình thường ; Ngừng hoạt động ; Điều kiện khác:

STT	Tên mẫu/Kí hiệu	Vị trí thu mẫu	Tọa độ địa lý	Độ ồn	Vận tốc nước	H (m)	D (m)	Áp suất	Nhiệt độ	Độ ẩm	Độ rung	TDS	pH	DO	Độ đục	EC	Độ mặn	ORP	Ánh sáng	Tốc độ gió	
1	Khí thải 1 1376	Đầu ra của Hệ thống lọc bụi túi vải tại công đoạn sản xuất	106°34'57" 9°57'06"																		
2	Khí thải 2 1377	Khí thải đầu ra của hệ thống XLKT lò sấy	106°20'44" 9°58'15"																		
3																					
4																					

8. Lưu lượng, thời gian thu mẫu: SO₂: 1L/p; 30 phút; NO₂: 0,5L/p; 30 phút; NH₃: 0,5L/p; 30 phút; H₂S: 1L/p; 40 phút; HF: 1L/p; 20 phút; VOC: C₆H₆: 0,2L/p; 25 phút; Cl₂: 1L/p; 30 phút; Bụi chi: 100L/p; 20 phút; CH₄/SH, Naphtulene: 0,2L/p; 50 phút; H₂SO₄, H₃PO₄: 1,5L/p; 20 phút; HCl, HBr, HNO₃: 2L/p; 20 phút; Xyanua: 1L/p; 2 giờ; Acetaldehyde: 0,05L/p; 20 phút; Chloroform: 0,2L/p; 20 phút; Asen: 2L/p; 4 giờ; Thủy ngân: 0,2L/p; 20 phút; Kim loại: 2L/p; 20 phút; Phenol: 0,1L/p; 20 phút; CO₂: 3L/p; 30p

Quan trắc viên: [Signature] Trưởng nhóm quan trắc: [Signature] Đại diện cơ sở: [Signature]

Chữ ký: [Signature] [Signature] [Signature]

Họ và tên: Phan Thị Công Phan Thị Công Nguyễn Thị Thủy

Chức vụ: [Signature] [Signature] [Signature]



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)⁽¹⁾

Số: 1376/MT/0395/0422

Ngày: 05/04/2022
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 1 (Đầu ra của hệ thống lọc bụi túi vải tại công đoạn sàng trộn)
Tọa độ: 9°97'06"/106°34'57"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 28/03/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được đo tại hiện trường và hấp thu trong giấy lọc
5. Ngày thử nghiệm : Từ 28/03/2022 đến 05/04/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 0395
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 9h00 - 11h00 ngày 28/03/2022 tại Công ty TNHH Khánh Phong - Mở rộng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm - Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	US EPA Method 2	112,0
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	1,33
3	(*) Hàm lượng Phenol	mg/Nm ³	US EPA Method 8041A	KPH (MDL = 0,015)

Ghi chú: ⁽¹⁾ được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (*) chỉ tiêu do PTN hợp đồng phụ thử nghiệm.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc



Huyền Nguyễn Bảo Loan

1. Các số: quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gốc đến.
Text results are valid for the primary submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (ATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of ATECH.



Số: 1377/MT/0395/0422

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
 (Phòng thử nghiệm được chỉ định)⁽¹⁾

Ngày: 05/04/2022
 Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 2 (Khí thải đầu ra của hệ thống XLKT lò sấy)
 Tọa độ: 9°58'15"/106°20'44"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 28/03/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được đo tại hiện trường và hấp thu trong giấy lọc
5. Ngày thử nghiệm : Từ 28/03/2022 đến 05/04/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
 363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 0395
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 9h00 - 11h00 ngày 28/03/2022 tại Công ty TNHH Khánh Phong - Mở rộng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm - Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	US EPA Method 2	2.196
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	1,73
3	(*) Hàm lượng Phenol	mg/Nm ³	US EPA Method 8041A	KPH (MDL = 0,015)
4	(*) Hàm lượng Formaldehyt (HCHO)	mg/Nm ³	US EPA Method 8315A	KPH (MDL = 0,450)

Ghi chú: ⁽¹⁾ được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (*) chỉ tiêu do PTN hợp đồng phụ thử nghiệm.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

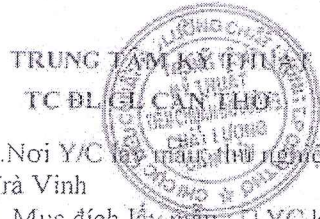
GIÁM ĐỐC


 Nguyễn Khánh Ngọc




 Huỳnh Nguyễn Bảo Loan

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the sample(s) submitted only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiên kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (ATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of ATECH.



BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số: 017
Trang: 1/1

1. Nơi Y/C lấy mẫu thử nghiệm: CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT Trà Vinh
2. Địa chỉ: 363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
3. Mục đích lấy mẫu: YC khách hàng; Chương trình GS
4. Phương pháp lấy mẫu: Hướng dẫn quan trắc 5.7
5. Chỉ tiêu, phương pháp thử nghiệm: Xem phiếu YCTN số: 0577
6. Thời gian và địa điểm lấy mẫu: Từ 08h00 đến 10h00 ngày 06/10/2022 tại Công ty TNHH Khánh Phong - Dự án "Mở rộng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm". Đ/c: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
7. Thiết bị quan trắc: Máy ồn Rion NL21, 42, Máy bụi HV-1E, Máy thu mẫu khí SKC, Máy Extech SD700, Testo 340, 350, Tecora G4, GPS Garmin, Máy đo pH HandyLap 100, Máy đo HandyLap 200, Máy đo độ đục, Máy đo độ rung, Thiết bị đo lưu tốc, Dụng cụ thu mẫu nước, Dụng cụ thu mẫu đất, TB khác
8. Điều kiện lấy mẫu: +Điều kiện môi trường: Trời nắng ; Trời mưa ; Hướng gió:
- +Điều kiện sản xuất: Sản xuất bình thường ; Không sản xuất ; Khác:

STT	Tên mẫu/Kí hiệu	Vị trí thu mẫu	Tọa độ	Độ ồn	Vận tốc:...	H (m)	D (m)	Áp suất	Nhiệt độ	Độ ẩm	Độ rung	TDS	pH	DO	Độ đục	EC	Độ mặn	ORP	Ánh sáng	Bảo quản	
1	Không khí	tại khu vực sáng, trộn																			
2	Khí thải	đầu ra của hệ thống XLKT lò sấy																			
3																					
4																					
5	3425 - 3430																				

8. Lưu lượng, thời gian thu mẫu: SO₂: 1L/p; 30 phút; NO₂: 0,5L/p; 30 phút; NH₃: 0,5L/p; 30 phút; H₂S: 1L/p; 40 phút; HF: 1L/p; 20 phút; VOC, C_nH_m: 0,2L/p; 25 phút; Cl₂: 1L/p; 30 phút; Bụi chì: 100L/p; 20 phút; CH₃SH, Napthalene: 0,2L/p; 50 phút; H₂SO₄, H₃PO₄: 1,5L/p; 20 phút; HCl, HBr, HNO₃: 2L/p; 20 phút; Kyanua: 1L/p; 2 giờ; Acetaldehyde: 0,05L/p; 20 phút; Chloroform: 0,2L/p; 20 phút; Asen: 2L/p; 4 giờ; Thiyan: 0,2L/p; 20 phút; Kim loại: 2L/p; 20 phút; Phenol: 0,1L/p; 20 phút; O₃: 3L/p; 30p

Quan trắc viên: [Signature]
 Chữ ký:
 Họ và tên:
 Chức vụ:

Trưởng nhóm quan trắc: [Signature]
 Chữ ký:
 Họ và tên:
 Chức vụ:

Đại diện cơ sở: [Signature]
 Chữ ký:
 Họ và tên:
 Chức vụ:



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
 Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
 Tel: 0292.3839353 - Fax: 0292.3833976
 Email: catech@cantho.gov.vn
 Website: catech.vn

Số: 3429/MT/0897/0622

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)⁽¹⁾

Ngày: 17/06/2022
 Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 1 (Tại khu vực sàng, trộn)
Tọa độ: 9°58'14,2"/106°20'44,6"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 09/06/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được đo tại hiện trường và hấp thu trong giấy lọc
5. Ngày thử nghiệm : Từ 09/06/2022 đến 16/06/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 0897
 - * Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - * Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - * Thời gian và địa điểm: Từ 11h00 - 12h00 ngày 09/06/2022 tại Công ty TNHH Khánh Phong - Dự án "Mở rộng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm - Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

9. Kết quả thử nghiệm

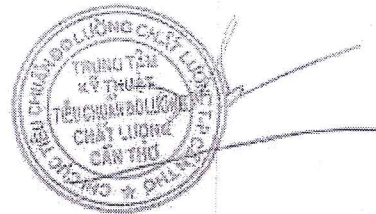
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	61,80
2	(*) Hàm lượng Phenol	mg/Nm ³	US EPA Method 8041A	KPH (MDL = 0,015)
3	Lưu lượng	m ³ /giờ	US EPA Method 2	2.122

Ghi chú: ⁽¹⁾ được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (*) chỉ tiêu do PTN hợp đồng phụ thử nghiệm.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Tú



Huỳnh Nguyễn Bảo Loan

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the sample(s) submitted only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (ATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of ATECH.



Số: 3430/MT/0897/0622

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)⁽¹⁾

Ngày: 17/06/2022
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 2 (Đầu ra của hệ thống XLKT lò sấy)
Tọa độ: 9°58'21,1"/106°20'25,8"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 09/06/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được đo tại hiện trường và hấp thu trong giấy lọc
5. Ngày thử nghiệm : Từ 09/06/2022 đến 16/06/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 0395
 - * Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - * Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - * Thời gian và địa điểm: Từ 11h00 - 12h00 ngày 09/06/2022 tại Công ty TNHH Khánh Phong - Dự án "Mở rộng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm - Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	US EPA Method 2	50
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	23,60
3	(*) Hàm lượng Phenol	mg/Nm ³	US EPA Method 8041A	KPH (MDL = 0,015)
4	(*) Hàm lượng Formaldehyt (HCHO)	mg/Nm ³	US EPA Method 8315A	KPH (MDL = 0,450)

Ghi chú: ⁽¹⁾ được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (*) chỉ tiêu do PTN hợp đồng phụ thử nghiệm.

PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Nguyễn Bảo Loan

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the samples submitted only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are required as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (ATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of ATECH.



**TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY**

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830359 - Fax: 0292.3830978
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 6012/MT/1659/0922

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)⁽¹⁾**

Ngày: 28/09/2022
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 1 (Tại khu vực sàng, trộn)
Tọa độ: 9°58'14,2"/106°20'44,6"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 16/09/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được đo tại hiện trường và hấp thu trong giấy lọc
5. Ngày thử nghiệm : Từ 16/09/2022 đến 26/09/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 1659
 - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h50 ngày 16/09/2022 tại Dự án "Mở rộng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm" - Công ty TNHH Khánh Phong - Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

9. Kết quả thử nghiệm :

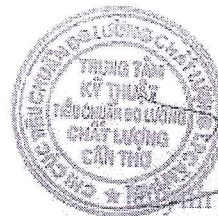
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	US EPA Method 2	2.978
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	3,20
3	(*) Hàm lượng Phenol	mg/Nm ³	US EPA Method 8041A	KPH (MDL = 0,015)

Ghi chú: ⁽¹⁾ được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (*) chỉ tiêu do PTN hợp đồng phụ thử nghiệm.

**P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH**

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Tú



Nguyễn Bảo Loan

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the name(s) submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được in ấn, sao một phần hoặc kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số: 6013/MT/1659/0922

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)⁽¹⁾

Ngày: 28/09/2022
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 2 (Đầu ra của hệ thống XLKT lò sấy)
Tọa độ: 9°58'21,1"/106°20'25,8"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 16/09/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được đo tại hiện trường và hấp thu trong giấy lọc
5. Ngày thử nghiệm : Từ 16/09/2022 đến 26/09/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 1659
- * Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - * Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - * Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h50 ngày 16/09/2022 tại Dự án "Mở rộng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm" - Công ty TNHH Khánh Phong - Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

9. Kết quả thử nghiệm :

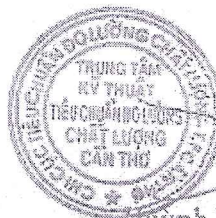
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	US EPA Method 2	153
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	5,47
3	(*) Hàm lượng Phenol	mg/Nm ³	US EPA Method 8041A	KPH (MDL = 0,015)
4	(*) Hàm lượng Formaldehyt (HCHO)	mg/Nm ³	US EPA Method 8315A	KPH (MDL = 0,450)

Ghi chú: ⁽¹⁾ được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (*) chỉ tiêu do PTN hợp đồng phụ thử nghiệm.

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Nguyễn Bảo Loan

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the sample(s) submitted only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao mỗi phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Nơi Y/C lấy mẫu, thử nghiệm: CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT 2. Địa chỉ: 363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP.TV, tỉnh Trà Vinh

1. Mục đích lấy mẫu : YC khách hàng; Chương trình GS 4. Phương pháp lấy mẫu : Hướng dẫn quan trắc 5.7
2. Chỉ tiêu, phương pháp thử nghiệm: Xem phiếu YCTN số: 24.34
3. Thời gian và địa điểm lấy mẫu: Từ 10h00 đến 10h30 ngày 08/10/2022 tại Mở rộng nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất từ 10 triệu viên/năm đến 35 triệu viên/năm - Công ty TNHH Khánh Phong - Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Thiết bị quan trắc: Máy ồn Rion NL21, 42, Máy bụi HV-1E, Máy thu mẫu khí SKC, Máy Extech SD700, Testo 340, 350, Tecora G4, GPS Garmin, Máy đo pH HandyLap 100, Máy đo HandyLap 200, Máy đo độ đục, Máy đo độ rung, Thiết bị đo lưu tốc, Dụng cụ thu mẫu nước, Dụng cụ thu mẫu đất, TB khác
8. Điều kiện lấy mẫu: +Điều kiện môi trường: Trời nắng ; Trời mưa ; Hướng gió:

+Điều kiện sản xuất: Sản xuất bình thường ; Không sản xuất ; Khác:

STT	Tên mẫu/Kí hiệu	Vị trí thu mẫu	Tọa độ	Độ ồn	Vận tốc:...	H (m)	D (m)	Áp suất	Nhiệt độ	Độ ẩm	Độ rung	TDS	pH	DO	Độ đục	Độ mặn	Điện trường	Từ trường	Ánh sáng	Bảo quản
1	Khí thái 1 9o58'14,2"/ 106o20'44,6"	Khí thái tại khu vực sàng, trộn																		
2	Khí thái 2 9o58'21,1"/ 106o20'25,8"	Khí thái đầu ra của hệ thống XLKT lò sấy																		

8. Lưu lượng, thời gian thu mẫu: SO₂: 1L/p; 30 phút; NO₂: 0,5L/p; 30 phút; NH₃: 0,5L/p; 30 phút; H₂S: 1L/p; 40 phút; HF: 1L/p; 20 phút; VOC, C_nH_m: 0,2L/p; 25 phút; Cl₂: 1L/p; 30 phút; Bụi chì: 100L/p; 20 phút; CH₃SH, Napthalene: 0,2L/p; 50 phút; H₂SO₄, H₃PO₄: 1,5L/p; 20 phút; HCl, HBr, HNO₃: 2L/p; 20 phút; Xyanua: 1L/p; 2 giờ; Acetaldehyde: 0,05L/p; 20 phút; Cloroform: 0,2L/p; 20 phút; Asen: 2L/p; 4 giờ; Thủy ngân: 0,2L/p; 20 phút; Kim loại: 2L/p; 20 phút; Phenol: 0,1L/p; 20 phút; O₃: 3L/p; 30p

Quan trắc viên: [Signature] Trưởng nhóm quan trắc: [Signature] Đại diện cơ sở: [Signature]

Chữ ký:
Họ và tên: Nguyễn Văn Tuấn
Chức vụ: Trưởng nhóm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
 Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
 Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
 Email: catech@cantho.gov.vn
 Website: catech.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)⁽¹⁾

Số: 8708/MT/2434/1222

Ngày: 30/12/2022
 Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 1 (Khí thải tại khu vực sàng, trộn)
Tọa độ: 9°58'14,2"/106°20'44,6"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 08/12/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được đo tại hiện trường và hấp thu trong giấy lọc
5. Ngày thử nghiệm : Từ 08/12/2022 đến 28/12/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 8, phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 2434
 - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 10h00 - 10h30 ngày 08/12/2022 tại Dự án "Mở rộng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm" - Công ty TNHH Khánh Phong - Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
9. Kết quả thử nghiệm :

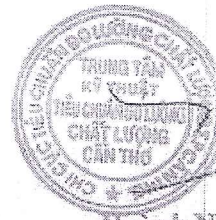
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	US EPA Method 2	3.816
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	4,44
3	(*) Hàm lượng Phenol	mg/Nm ³	US EPA Method 8041A	KPH (MDL = 0,015)

Ghi chú: ⁽¹⁾ được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (*) chỉ tiêu do PTN hợp đồng phụ thử nghiệm.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Nguyễn Bảo Loan

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao chép hoặc phát hành kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)⁽¹⁾

Số: 8709/MT/2434/1222

Ngày: 30/12/2022
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thái 2 (Đầu ra của hệ thống XLKT lò sấy)
Tọa độ: 9°58'21,1"/106°20'25,8"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 08/12/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được đo tại hiện trường và hấp thu trong giấy lọc
5. Ngày thử nghiệm : Từ 08/12/2022 đến 28/12/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 8, phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 2434
- * Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - * Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - * Thời gian và địa điểm: Từ 10h00 - 10h30 ngày 08/12/2022 tại Dự án "Mở rộng Nhà máy sản xuất đá cắt và đá mài công suất 10 triệu viên/năm lên 35 triệu viên/năm" - Công ty TNHH Khánh Phong - Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	US EPA Method 2	1.407
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	3,33
3	(*) Hàm lượng Phenol	mg/Nm ³	US EPA Method 8041A	KPH (MDL = 0,015)
4	(*) Hàm lượng Formaldehyde	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL = 0,025)

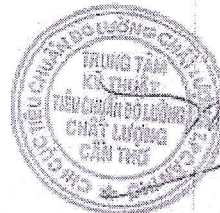
Ghi chú: ⁽¹⁾ được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (*) chỉ tiêu do PTN hợp đồng phụ thử nghiệm.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Nguyễn Bảo Loan



1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the merely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần hoặc kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐÚ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 019

(Cấp lần 04)

Tên tổ chức:

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ

Trụ sở chính:

Số 45 đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Quyết định số 2876

QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Huỳnh Nguyễn Bảo Loan Chức vụ: Giám đốc

CCCD số 092174002346 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21 tháng 8 năm 2018

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày 26 tháng 10 năm 2020

Đến ngày 25 tháng 10 năm 2023

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

- | | | |
|-------------------------|----------------------|---------------------------------|
| 1. Nước: | Lấy mẫu: 04 tháng số | Đo tại hiện trường: 10 tháng số |
| - Nước dưới đất: | Lấy mẫu: 01 tháng số | Đo tại hiện trường: 08 tháng số |
| - Nước mưa: | Lấy mẫu: 01 tháng số | Đo tại hiện trường: 04 tháng số |
| - Nước biển: | Lấy mẫu: 03 tháng số | Đo tại hiện trường: 08 tháng số |
| - Nước thải: | Lấy mẫu: 01 tháng số | Đo tại hiện trường: 05 tháng số |
| 2. Khí: | | |
| - Không khí xung quanh: | Lấy mẫu: 31 tháng số | Đo tại hiện trường: 06 tháng số |
| - Khí thải: | Lấy mẫu: 29 tháng số | Đo tại hiện trường: 11 tháng số |
| 3. Đất: | Lấy mẫu: 01 tháng số | |
| 4. Trầm tích: | Lấy mẫu: 01 tháng số | |
| 5. Bùn thải: | Lấy mẫu: 01 tháng số | |
| 6. Chất thải rắn: | Lấy mẫu: 01 tháng số | |

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

- | | | |
|-------------------------|-------------|--|
| 1. Nước: | | |
| - Nước mặt: | 11 tháng số | |
| - Nước dưới đất: | 14 tháng số | |
| - Nước mưa: | 1 tháng số | |
| - Nước biển: | 27 tháng số | |
| - Nước thải: | 41 tháng số | |
| 2. Khí: | | |
| - Không khí xung quanh: | 26 tháng số | |
| - Khí thải: | 25 tháng số | |
| 3. Đất: | 17 tháng số | |
| 4. Trầm tích: | 11 tháng số | |
| 5. Bùn thải: | 15 tháng số | |
| 6. Chất thải rắn: | 15 tháng số | |

(Chỉ tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số 2876/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2020

KI. BỘ TRƯỞNG
THY TRƯỞNG



Trần Nhật

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung

Tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với đối với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận "Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ", địa chỉ tại Số 45 đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 019/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 019) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Cần Thơ;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT.

CHỖNG THỰC BẢN SẠO

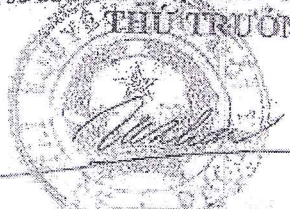
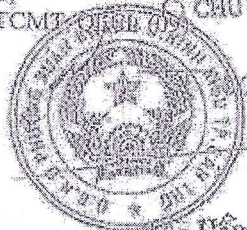
DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 019/2021/TCMT
Quyển số 01
Ngày 12-02-2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

THỦ TRƯỞNG

CHỦ TỊCH

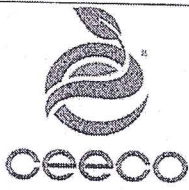


Võ Tuấn Nhân

Trần Hồng Tuyết Trần

PHỤ LỤC 2.2

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ NĂM 2023



Phòng thí nghiệm
Trung tâm Môi trường CEECO

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY

PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

Tel: (028) 37283519, 3283776 Fax: (028) 36402354



VIMCERTS064



BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số:

Hôm nay, vào lúc: ngày 02/12/2023, tại: Công ty TNHH Khánh Phong

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra đánh giá.

Đơn vị giám sát: Công ty TNHH An Chất và Môi trường Đất Việt

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

Địa chỉ:

I. CHÚNG TÔI GỒM:

- Đại diện bên lấy mẫu: Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng
Ông (Bà): Nguyễn Xuân Tiến.....chức vụ: NV
Ông (Bà):chức vụ:
- Đại diện bên được lấy mẫu:
Ông (Bà): Nguyễn Văn Chính.....chức vụ: NV Kỹ thuật
- Đại diện bên giám sát:
Ông (Bà): Nguyễn Thị Thanh Nhân.....chức vụ: Nhân viên
Ông (Bà):chức vụ:



II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

- Đơn vị được lấy mẫu: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM
- Địa chỉ: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- Toạ độ:
- Điều kiện lấy mẫu: Bình thường
- Khối lượng công việc thực hiện:

5.1 Khí thải - Số lượng: 01 mẫu.....

<input type="checkbox"/> Bụi: US EPA Method 5	<input type="checkbox"/> Nhiệt độ: SOP - P49	<input type="checkbox"/> NH ₃ : JIS K 0099:2004	<input type="checkbox"/> Hơi axit: US.EPA Method 26A
<input type="checkbox"/> SO ₂ , NO ₂ , CO, O ₂ : SOP-HTK 02	<input type="checkbox"/> H ₂ S: JIS K 0108:2010	<input type="checkbox"/> KLN: US EPA Method 29	<input type="checkbox"/>

STT	Ký hiệu	Thời gian	Vị trí lấy	Chỉ tiêu
01	KT1		Ống khói tại khu vực sàng, trộn	Lưu lượng, bụi, Phenol
02	KT2		Ống khói tại khu vực sấy	Lưu lượng, bụi, Phenol, Formaldehyde

 ceeco Phòng thí nghiệm Trung tâm Môi trường CEECO	TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG	 VIMCERTS064
	CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY	
	PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	
	Tel: (028) 37283519, 3283776 Fax: (028) 36402354	

➤ Ghi chú:

Mẫu sẽ được niêm phong theo quy định và được ký xác nhận bởi các bên.

Biên bản này được lập thành .03. bản, lúc giờ phút, ngày 02 tháng 12 năm 2022



ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU
(ký và ghi rõ họ tên)

[Signature]
 Nguyễn Văn Chính

ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
(ký và ghi rõ họ tên)

[Signature]
 Nguyễn Thị Thanh Ngân

ĐƠN VỊ LẤY MẪU
(ký và ghi rõ họ tên)

[Signature]
 Nguyễn Xuân Tuấn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 5009/12-23

Mã mẫu: 2312KT104-2312KT105 (029/12-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG
Tên dự án : MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM
Địa chỉ lấy mẫu : Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 02/12/2023 Ngày trả kết quả: 09/12/2023
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Khí thải công nghiệp
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KT1 ống khói tại khu vực sàng trộn
: KT2 ống khói tại khu vực sấy

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				KT1	KT2
1	Lưu lượng ^(c)	m ³ /h	US EPA Method 02	2.520	2.479
2	Bụi (PM) ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	49,5	37,6
3	Phenol ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH MDL=1	KPH MDL=1
4	Formaldehyde ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	-	KPH MDL=1

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận


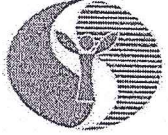
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN



 CEECO Phòng thí nghiệm Trung tâm Môi trường CEECO	TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG	 VIMCERTS064
	CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY	
	PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	
	Tel: (028) 37283519, 3283776 Fax: (028) 36402354	

BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



Số:

Ngày 10/05/2023, tại Công ty TNHH Khánh Phong

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra đánh giá.

Đơn vị giám sát: Công ty TNHH Đá Cát và Mắc Trùng Đá Việt

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

Địa chỉ:

I. CHÚNG TÔI GỒM:

- Đại diện bên lấy mẫu: Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng
 Ông (Bà): Nguyễn Xuân Tiến chức vụ: Kỹ thuật
 Ông (Bà): chức vụ:
- Đại diện bên được lấy mẫu:
 Ông (Bà): Nguyễn Văn Chính chức vụ: NV kỹ thuật
- Đại diện bên giám sát:
 Ông (Bà): Mã Hữu Phước chức vụ: Phó Giám đốc
 Ông (Bà): chức vụ:



II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

- Đơn vị được lấy mẫu: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM
- Địa chỉ: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- Toạ độ:
- Điều kiện lấy mẫu: Bình Thuận
- Khối lượng công việc thực hiện:

5.1 Khí thải - Số lượng: 02 mẫu

<input type="checkbox"/> Bụi: US EPA Method 5	<input type="checkbox"/> Nhiệt độ: SOP - P49	<input type="checkbox"/> NH ₃ : JIS K 0099:2004	<input type="checkbox"/> Hơi axit: US.EPA Method 26A
<input type="checkbox"/> SO ₂ , NO ₂ , CO, O ₂ : SOP-HTK 02	<input type="checkbox"/> H ₂ S: JIS K 0108:2010	<input type="checkbox"/> KLN: US EPA Method 29	<input type="checkbox"/>

STT	Ký hiệu	Thời gian	Vị trí lấy	Chỉ tiêu
01	KT1		Ống khói tại khu vực sàng, trộn	Lưu lượng, bụi, Phenol

 ceeco Phòng thí nghiệm Trung tâm Môi trường CEECO	TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG	 VIMCERTS064
	CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY	
	PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	
	Tel: (028) 37283519, 3283776 Fax: (028) 36402354	

02	KT2		Ống khói tại khu vực sấy	Lưu lượng, bụi, Phenol, Formaldehyde
----	-----	--	--------------------------	--------------------------------------

> **Ghi chú:**

Mẫu sẽ được niêm phong theo quy định và được ký xác nhận bởi các bên.

Biên bản này được lập thành 03.. bản, lúc 10... giờ 05... phút, ngày 09... tháng 09... năm 2022.



003-B
 Y
 ỦU HẠN
 LONG
 TRAV

ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU
(ký và ghi rõ họ tên)

[Signature]
 Nguyễn Văn Chính

ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
(ký và ghi rõ họ tên)

[Signature]
 Mã Hữu Phước

ĐƠN VỊ LẤY MẪU
(ký và ghi rõ họ tên)

[Signature]
 Nguyễn Xuân Tôn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3202/09-23

Mã mẫu: 2309KT273-2309KT274 (039/09-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG
Tên dự án : MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM
Địa chỉ lấy mẫu : Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 09/09/2023 **Ngày trả kết quả**: 16/09/2023
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Khí thải công nghiệp
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KT1 ống khói tại khu vực sàng trộn
: KT2 ống khói tại khu vực sấy

T. NG. H. H.

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				KT1	KT2
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 02	1.117	968
2	Bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	84,4	22,8
3	Phenol ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH MDL=1	KPH MDL=1
4	Formaldehyde ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	-	KPH MDL=1

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN



HOÀNG VĂN TÍN

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG

CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY

PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

Tel: (028) 37283519, 3283776 Fax: (028) 36402354



VIMCERTS064

Trang: 1/2



BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Hôm nay, vào lúc: 09 giờ 00, ngày 08/08/2023, tại: Công Ty TNHH Khánh Phong

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra đánh giá.

Đơn vị giám sát: Công Ty TNHH Địa chất và Môi trường Đất Việt

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

Địa chỉ:

I. CHÚNG TÔI GỒM:

1. Đại diện bên lấy mẫu: Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng

Ông (Bà): Nguyễn Nhung chức vụ: Kỹ thuật

2. Đại diện bên được lấy mẫu:

Ông (Bà): Nguyễn Văn Chính chức vụ: Nhân viên kỹ thuật

3. Đại diện bên giám sát:

Ông (Bà): Mã Hữu Phước chức vụ: Phó Giám đốc

II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Đơn vị được lấy mẫu: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM

2. Địa chỉ: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Tp.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

3. Toạ độ:

4. Điều kiện lấy mẫu: Cơ sở hoạt động bình thường

5. Khối lượng công việc thực hiện:

5.1 Không khí - Số lượng: Lấy mẫu KT

Phương pháp thu mẫu:

<input type="checkbox"/> VKH: QCVN 46:2012/BTNMT	<input type="checkbox"/> Độ rung: TCVN 6963:2001	<input type="checkbox"/> CO: HD-TMBQK 01	<input type="checkbox"/> Bụi: TCVN 5067:1995
<input type="checkbox"/> Tốc độ gió: SOP - HD-P50	<input type="checkbox"/> SO ₂ : TCVN 5971:1995	<input type="checkbox"/> H ₂ S: MASA Method 701	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tiếng ồn: TCVN 7878-2:2010	<input type="checkbox"/> NO ₂ : TCVN 6137:2009	<input type="checkbox"/> NH ₃ : TCVN 5293:1995	<input type="checkbox"/>

STT	Ký hiệu	Thời gian	Vị trí lấy	Chỉ tiêu
01	KT1		KV Sấy, Trộn	Theo khối lượng đặt kèm
02	KT2		KV Sấy	kt

 CEECO Phòng thí nghiệm Trung tâm Môi trường CEECO	TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG	 VIMCERTS064
	CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY	
	PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	
	Tel: (028) 37283519, 3283776 Fax: (028) 36402354	

Trang: 2/2

5.2 Nước - Số lượng:

<input type="checkbox"/> Mẫu nước mặt	TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-1: 2011	<input type="checkbox"/> Mẫu nước biển	TCVN 5998:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-1:2011
<input type="checkbox"/> Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016	<input type="checkbox"/> Mẫu nước mưa	TCVN 5997:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018
<input type="checkbox"/> Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016	<input type="checkbox"/> Mẫu nước ăn uống	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009
<input type="checkbox"/> Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011	<input type="checkbox"/> Mẫu động vật nổi	SMEWW 10200.B:2017
<input type="checkbox"/> Mẫu thực vật nổi	SMEWW 10200.B:2017	<input type="checkbox"/> Động vật đáy	SMEWW 10500.B:2017

STT	Ký hiệu	Thời gian	Vị trí lấy	Chỉ tiêu

➤ Ghi chú:

Mẫu sẽ được niêm phong theo quy định và được ký xác nhận bởi các bên.

Biên bản này được lập thành 03 bản, lúc 09 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 06 năm 2023

ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU
(ký và ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
(ký và ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ LẤY MẪU
(ký và ghi rõ họ tên)

(Signature)
Nguyễn Văn Chính

(Signature)
Mã Hữu Phước

(Signature)
Nguyễn Phùng





TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY

VP-PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
Tel: (028) 37283519, 36402353 Fax: (028) 36402354
Website: http://www.ceeco.vn



VALAS 084

VIMCERTS 064

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1646/06-23

Mã mẫu: 2306KT365-2306KT366 (066/06-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG
Tên dự án : MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM
Địa chỉ lấy mẫu : Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 08/06/2023 **Ngày trả kết quả:** 15/06/2023
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Khí thải công nghiệp
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KT1 ống khói tại khu vực sàng trộn
: KT2 ống khói tại khu vực sấy

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				KT1	KT2
1	Lưu lượng ^(c)	m ³ /h	US EPA Method 02	1.812	1.341
2	Bụi ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	76,3	25,6
3	Phenol ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH MDL=1	KPH MDL=1
4	Formaldehyde ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	-	KPH MDL=1

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO



BIÊN BẢN THU NHẬN MẪU

Hôm nay vào lúc ngày 25/3/2023, tại CS.ĐD.....

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra đánh giá.

Đơn vị giám sát: Công ty TNHH Địa chất và Môi trường ĐD Việt.

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

Tên dự án: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM

Địa chỉ lấy mẫu: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Tp.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Mã số thuế:ĐT.....Ngành nghề:

I. Đại diện đơn vị lấy mẫu:

Ông (Bà) Võ Khâm Lợi

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

Ông (Bà) Nguyễn Phụng

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

Ông (Bà) Nguyễn Xuân Tiến

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

II. Đại diện đơn vị yêu cầu:

Ông (Bà) Nguyễn Văn Chính.....

Chức vụ: Nhân viên Kỹ Thuật.....

III. Đại diện đơn vị giám sát:

Ông (Bà) Mã Hữu Phước

Chức vụ: P. GIÁM ĐỐC

Ông (Bà)

Chức vụ:

IV. Số biên bản thành lập: 03 bản có chữ ký xác nhận của các bên tham gia.

V. Điều kiện lấy mẫu: Chất lượng môi trường đang ổn định.

❖ Kết quả lấy mẫu:

TT	Loại mẫu	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ
01	Chất lượng khí thải	KT1	Khu vực sàng, trộn		Lưu lượng, Bụi tổng, Hơi Phenol	
02	Chất lượng khí thải	KT2	Khu vực sấy		Lưu lượng, Bụi tổng, Hơi Phenol, Hơi Formaldehyt	

Đại diện đơn vị yêu cầu

Đại diện đơn vị giám sát

Đại diện đơn vị lấy mẫu

(Signature)
Nguyễn Văn Chính

(Signature)
Mã Hữu Phước

(Signature)
Võ Khâm Lợi



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 686/03-23

Mã mẫu: 2303KT706-2303KT707 (163/03-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG
Tên dự án : MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM
Địa chỉ lấy mẫu : Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 25/03/2023 **Ngày trả kết quả:** 03/04/2023
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Khí thải công nghiệp
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KT1 ống khói tại khu vực sàng trộn
: KT2 ống khói tại khu vực sấy

T. N. G.
* H. M. I.

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				KT1	KT2
1	Lưu lượng ^(c)	m ³ /h	US EPA Method 02	2.027	1.812
2	Bụi (PM) ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	97,8	26,3
3	Phenol ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH MDL=1	KPH MDL=1
4	Formaldehyde ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	-	KPH MDL=1

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOANG VĂN TÍN

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng

Địa chỉ văn phòng: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37283519; Email: tungceeco@gmail.com.

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: VIMCERTS 064

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2024.

4. Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).



Võ Tuấn Nhân

S. G. C. M. S.
P. 1

Số: 1061 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy trình thi điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;



1061 /QĐ-BTNMT

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “Trung Tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng”, địa chỉ tại số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 064/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 064) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực ba năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QL/CL(12).



Võ Tuấn Nhân

2300

CÔNG

NHỆ

ÁNH

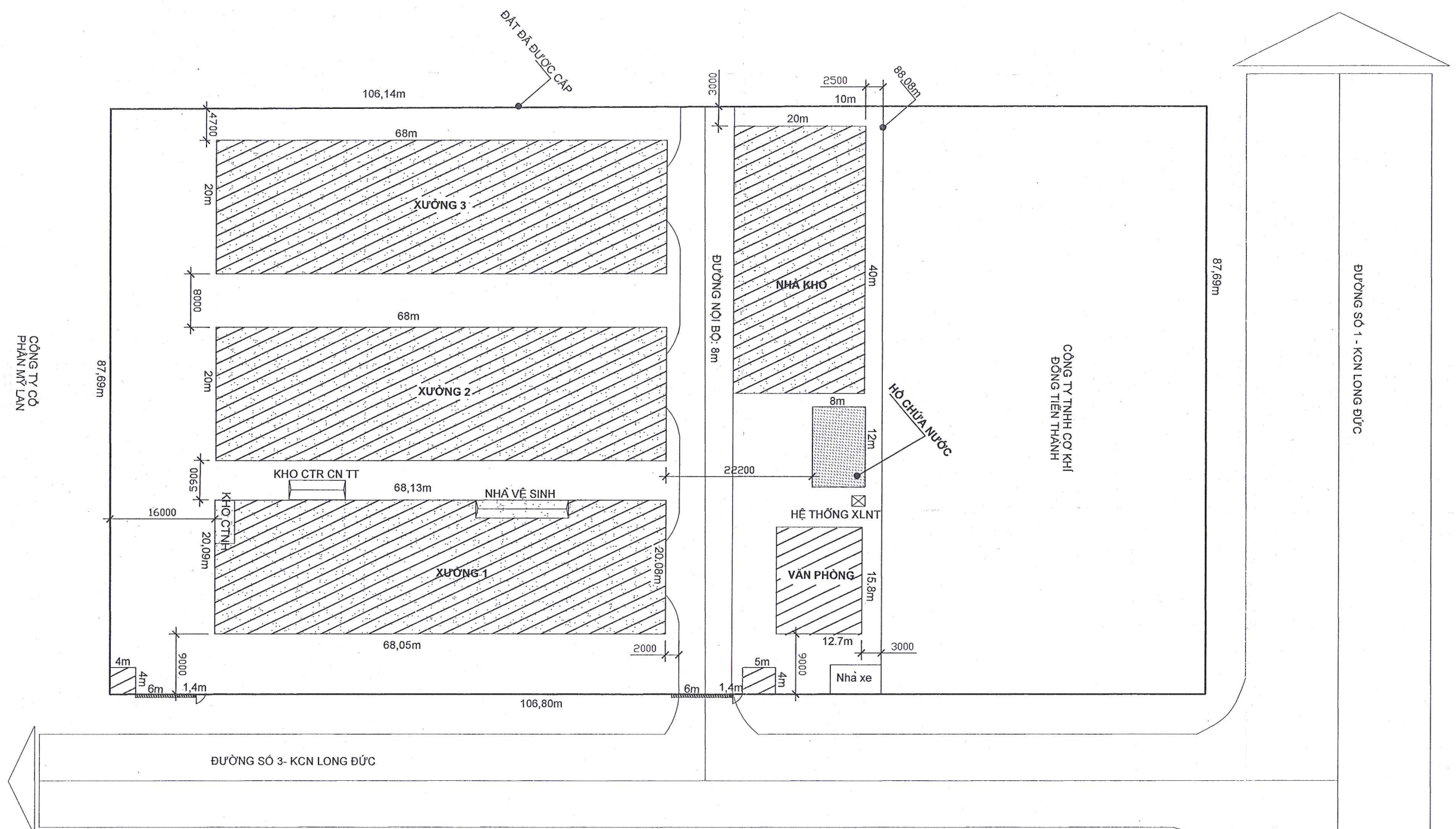
VINH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CƠ SỞ: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT
TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM**

PHỤ LỤC 3

BẢN VẼ



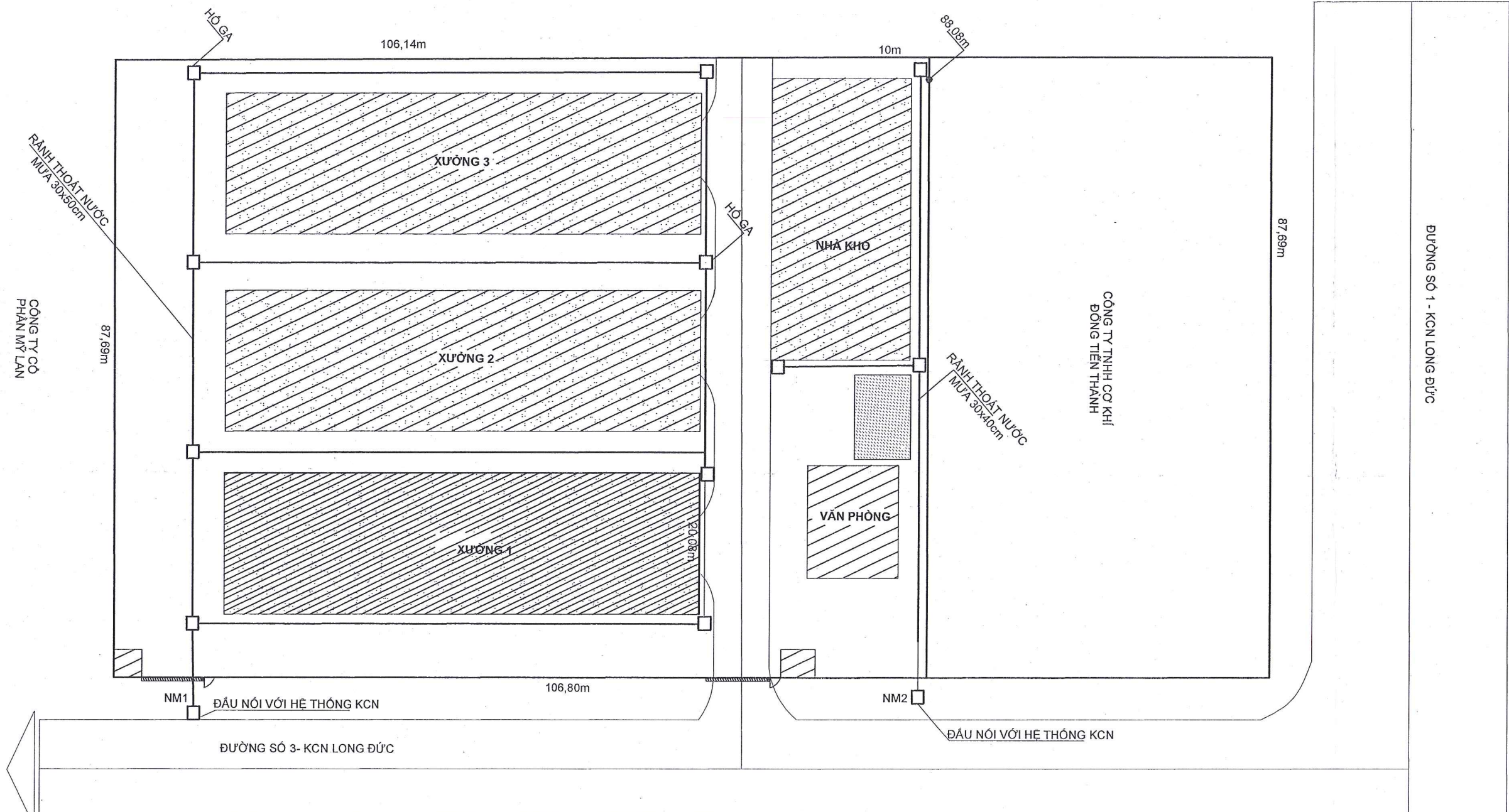
**SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH
CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG**

TL 1/500

- THỪA ĐẤT SỐ: 426 ; TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 71
- ĐỊA CHỈ: XÃ LONG ĐỨC, TP TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
- DIỆN TÍCH THỪA ĐẤT: 9357 m²
- DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: 1367,6 m²; 20m²; 16 m²
- DIỆN TÍCH CHUẨN BỊ XÂY DỰNG: 1360 m²; 1360 m²; 800 m²; 200.66 m²; 20 m²
- CẤP CÔNG TRÌNH: CẤP III, IV
- LOẠI CÔNG TRÌNH: CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP

GHI CHÚ	CHỦ CƠ SỞ CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG Địa chỉ: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	CHỦ TRÌ Chang Ming Fu. THỂ HIỆN Hàng Thị Thu Thủy	DỰ ÁN: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM								
			TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ								
			<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>BẢN VẼ</td> <td>GHÉP: 01XA3</td> <td>TỈ LỆ: 1/500</td> <td>NĂM 2024</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td>KÝ HIỆU</td> <td>MT- KP-1</td> </tr> </table>	BẢN VẼ	GHÉP: 01XA3	TỈ LỆ: 1/500	NĂM 2024			KÝ HIỆU	MT- KP-1
BẢN VẼ	GHÉP: 01XA3	TỈ LỆ: 1/500	NĂM 2024								
		KÝ HIỆU	MT- KP-1								



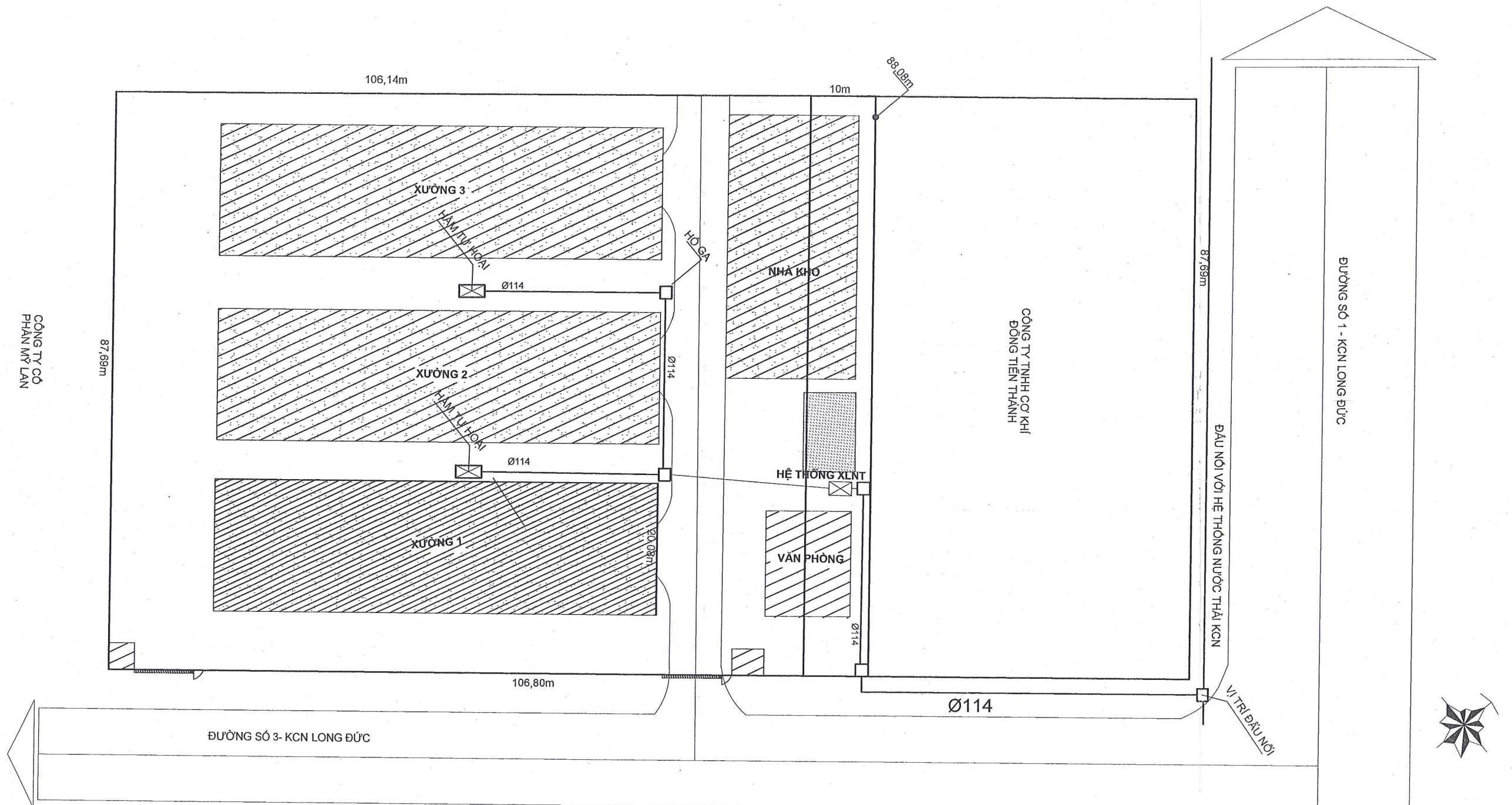


SƠ ĐỒ BỐ THOÁT NƯỚC MƯA

TL 1/500

GHI CHÚ	CHỦ CƠ SỞ CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG Địa chỉ: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	CHỦ TRÌ 张明高 Chang Ming Fu. THỂ HIỆN Hàng Thị Thu Thủy	DỰ ÁN: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM
		TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA	BẢN VẼ GHÉP: 01XA3 TỈ LỆ: 1/500 NĂM 2024
		KÝ HIỆU MT- KP-2	

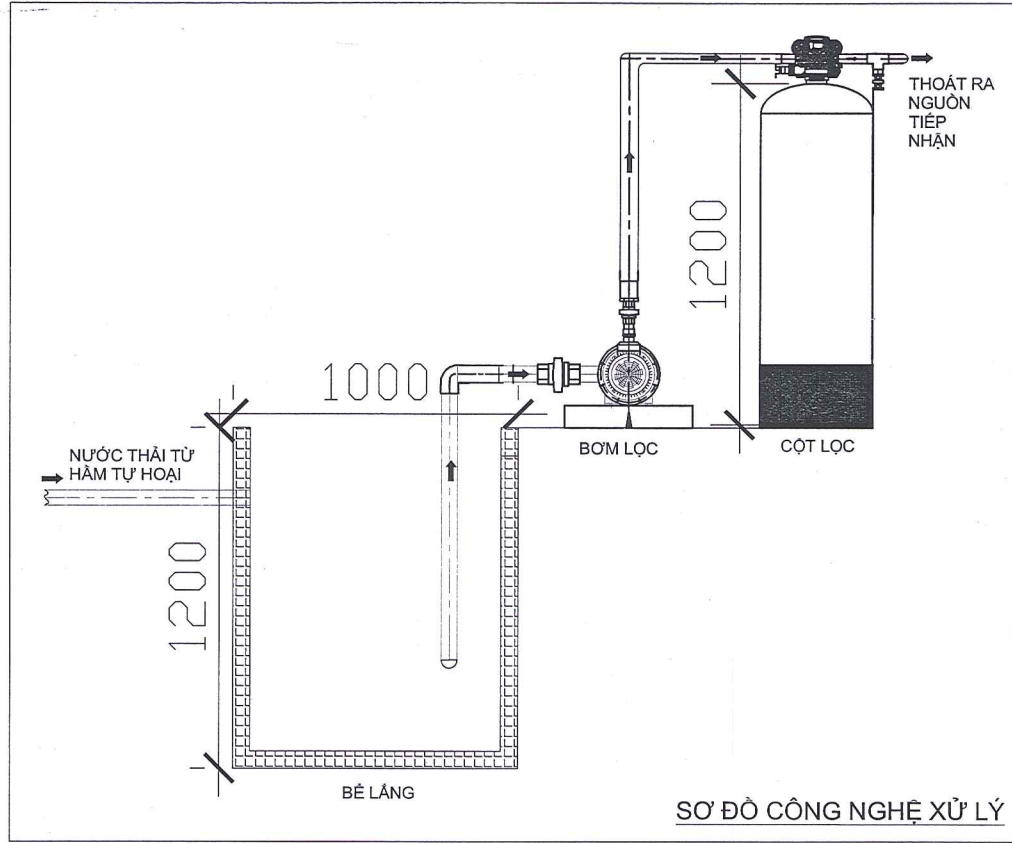
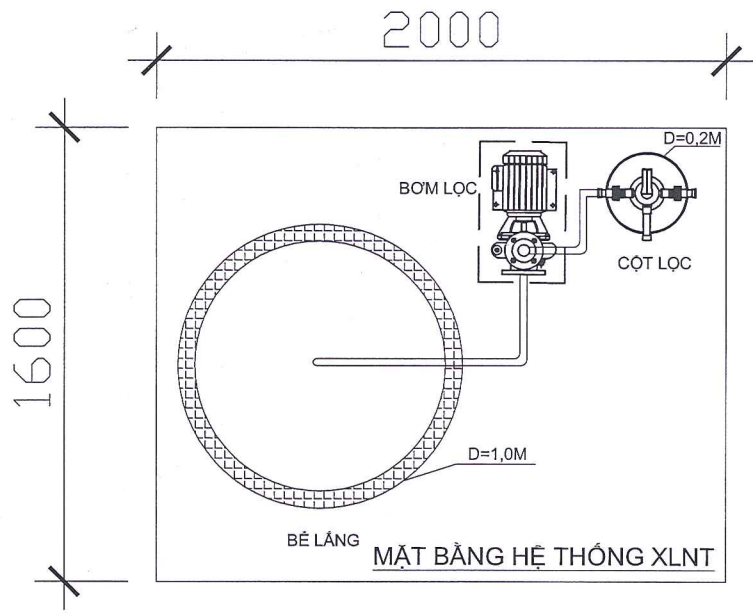




SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC THẢI

TL 1/500

GHI CHÚ	CHỦ CƠ SỞ CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG <small>Địa chỉ: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh</small>	CHỦ TRÌ CHANG MING FU <small>TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHÁNH PHONG</small> <i>Chang Ming Fu</i>	CHỦ TRÌ <i>张明富</i> Chang Ming Fu. THỂ HIỆN <i>[Signature]</i> Hàng Thị Thu Thủy	DỰ ÁN: MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CẮT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM
				TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ THU GOM, THOÁT NƯỚC THẢI
				BẢN VẼ GHÉP: 01XA3 TỈ LỆ: 1/500 NĂM 2024 KÝ HIỆU MT- KP-3



GHI CHÚ

CHỦ CƠ SỞ TRÁCH NHIỆM HỮU AN GIÁM ĐỐC

CHỦ TRÌ

DỰ ÁN:

CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

Chang Ming Fu

Chang Ming Fu
THỂ HIỆN

MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CÁT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM

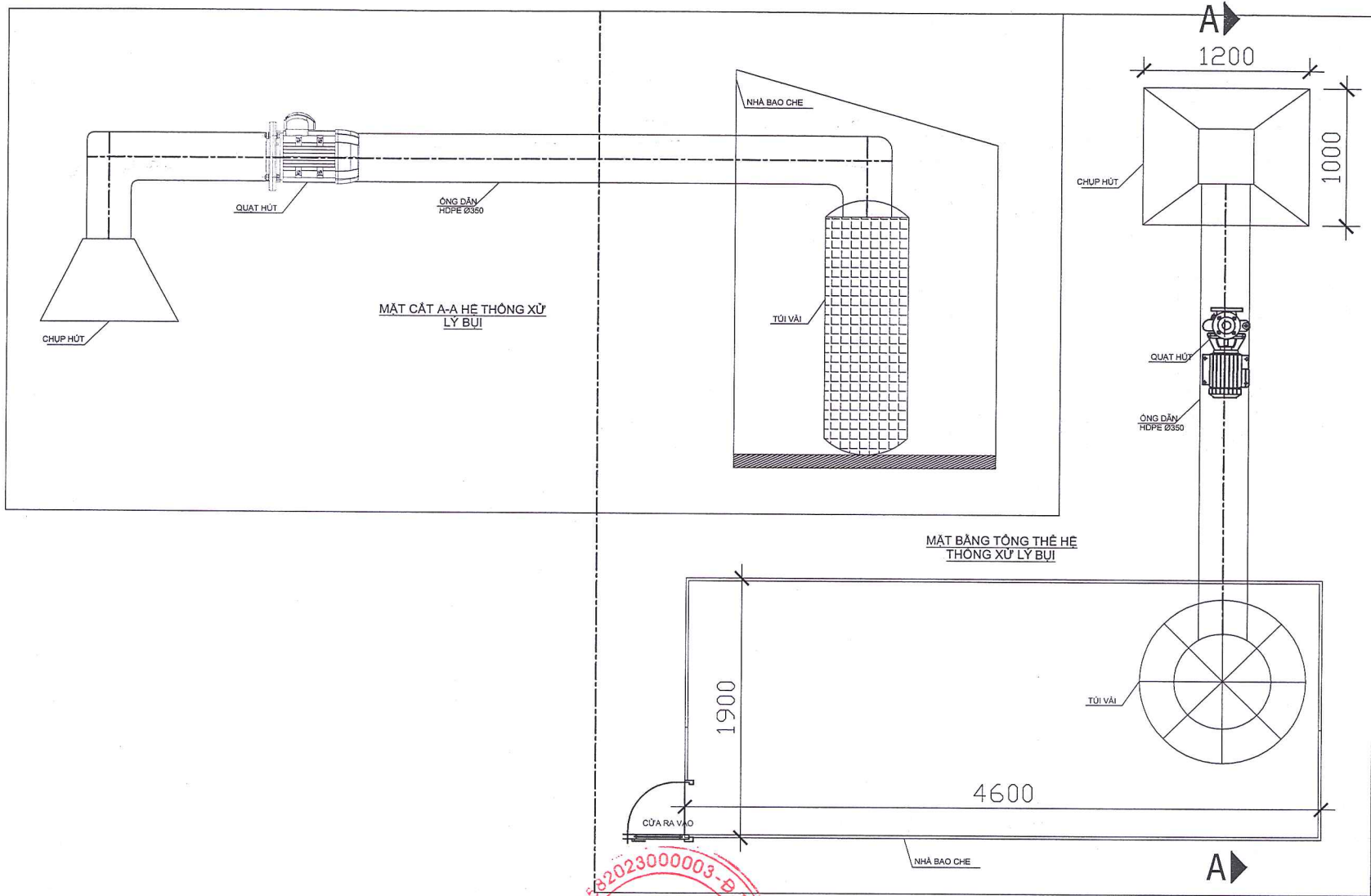
Địa chỉ: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Hàng Anh, Nguyễn

TÊN BẢN VẼ:
HỆ THỐNG XLNT SINH HOẠT

BẢN VẼ	GHÉP: 01XA3	TỈ LỆ: 1/500	NĂM 2024
		KÝ HIỆU	MT- KP-4





GHI CHÚ

CHỦ CƠ SỞ TRÁCH NHIỆM HỮU QUẢN
GIAM ĐỐC

CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

Địa chỉ: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh



Chang Ning Fu
Chang Ning Fu

CHỦ TRÌ

Chang Ning Fu

THỂ HIỆN

Đặng Thị Thu Thủy

DỰ ÁN:

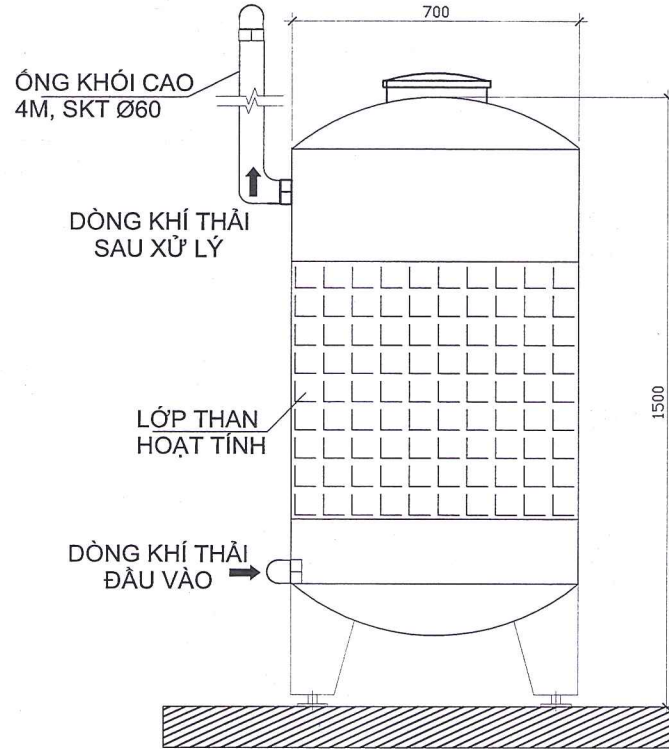
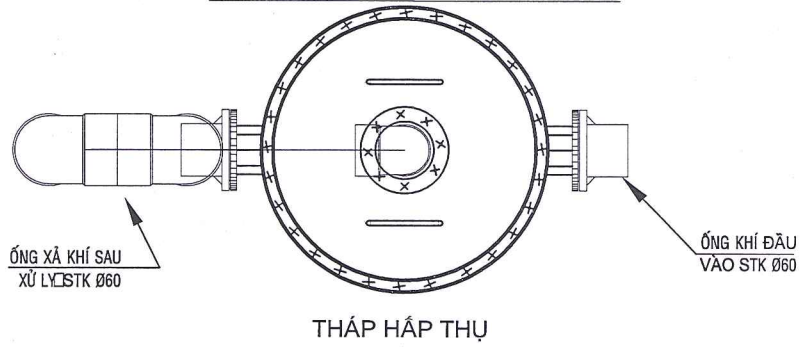
MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CÁT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM

TÊN BẢN VẼ:

HTXL BỤI KHU VỰC SÀNG TRỘN

BẢN VẼ	GHÉP: 01XA3	TỈ LỆ: 1/500	NĂM 2024
		KÝ HIỆU	MT- KP-5

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

GHI CHÚ

CHỦ CƠ SỞ: KHÁNH PHONG
 CHỨC VỤ: GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH KHÁNH PHONG

Địa chỉ: Lô N, đường số 3, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

CHỦ TRÌ

Chang Ming Fu

THỂ HIỆN

Đặng Thị Thu Thủy

DIỆN AN:

MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ CÁT VÀ ĐÁ MÀI CÔNG SUẤT TỪ 10 TRIỆU VIÊN/NĂM LÊN 35 TRIỆU VIÊN/NĂM

TÊN BẢN VẼ:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

BẢN VẼ	GHÉP: 01XA3	TỈ LỆ: 1/500	NĂM 2024
		KÝ HIỆU	MT- KP-6